

# TAO ĐÀN PHỔ-THÔNG

(Xem lại P. T. từ số 45)

## Những bài họa :

✱.— Xuân về, rực rỡ nở trăm hoa,  
 Trời lại dành xuân tặng chúng ta!  
 Kính trắng nhìn quanh cây cỏ đẹp,  
 Sứ xanh quên bẵng nước-non già!  
 Ai vui bạn rượu lên rừng trúc,  
 Ta phóng hồn thơ khỏi tháp ngà.  
 Thoảng bóng mây lành qua gác gió,  
 THANH-BÌNH, lặng chúc bốn phương xa...!

ĐÔNG - XUYÊN

(Saigon)

✱.— Mừng xuân nô-nức bướm hương hoa,  
 Khai bút băng-khuông chạnh nhớ nhà.  
 Cấn ngón, Mẹ già thân tựa cửa  
 Đứng bờ, con trẻ mắt trông xa.  
 Quê mình vắng mặt chào năm mới.  
 Đất khách chơi xuân cảm phận già.  
 Rượu dễ tiêu sầu khi kếm bạn.  
 Vui đây say tỉnh một mình ta.

NGỐ - DIỆU

(Hoa-Kiều ở Nha-trang)

✱.— Dựng một mùa Thơ trăm thức hoa,  
 Niềm Xuân phơi-phới ý chan-hòa.  
 Nước mây vương-vất màu ly-hận,  
 Cây cỏ phô-trương sắc đượm-đà.  
 Đen trắng đổi thay tình thế-sự,  
 Vàng son tô điểm nét sơn-hà.  
 Thủy-chung mang nặng lời thề ước,  
 Đọ với thời gian trí chẳng già!

TRẦN - QUÂN - BẢO

(Quảng-Ngãi)

(Còn nữa)

W179900  
101

# PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHẦN XÂY DỰNG VĂN HÓA VIỆT NAM  
PHỔ BIẾN VĂN HÓA ĐÔNG TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Tòa-soạn : 283 Đường Gia-Long — Saigon — Đ. T. Saigon 307



NĂM THỨ 3 — BỘ MỚI SỐ 46 — 15-11-1960

1.— Bộ Quốc Gia Giáo Dục vừa quyết định một việc rất quan trọng. . . . .	Nguyễn Vỹ	7 — 9
2.— Các châu báu của Anh Hoàng . . . . .	Margaret Mackay	10 — 12
3.— Đêm thị-thành (truyện ngắn) . . . . .	Mỹ Khanh	13 — 16
4.— Mùa lúa mới (thơ) . . . . .	Vũ Hồ	17
5.— Sai lầm trong vài quyển sách sử hiện đại . . . . .	Anh Minh	18 — 21
6.— Nhân vật Xuân Thu : Quản Trọng . . . . .	Thiếu Sơn	22 — 26
7.— Những người dân bà lưng danh : Mata Hari . . . . .	Tân Phong	27 — 34
8.— Chiếc đồng hồ (chuyện ngắn ngoại quốc) . . . . .	Ngô Thị Cúc	35 — 39
9.— Đồng dao Chăm . . . . .	Jaya Pa-Nrang	40 — 47
10.— Chuyện của nàng (thơ) . . . . .	Mộng Hoa Huyền	48

11.— Một đời người (hồi ký) . . . . .	Thiếu Sơn	49 — 53
12.— Nguồn gốc ký-âm-pháp . . . . .	Nguyễn Chu	54 — 57
13.— Trở gió, Mưa đêm (thơ). . . . .	Ái Giang, Lê Ngọc Lãm	58 — 59
14.— Những cuộc tình duyên say mê . . . . .	Tân Phong	60 — 64
15.— Cuộc đời của các nhà tỷ-phủ . . . . .	Trọng Tấn	65 — 69
16.— Văn sĩ thi sĩ tiền chiến . . . . .	Nguyễn Vỹ	70 — 74
17.— Người mẹ (truyện dài ngoại quốc) . .	Hoàng Thắng	75 — 90
18.— Minh ơi ! . . . . .	Diệu Huyền	91 — 96
19.— Những áng thơ hay . . . . .	Nguyễn Thu Minh	97 — 103
20.— Mồ hôi nước mắt (truyện dài) . . . .	Nguyễn Vỹ	104 — 110
21.— Latter-day Warnings (thơ ngoại quốc) . . . . .	Thanh Thanh	111 — 112
22.— Bạn đọc viết . . . . .	P.T.	113 — 115
23.— Đáp bạn bốn phương . . . . .	Diệu Huyền	116 — 121
24.— Kỷ niệm đệ nhị chu niên tạp chí Phổ Thông . . . . .	Ng. Ang Ca	122 — 130

\* Ngoài những bài ký tên Nguyễn Vỹ, Diệu Huyền, Tân Phong, Ba Tèo, Tạp chí PHỔ THÔNG không chịu trách nhiệm về các bài lai-cáo của các tác giả khác. (Theo thể lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).

\* Bài lai cáo không đăng, không trả lại.

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích Tạp-chí PHỔ-THÔNG, và đừng viết tắt.
- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.  
Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam

Sau một loạt bài của PHỔ - THÔNG

BỘ  
QUỐC-GIA  
GIÁO-DỤC  
VÀ  
QUYẾT-ĐỊNH  
MỘT VIỆC  
RẤT QUAN-TRỌNG



**C**HÚNG tôi vừa nhận được một công-văn của Bộ Giáo-Dục, đề ngày 31-10-1960, tin cho chúng tôi biết rằng : « một Ủy ban gồm giáo-sư Trung, Đại-học, cùng những học-giả chân-chính, sắp được Bộ triệu-tập, để cứu xét những ý kiến xây dựng do Tạp chí Phổ Thông đã nêu ra về một số sách Việt-văn hiện đang áp-dụng tại các trường ».

Ông Trần-văn-Thuận, Đồng-lý Văn-Phòng của Bộ Q.G.G.D là người ký công-văn ấy, lại có nhā-y yêu-cầu chúng tôi góp các tài-liệu gồm ý-kiến các văn-nhân học-giả, để tiện việc tra-cứu đầy đủ. Ông Đồng-lý cũng có thiện cảm nhìn nhận rằng loạt bài của

chúng tôi đã nêu lên có tính-cách "bảo-tồn giá-trị của Văn-học-Sử-Nước nhà".

Chúng tôi xin cảm ơn ông Bộ Trưởng và ông Đổng-lý văn phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã đặc-biệt lưu-ý đến loạt bài của *Phò-Thông*. Như thế tiếng nói của chúng tôi không đến nổi rơi trong sa mạc.

Quyết định của Bộ Giáo dục sẽ có hai tác phong rất quan trọng : thứ nhất là làm thỏa mãn được nguyện vọng chính đáng của sinh viên Trung, Đại học, giáo sư, phụ huynh học sinh, mà đại đa số đều thắc mắc, từ khi chúng tôi lên tiếng, về những sai lầm lớn lao của các sách giáo khoa, và mong mỗi có sự sửa đổi ; thứ nhì là cương quyết sửa chữa các sai lầm trong các sách Việt văn tồn tại từ trước đến nay.

Theo những thư từ chúng tôi nhận được mỗi ngày, đa số các giáo sư Đại, Trung học, đều công nhận những tài liệu trong loạt bài của chúng tôi là xác đáng, nhưng các giáo sư cứ vẫn phải dạy theo các sai lầm trong các sách đang được áp dụng theo chương trình chánh thức, vì chưa có một quyết định thay đổi nào của Bộ Giáo dục cả.

Cho nên hôm nay, chúng tôi thành thật vui mừng nhận được công văn của Bộ Giáo dục, báo tin sẽ có sự quyết định ấy, và một ủy-ban gồm các giáo sư và học giả chân chính đang được triệu tập để tra cứu lại các sách giáo khoa Việt văn mà chúng tôi đã nêu ra, đây những sự sai lầm quan trọng.

Để đáp lại thiện chí xây dựng của Bộ Giáo-dục, chúng tôi xin phép trình bày một vài ý kiến thiết cận như sau đây.

Xét lại chương trình Việt văn Đại-học và Trung-học hiện nay, có 3 loại tác phẩm và tác giả :

● 1.— NHỮNG TÁC-PHẨM ĐÍCH-XÁC thuộc về NHỮNG TÁC-GIẢ CHẮC-CHẮN, như *Hồng Đức Thi tập* của Lê-Thánh Tôn, *Ức Trai Thi tập* của Nguyễn-Trãi, *Cung Oán ngâm khúc* của Nguyễn gia Thiều, *Truyện-Thúy-Kiều* của Nguyễn-Du, *Lục-vân-Tiên* của Nguyễn-dình-Chiếu, v.v....

● 2.— NHỮNG TÁC-PHẨM ĐÍCH-XÁC, nhưng tên TÁC-GIẢ CÒN Ở TRONG NGHĨ-VẤN, như bản dịch *Chinh-Phụ Ngâm* (không chắc của Đoàn-thị-Điểm), và rất nhiều tác-phẩm không chắc của những tác-giả sau đây : Bà Huyện-Thanh-Quan, Hồ-xuân-Hương, Tự-Đức, Ngọc-Hân Công-Chúa, Phan-huy-Ích, Phan-huy-Vịnh, Cao-Bá-Quát, Tôn-thọ-Tường, Phan-văn-Tri, Nguyễn-Khuyển, Nguyễn-công-Trứ, v.v....

● 3.— NHỮNG TÁC PHẨM SAI LẦM, cả VỀ VĂN CHƯƠNG, cả VỀ TÊN TÁC.GIẢ. Số này nhiều lắm.

Chúng tôi trộm nghĩ rằng Ủy-Ban nghiên cứu do Bộ Giáo-Dục triệu tập, sẽ phải có bốn phận tra xét kỹ càng, căn cứ trên tất cả các tài liệu đích xác, và quyết định một lần sửa chữa, đính chánh, bổ túc, và tác phẩm của một tác giả nào phải trả về tác giả ấy, cho phân minh, nhất định, không thể để hồ-đồ hỗn-độn được nữa.

Trong khi chờ đợi, một kỳ hạn tạm thời là một hoặc hai năm, Bộ chỉ nên cho dạy trong các chương trình các tác phẩm và các tác giả thuộc về loại 1 mà thôi. Các tác phẩm và các tác giả thuộc về loại 2 và loại 3 cần phải tạm rút ra khỏi chương trình, trong một hay hai niên khóa, để cho Ủy ban có thì giờ tra cứu lại rõ ràng. Khi nào tra cứu xong, ông Bộ trưởng sẽ có một nghị định xác nhận các tác phẩm và tác giả ấy là chính thức rồi mới được đem ra dạy. Tất cả các sách giáo khoa Việt văn, soạn trước ngày ký nghị định mới của Bộ Giáo-dục, đều sẽ bị coi như là bất hợp thức, và sẽ không có giá trị nữa.

Dĩ nhiên, một thay đổi rất quan trọng như thế sẽ gấn như một cuộc «đảo chính» văn học, và sẽ gây ra nhiều xáo trộn. Chúng tôi cũng thấy trước lắm phiền phức về kỹ thuật, trong bộ máy giáo dục. Nhưng nếu cuộc «đảo chính» là cần thiết, thì chúng ta sẽ giải quyết tất cả những khó khăn phiền phức theo tinh thần kỹ-luật mà không ngại gì. Có thể mới đem lại được trật-tự, bảo-tồn được những giá-trị chân chính của Văn-học Việt-Nam.

N. V.

Kỳ sau : Năm 1749 LÊ QUI ĐÓN, và 1820 PHAN HUY CHÙ, đã nhìn thấy những vết xe cũ lăn xuống lỗ...

\* TÌM HIỂU NƯỚC NGOÀI

các châu báu  
của  
**HOÀNG - GIA - ANH**  
(Fairy Tale home of the Crown Jewels)

\* MARGARET MACKAY



U khách tưởng mình lạc vào một xứ thần tiên khi trèo lên cầu thang đá dốc đứng đưa đến « Phòng Châu Báu » trong lâu đài « Tower of London » đồ sộ. Tại đây, trong cái tháp tròn xây bằng đá tên là Wakefield, chung quanh có hào sâu và đôi điện cổng The Traitors Gate có trưng bày các châu báu của

Hoàng Gia Anh cùng những biểu chương của các vua và hoàng hậu nước Anh, long lanh dưới ánh đèn trong một lồng kính có song sắt.

Hàng năm, có hàng ngàn du khách từ khắp các nước tới xem, trước những con mắt chăm chú của các lính canh gác gọi là Yeoman Warders (vệ sĩ) vận y phục xanh đỏ kiểu thời Tudor. Các châu báu này trị giá hàng trăm triệu bạc Việt-nam và du

TÌM HIỂU NƯỚC NGOÀI

khách đến xem đông đến nỗi các lính canh khuyên « Nếu có thể được, mời quý khách đến vào mùa đông, có ít người đi xem hơn ».

Những châu báu lộng lẫy huy hoàng đến nỗi các du khách đến xem sửng sốt và nín lặng. Vật đầu tiên làm tôi chú ý trong cái phòng sáng chói ấy là chiếc vương miện của Hoàng Thái Hậu Elizabeth. Chiếc vương miện này đã được Hoàng Thái Hậu đội trong dịp lễ đăng quang năm 1937, có nạm viên châu báu lừng tiếng nhất hoàn cầu là viên kim cương Koh-i-Nor. Viên kim cương này đã liên quan đến nhiều biến chuyển bi thảm ở Ấn-Độ trong hàng thế kỷ và sau Ấn-Độ đem tặng hoàng hậu Victoria.

● VIÊN KIM CƯƠNG LỚN NHẤT

Rời đến viên kim cương to nhất trên thế giới, gắn trên chiếc quyền trượng nhà vua, cùng với những châu báu khác. Đó là viên kim cương Star of Africa, hình trái tim, nặng 530 ca-ra, có thể tháo ra và đeo vào dây chuyền trong những buổi

quốc lễ long trọng.

Vương miện đẹp nhất là Vương miện The Imperial State Crown. Vương miện này do Hoàng hậu Victoria đặt làm năm 1838, các vua chúa về sau sửa đổi và nạm thêm châu báu.

Trên chiếc vương miện này có gắn một viên kim cương tên là the Second Star of Africa hình bầu dục, nặng 317 ca-ra, các viên kim cương Cullinan ra. Trên chiếc vương miện quý báu này, còn có gắn hơn 2.700 hạt kim cương khác nữa, chừng 277 hạt trên châu trong số đó có những hoa tai của Hoàng hậu Elizabeth đệ Nhất, 17 hạt lam ngọc, trong số này, có một hạt lấy ở chiếc nhẫn của vua Edward the Confessor và viên xa phía Stuart lớn lấy ở vương miện vua Charles đệ Nhị, 11 hạt ngọc bích và 5 viên hồng ngọc.

Viên hồng ngọc lừng tiếng nhất của Hoàng Tử Áo Giáp Đen (Black Prince) to vừa bằng một quả trứng gà nhỏ, được thêm vào những châu báu của nhà vua từ năm 1367 và vua Henry V đã đeo khi ngài xuất trận tại Agincourt.

TÌM HIỂU NƯỚC NGOÀI

Vô tuyến Truyền hình và Báo chí thường trình bày cho công chúng trên khắp thế giới xem chiếc miện Edward có nhiều châu báu miện này lấy tên của vua Edward the Confessor, nặng ước chừng 2 kí rưỡi, theo nghi lễ cổ truyền tất cả các vua nước Anh đều đội vương miện này khi được tấn phong. Người ta kể lại rằng chiếc vương miện này làm năm 1661 nhân dịp vua Charles Đệ Nhị đăng quang, theo kiểu mẫu chiếc miện cũ đã bị hủy dưới thời Cromwell.

● GƯƠNG BÁU

Trong số những đồ trưng bày đẹp mắt nhất là chiếc Gương báu có nạm châu ngọc. Gương này làm vào dịp lễ đăng quang vua George V, một lễ rất long trọng vì vua George Đệ Ngũ thích những nghi lễ huy hoàng. Vô vàn các gương bằng vàng trịn có nạm nhiều châu báu. Kim cương, hồng ngọc, lam ngọc và ngọc bích nạm thành hình hoa hồng, biểu hiệu triều đại Tudor, hoa thảo nhĩ và nhánh xa trục thảo tiêu biểu cho các miền của nước Anh.

Chiếc gương này chỉ dùng trong những buổi lễ đăng quang. Nhà vua đặt gương trên bàn thờ để tỏ rằng mình đem quyền quân

sự ra phục vụ Giáo Hội. Lễ dĩ nhiên là giáo hội không sử dụng quyền quân sự, nên nhà vua, theo tục truyền chuộc lại quyền này sau buổi lễ bằng 100 đồng si-ling mới sáng loáng.

Một kỷ niệm của Hoàng hậu Victoria là chiếc nhẫn nhỏ rất đẹp làm vào dịp đăng quang của Ngài. Nhẫn này nhỏ quá đối với ngón tay của Hoàng Hậu, đến nỗi sau buổi lễ, ngài phải khó khăn mới tháo nó ra được.

Vài vụ mưu trộm châu báu của Anh Hoàng đã xảy ra. Năm 1671, Đại Tá Blood cùng với đồng lõa, cướp lấy chiếc vương miện, quả cầu, và quyền trượng nhưng họ chưa trốn được xa đã bị bắt và đã lấy lại được hết các châu báu.

Và trong thế kỷ vừa rồi, một phụ nữ đến xem tại Tháp St. Martin là nơi trước kia cất các châu báu, bỗng nhiên đưa tay qua song sắt, nắm lấy một trong những vương miện bé gầy một mảnh vương miện, và chắc là định tẩu thoát với vài viên ngọc, nhưng những người canh gác ngăn cản được.

Từ đó đến nay, các châu báu của Anh Hoàng không bị ai cướp nữa và các bạn có thể đến lâu đài « Tower of London » xem những châu báu ấy sáng chói một cách lộng lẫy.

đêm  
thị thành

★ MỸ - KHANH

ĐÈ N phổ bật sáng từ lâu mà anh Tư vẫn còn đi, ngỡ ngác, bơ vơ trên vỉa hè đông đúc, rộn rịp người qua lại. Mắt anh dán vào các cửa hiệu to lớn rực rỡ, những ngôi nhà sang trọng chói lòa dưới ánh điện nhiều màu, và bước chân anh ngập ngừng... Cứ thế từ phố này sang phố khác, ngã tư này qua rồi, ngã tư khác lại hiện ra. Anh không đói lắm mặc dù lúc chập tối xe vào bến.

anh không ăn gì cả. Các hàng quà bánh tranh nhau mời anh, anh cũng lảng xa vì lòng anh còn bộn rộn nao, lo lắng nhiều. Nhưng anh chỉ xót xa cho thằng bé đang nằm gọn trong tay anh. Lúc này, khi mắt nó mới bị chói vì cái ánh sáng lạ lùng của thị thành, nó đăm đăm nhìn những gì mắt nó bắt gặp, và nó nháy nhót trên tay cha, mồm luôn luôn bập bẹ: ba... ba... Nhưng bây giờ, giấc ngủ đến với nó rồi. Thằng bé lim dim và gục dần, gục dần vào vai cha nó. Anh Tư nghe mỏi lắm rồi, đôi vai nặng trĩu mà đôi chân cứ như rời ra thôi.

Anh tìm vẫn chưa ra nhà thầy tú Hạnh. Thì rõ ràng hôm nọ cô Tú hỏi anh xin thằng bé, cô về nhà cô cách bến xe chừng năm mươi thước và đối diện với Nhà Thương mà ! Nhưng khi anh đến đúng chỗ, thì ra không phải : một hiệu tạp hóa lớn bày ra tận cửa, có bà chủ to béo ăn mặc sang trọng đeo dây vàng, nhìn anh với đôi mắt đờ phờ, khinh bỉ : « Ê ! chú kia hỏi gì đấy, vờ vĩnh rồi có ăn cắp ! »

Anh Tư phân trần : « Dạ không, Tôi hỏi Thầy tú Hạnh ! »

Bà ta cười, nhe bộ răng vàng, cái mặt bự phẩn rung rinh :

— Ở đây không có ai là thầy Tú hết !

Một bác hàng phở đang lúi húi thái thịt trong gánh mình, dưới ánh đèn đường gần đấy, tỏ vẻ thương hại, bàn góp một câu :

— Anh hỏi thế ai biết mà chi! Nhà thầy ấy ở phố nào, số nhà bao nhiêu, hay là thầy ấy làm việc sở nào, chứ cứ thế thì anh ẵm cháu đi suốt đêm!

Câu bác hàng phở nói làm cho anh Tư tỉnh ngộ ra. Anh nghĩ mình đã hỏi mà không hỏi cho đến nơi. Biết thế này, hôm nọ, đi luôn với cô Tú là xong! Anh cũng tự tin là đâu xa lạ thì lo chứ cái thành phố Đà-nẵng này, dạo năm ngoái mình chở heo ra bán biết mấy chuyến! Nhưng bây giờ, ngay phút này anh mới thấy mình bối rối! Biết bao nhiêu là nhà, cái này nối cái kia, mà cái nào cũng giống cái nào. Cái nào cũng có thể là nhà thầy Tú Hạnh được, vì anh nghe bà Phó, mẹ thầy Tú nói nhà con bà ở Đà-nẵng sang lắm, to bằng cái trụ sở Hội đồng làng ta kia!

Anh tưởng tượng chốc nữa đây, thấy anh bước vào, vợ chồng thầy Tú sẽ mừng rỡ và cô Tú sẽ chạy lại đón lấy thằng Đông trong tay anh. Nó là con anh nhưng bây giờ nó đã là con

nuôi của vợ chồng thầy Tú, cô có bồn phận phải săn sóc nó với tình mẫu tử thiết thọ. Cô sẽ ẵm nó nhẹ nhàng đặt vào một chiếc giường có nệm êm, có mùng rủ kín, rồi cô rón rén đi soạn đồ ăn cho nó. Thằng Đông sẽ dậy, nó sẽ ngậm chiếc vú cao su và ôm bình sữa nốc một hơi khoái trá, như mọi khi đi ngang ga, anh vẫn thấy đứa bé con bà "xếp" ga bú.

Thằng Đông tốt phúc quá! ai cũng sẽ nói như thế, và riêng anh, anh không khỏi có lúc thăm nghĩ như thế.

Khi sáng, bà Nhị bên cạnh nhà, thấy anh buồn rầu ẵm thằng bé ra xe, có an ủi một câu : « Sau này lá rụng về cội, sau này trời cho rồi nó cũng tìm mày nó về chứ mất mát đi đâu mà buồn! Còn thằng Xuân đó, với lại được nghìn bạc tiêu lúc túng này cũng hơn Tư ạ! »

Đành rằng nó lại về, đành rằng vì hoàn cảnh, đành rằng còn thằng Xuân, đành rằng tất cả... nhưng anh vẫn cảm thấy nghẹn ngào, uất ức ở cổ. Tưởng tượng đến giây phút mình sẽ buồn tủi ra về, trao hẳn giọt máu của mình cho kẻ khác, dù sẽ được họ

coi quý, nâng niu, anh lầm bầm nguyên rủa : « Con khốn nạn! » Phải, chỉ vì vợ anh, người đàn bà khốn nạn đó, mới nên nông nổi! Nó cũng người làng chứ phải xa xuôi gì bảo anh làm điều ăn nết ở! Về với anh gần bốn năm rồi, sinh thằng Xuân được ba tuổi, thì vợ chồng vẫn thuận thảo làm ăn. Nhưng chỉ từ dạo năm ngoái, có mang thằng Đông, thì chị ta giờ chứng gây gổ, sinh sự với chồng. Không khí bất hòa bắt đầu lảng vảng trong cái gia đình nhỏ nhỏ. Sinh thằng Đông được ba tháng, một hôm chị ba bỏ chồng con ra đi với một người bà-con làm mướn ở Saigon về. Thế là cái tin chị Tư Xuân đi vong lan ra khắp làng từ đấy... Anh Tư không đi tìm, vì biết đâu mà tìm, cái « xứ » Saigon nó xa lắc xa lơ làm sao? Mà anh cũng chẳng thêm hoài công với một người vợ bất nghĩa, một người mẹ bất nhân. Gà trống nuôi con, anh lo đi xin sữa của các bà mẹ khắp xóm và cho thằng bé ăn dặm cơm, khoai, vào. Bảy tháng qua rồi, mẹ nó thì biền biệt mà nó thì nhờ trời chóng lớn và bụ bẫm dễ yêu. Giá cứ êm xuôi như vậy thì rồi có lẽ anh nuôi nó được nên người, nhưng

anh lại vừa ốm một trận suýt chết. Nhờ hàng xóm thương hại, tận tình săn sóc, bệnh anh thuyên giảm được và anh bình phục hẳn. Con anh, nhờ một tay Bà Nhị, cũng khỏi bỏ bê lẫn lóc. Nhưng rồi anh phải phân vân lo nghĩ về các khoản nợ do trận ốm gây ra. Thằng Đông là một trở ngại cho công việc làm kiếm tiền của anh. Mà không làm, lấy gì trang trải nợ, lấy gì cha con sinh sống? Hàng xóm đã tốt bụng quá nhiều, anh không chỗ bầu vùi nữa.

Vì thế, sau mấy đêm đắn-đo, anh dứt khoát đem thằng bé cho vợ chồng cô Tú Hạnh, con bà Phó người làng. Anh chỉ biết Thầy ấy làm việc chính phủ ở Đà-nẵng và hình như đậu tú tài tây ta gì đó vì thấy trong nhà họ gọi thế, anh cũng gọi theo chứ không rõ. Vợ chồng thầy không con, nhiều tiền, mà lại quý trẻ. Cô ấy thấy thằng Đông móm mím thì cứ cần mẫn vào cõ tay tròn trĩnh của nó... Cô Tú hứa hôm nay anh Tư ẵm nó ra, cô sẽ biếu nghìn bạc và cho thêm hàng vải. Ấy, anh đau khổ xót xa không dám nói đến tiếng bán con!

Trong tay anh, thằng Đông cựa quậy vài cái, bú không chùn chụt

đôi môi rồi lại ngủ say. Anh vẫn đi, mắt dán vào các cửa hiệu to lớn, các ngôi nhà đồ sộ... và bước chân anh ngập ngừng...

Bỗng âm nhạc từ đằng xa làm anh rảo bước. Càng đến gần, càng rõ hơn. Không phải chỉ một tiếng âm nhạc, mà tiếng người cười nói huyền nao nhộn - nhộn, tiếng còi ô - tô, chuông xe đạp, xích lô, tiếng xinh-xịch của các loại xe gắn máy, hình như hầu hết đều đổ dồn về một nẻo. Anh Tư dừng lại một chỗ tối. Anh thấy mình lạc lõng giữa đám người thành thị đi tìm thú vui ban đêm sau một ngày mệt mỏi. Họ kéo về rạp hát. Phải rồi, cái nhà cao ngất đèn sáng hơn hết và có âm nhạc, máy nói phát ra đó là nhà hát. Trước cửa, người đi xem tấp nập, chen lấn với xe cộ và các hàng quà rong. Chưa đến giờ thì phải, vì anh thấy người mua vé còn đông và từng cặp vợ chồng, từng đoàn thiếu nữ còn lưng thưng đi bên ngoài. Anh cố nhìn trong đám người sang trọng, may ra thấy bóng cô Tú đi xem hát chăng...

Một người đàn bà từ trong rạp hát đi ra, cúi mình trên một gánh bún. Chị ta không nhìn thấy anh Tư.

— Cho tôi tô bún bò ! Thêm

chanh, ớt vô chị hàng ơi !

Anh Tư, đứng trong tối, nhìn chị ta chăm chăm. Dưới ánh đèn, mái tóc "phi-dê" rủ xuống, lòa xòa nửa lưng. Chiếc áo cánh trắng: điềm hoa may sít, chiếc quần hàng đen rộng ống phủ trên đôi guốc sơn màu. Tất cả chừng ấy thay đổi không đủ che nỗi anh Tư.

Anh vụt bước ra, thân nhiên nắm lấy cánh tay chị, lay mạnh :

— Đi đâu mấy tháng rày, con khốn nạn !

Người đàn bà, tái mặt, khiếp đi một phút khi nhận ra chồng.

Nhưng rồi cũng thình lình, mục chột quay vào phía trong rạp, trứ tréo lên :

— Anh Bảy ơi, nó ăn cướp tôi đây nè !

Một người đàn ông lực lưỡng, đầu chải bóng, mặc áo sơ-mi rằn-ri, chạy ra túm lấy anh Tư, đấm đá túi bụi.

— Nè ăn cướp ! ông cho một gậy là đi đời !

Anh Tư vừa gỡ ra được, định phân trần thì hai người cảnh binh vừa đến, lôi anh đi. Thằng bé con trong tay anh khóc thét lên... Từ trong rạp vọng ra những lời dư dương của một nữ ca sĩ ca ngợi mối tình chung thủy.

## mùa lúa mới

Mùa lên tháng tám lúa vàng bông,  
Nhịp hái xôn xao má dậy hồng.  
Nghiêng vòng tay đẹp cười trong nón,  
Em bó tình ai được mấy bông ?



Nắng hồng lên tím sắc đồng tươi  
Tiếng lúa vàng rơi với nhịp cười.  
Những bàn tay hẹn ngày vui mới  
Gõ khúc tình quê miêng hát chơi.



Trời xanh không một bóng mây về,  
Cỏ đồng chen biếc đến chân đê.  
Mùi hương rạ mới bay trong xóm,  
Nghe bếp mùa vui lửa sáng lòe.



Trẻ chờ cốm mới nếp sau lưng  
Chị tôi má đỏ sắp theo chồng.  
Ngày mai mùa đến về thăm nhé !  
Em sợ qua sông bước ngại ngừng.

VŨ HỒ  
(Quảng - Ngãi)



● *Cụ PHAN-CHÂU-TRINH*  
với việc sang Pháp

● *Cụ PHAN - BỘI - CHÂU*  
với thuyết «Pháp Việt đề-huê»

★ **Anh-Minh Ngô-thành-Nhân**

**N**HỮNG sách Việt - ngữ giáo-khoa xuất-bản gần đây, có thể nói bất kỳ một quyển sách nào, từ sách lớp đệ nhất, cho đến sách lớp đệ tứ, lớp tiểu học, (chưa nói những sách khảo-cứu!) viết về Phong-trào Đông-Du và lịch-sử các Cụ tiền-bối cách-mạng, Phan-Bội-Châu, Phan - Châu - Trinh, Huỳnh-Thúc-Kháng, đều có chỗ sai lầm không nhiều thì ít. Những chỗ sai lầm ấy, chúng tôi đã có nói sơ qua trong các báo **VÌ DÂN, DÂN QUYỀN, RẠNG ĐÔNG...**, có đôi quyền tái bản đã sửa lại, nhưng phần nhiều vẫn còn nhan nhản là sai. Những chỗ

sai lầm như thế, nếu Bộ Giáo Dục không lưu ý cho cải chính (căn cứ theo di-cáo các bậc tiền-bối) rõ tai hại cho học giới sau này, nhất là sai lệch tinh thần của các danh nhân nước nhà.

Tựu trung những chỗ sai lầm, đáng đề ý nhất là những chỗ nhận xét của đôi tác giả về :

10) Việc Cụ Tây - Hồ Phan-Châu-Trinh đi Pháp năm 1911.

10) Cụ Sào-Nam Phan - Bội-Châu với thuyết « Pháp-Việt đề huê ».

Hai việc này là nước cờ đặc xuất, trừ phi hai Cụ Tây-Hồ và Sào-Nam, không phải kẻ dung thường cầu cơm áo, uốn nắn theo thời có thể làm được. Thế mà trong quyền

**VIỆT - NAM TRANH - ĐẤU SỬ** của **PHẠM-NGỌC-SON**, sau khi nói về thân thế Cụ Tây-Hồ, liền hạ bút : ... Về Nam-bộ... *Cụ bèn vận động sang Tây... (trang 220).*

Và trang 96, quyền **LỊCH-SỬ VIỆT-NAM LỚP ĐỆ TỨ** của **TRẦN-HỮU - QUẢNG** đoạn nói về thân thế Cụ Sào - Nam, viết : ... *Chính quyền đây ông ở Huế. Tuy sau này ông hô hào « Pháp Việt đề huê », nhưng không có kết quả... (1)*

Đấy, độc giả xem mấy chữ « vận động đi Pháp » của tác giả quyền **VIỆT NAM TRANH ĐẤU SỬ**, thấy tác giả nhận lầm rằng sau khi ở Côn-lôn về, cụ Tây Hồ chạy mọi đường vận động lòn lỏi mới được đi Pháp..

Sự thật, Cụ Tây-Hồ chẳng bao giờ vận động gì hết. Việc đi Pháp, chính cụ yêu cầu Chính-phủ Pháp đề cho đi, không thì cho trở ra Côn - lôn chứ không chịu sự quản thúc. Xem cụ Minh Viên đã viết :

« ... Ở Mỹ-tho tuy tiếng rằng tự do, mà thực thì nhà nước còn có ý trông nom quản cố, tiên sinh không bằng lòng, cho rằng đã được tha, vì là người không tội mà lại không được

« tự do hành động, không khác « chi ở tù, bèn làm thư gửi cho « chính phủ xin trở ra Côn-lôn. « Chính phủ biết tiên sinh là « người không chịu trói buộc như « kẻ khác, không lấy chước vật « mà ngăn cấm được, mới nhận « lời yêu cầu của tiên sinh đi sang « Pháp... » (2)

Đi Pháp lần này, đối với cặp mắt kẻ dung thường, đa số nghĩ rằng có lẽ Cụ Tây-Hồ đổi lòng chẳng. Chính ngoài đảo Côn-lôn (theo lời Cụ Huỳnh) nhiều người cũng nghĩ như thế, riêng có Cụ Huỳnh thấu rõ, có bài thi tiễn biệt :

*Cô tra nhứt tạc độ Phù-tang,*

*Tây hải điều điều hựu thử hàng.*

*Chích thủ quân tòng cao xứ trước,*

*Bán sanh toàn vị quốc quân mang.*

*Luận hành Dân - ước tuân Lưu-lão,*

*Đáo nhập khoa Tây điều Nã-hoàng.*

(1) *Lấy 2 quyển này làm ví dụ điển hình những quyền khác.*

(2) *Xem « Phan Tây - Hồ Tiên sinh lịch sử » của cụ MINH VIÊN.*



*Thử địa tự do hoa chính hảo.*  
*Bằng quan di chủng đảo Viêm-*  
*phương*

Dịch :

*Năm trên tách dậm thẳng Phù-*  
*Tang,*

*Áu-lục ngày nay vượt biên sang.*

*Nhắm thế cờ cao toan đặt ngón,*

*Trợn đời việc nước khéo đa*  
*mang.*

*Luận Lư-Xoa có tìm Dân-ước,*  
*Mộ Nã - hoàng đây đốt nén*  
*hương.*

*Thỏ sản tự do hoa chính đầy,*

*Nhờ người đem giống đến Nam*  
*phương.*

Thế là việc di Pháp của Cụ  
Tây-Hồ không phải « vận động ».

Đến Cụ Sào-Nam với thuyết  
« Pháp Việt đề-huê » như trên  
đã nói, tác giả quyền LỊCH-SỬ  
VIỆT - NAM LỚP ĐỆ TỬ  
dùng chữ « tuy sau này » tỏ rằng  
tác giả nhận Cụ Sào-Nam xứng  
ra thuyết « Pháp-Việt đề huê »  
là một nước gờ rúi, hối hận,  
muốn bắt tay với Pháp cho khỏi  
chết, không nữa cũng được một  
ơn huệ gì sau bao cuộc thất bại !

Làm to !

Có lẽ tác giả quyền LỊCH-

SỬ VIỆT NAM LỚP ĐỆ TỬ  
chưa xem quyền TỰ PHÁN của  
Cụ Sào-Nam chẳng.

Cụ Sào-Nam, người triệt đề  
chống Pháp, không ai không biết.  
Cụ chẳng khi nào nói đề huê.  
Hai chữ « đề huê » lần đầu tiên  
Cụ nghĩ tới, chính do bọn thực  
dân xướng ra, trải qua trung gian  
của bọn thành hồ. Hãy xem Cụ  
Sào-Nam kể lại :

«... Nguyên tháng giêng năm  
« Mậu-ngọ (1918), Lê ở trong ra,  
« hội tôi ở Hàng-châu thì bốn  
« chữ « Pháp Việt đề huê » lần  
« thứ nhất lại lọt vào tai tôi. Họ  
« nói với tôi rằng :

« Chính sách của Sa-Rô (Al-  
« bert Sarraut) toàn quyền với  
« những toàn quyền cũ rất trái  
« nhau. Vì Sa-Rô người đảng Xã  
« hội, chủ-nghĩa đảng xã-hội với  
« chánh sách thực dân của người  
« Pháp mâu - thuẫn nhau nhiều  
« lắm... » (TỰ - PHÁN trang  
189).

« Theo lời ông Lê nói cũng  
« đặc sách lắm. Tôi tin lời nói hai  
« người, làm một bài văn dài đề  
« rằng : *Pháp - Việt đề huê*  
*luận...*» (TỰ-PHÁN trang 190)

«...đề huê trong ý tôi và đề

« huê trong ý họ xa nhau như  
« trời với vực... (TỰ - PHÁN  
« trang 191).

Thật thế, thuyết « đề huê »  
của Cụ Sào-Nam không phải như  
ai tưởng lầm ; lúc về nước Cụ  
có viết trở lại, nhưng bị cấm.  
Trong quyền CỤ SÀO-NAM 15  
NĂM BỊ GIAM LÔNG Ở  
HUẾ, chúng tôi có dẫn lời Cụ  
trong bức thư cụ gửi cho Paul  
Reynaud, Tổng-Trưởng thuộc-địa  
đến Huế năm 1931 :

« ... Pháp-Việt đề huê là điều  
« người Việt Nam thành thật cầu  
« chúc. Nhưng đề huê một cách  
« giả dối, đề huê nơi lỗ miệng  
« để che dấu những nỗi áp bức  
« và ngấm ngầm phản đối, đó  
« chẳng phải là điều người Việt  
« Nam mong ước ; họ chỉ mong  
« muốn một cảnh đề huê thành  
« thật : người Pháp phải xem  
« người Việt Nam như em út, và  
« người Việt Nam phải xem  
« người Pháp như anh. Vì muốn  
« em cho đúng đạo em, cần trước  
« nhất anh phải cho đúng đạo  
« anh. ... Chính sách của chính  
« phủ bảo hộ thi hành ở Đông-  
« dương từ ngày sang chinh phục  
« xứ này có đúng với nghĩa vụ  
« ấy không ?... một tai nạn lớn  
« cho dân Việt Nam là nạn hối  
« lộ và chuyên quyền của bọn  
« quan lại tham nhũng. Chúng cho

« đó là chuyện thường, lại được  
« chính phủ dung túng, rồi bọn  
« trên che chở cho bọn dưới, rút  
« cục bọn dân cùng bị nạn tới tận  
« xương tủy, chẳng biết chỗ nào  
« kêu oan. Tình cảnh như vậy,  
« làm sao họ khỏi sinh ra điên  
« cuồng, nhắm mắt hù nhau tới  
« con đường chết ! và càng thế  
« thâm hơn nữa là kẻ cầm dao  
« chém giết chúng, lại là đàn anh  
« của chúng !?...» (trang 46).

Cụ Sào Nam lại kể một chứng  
cớ Thực - dân làm cho dân dốt  
nát, dạy học chỉ vừa làm tay sai,  
v.v... đến nỗi sinh ra những cảnh  
thê thảm, vì không thành thật đề  
huê, rồi cụ kết luận :

« ... nguyên nhân những cuộc  
« rối loạn hiện nay, (1) chính vì  
« không thực hiện được chính  
« sách Pháp-Việt đề huê, không  
« thành thật muốn cho tinh thần  
« lá cờ ba sắc thực hiện ở xứ  
« này...» (trang 46).

Thật vậy, nếu Thực dân nhận  
chịu cách đề-huê của Cụ Sào-  
Nam xứng, chúng sẽ bỏ đất  
nước này đi từ bao giờ, có đâu  
đợi đến sau ngày Hiệp định Giơ-  
neo !

Cách « đề huê » của Cụ Sào  
Nam chẳng phải như tác giả  
quyền LỊCH SỬ VIỆT - NAM  
LỚP ĐỆ TỬ đã tưởng.

(1) Khoảng năm 1929 - 31.



# QUẢN-TRỌNG • BẢO-THỨC

## TỀ - HOÀN - CÔNG

### ★ THIẾU - SƠN

(Tiếp theo P.T. số 45)

#### QUẢN - TRỌNG

**C**ÁI đặc biệt ở Quản-Trọng là không lớn lối và cũng không hoang-dàng.

Nhút nhút ở ông điều thực tế và cụ-thể. Ngoài ra ông lại có cái ưu điểm là không bao-biện và không khuất lấp nhân-tài. Ông tin rằng ông đủ tư-cách lãnh-đạo nhưng cho rằng khi thực hành phải cần có nhiều khả năng và ông đã đề nghị một lúc 5

người hào kiệt để giữ năm bộ quan trọng nhút của chánh-phủ.

Hơn nữa, trong 5 người ông giới thiệu đó lại không có người đã từng giới thiệu ông với vua Tề. Người đó là Bảo-Thức-Nha, Bảo Thúc chẳng những không oán hận mà còn tán thành vì tin-tưởng ở bạn và biết tự-xét mình chưa xứng đáng có mặt trong số năm người được tiến cử.

Rồi theo cái chương trình nói trên với những người cộng sự có tài, Quản-Trọng đã được nước Tề từ một nước chư hầu lên đoạt ngôi bá chủ, phía Nam phạt Sở cho đến Thiệu-Lăng, phía

Bắc phạt Sơn-Nhung cho đến Linh-Kỳ, qua phía Tây thì đánh dẹp Cô-Trúc tới núi Thái-Hành. Ba lần hội binh xa, sáu lần hội Áo mào, hết thấy là chín lần hội chư hầu, đều dành ngôi bá chủ.

Mỗi lần phải hưng binh chinh phạt là mỗi lần Quản-Trọng lấy danh nghĩa phò-Châu, hại những tội-lỗi người ta đã phạm phải, không đối với Tề mà đối với Thiên Tử nhà Châu. Thành ra vì vậy mà lần nào cũng có nước đồng-minh phụ lực. Hơn nữa, mỗi lần đánh đâu đều độ sức mình, sức người, không bôn chôn khinh-địch, không chủ-quan nên hề đánh đâu là thắng đó. Nhưng Quản-Trọng chỉ dùng quân-sự để giải-quyết chánh trị chứ không lấy việc can qua làm chủ yếu. Một chứng cứ là việc đánh Sở. Thật ra đánh Sở là cố ý phạt Sở sao dám tiếm vị xưng vương nhưng chỉ hỏi Sở sao không cống cỏ bao-mao cho Thiên Tử? Việc này chính làm cho Bảo-Thức phải thắc-mắc và đem ra hỏi Quản-Trọng thì Quản-Trọng cất nghĩa như vậy: « Nước Sở tiếm hiệu đã ba đời rồi, nếu lấy việc ấy mà trách

« thì Sở có chịu cúi đầu nghe ta đâu? Nếu Sở không nghe ắt là can-qua dấy động. Hễ can-qua dấy động thì một hơn một thua, một nên một lui, gây thù sanh oán với nhau chẳng biết năm nào mới dứt. Chừng ấy nước Tề mãi lo việc ngăn ngừa, không rảnh mà cứu giúp chư hầu thì chư hầu ắt phải rời rã. Vì vậy tôi mới lấy chuyện không cống cỏ bao-mao mà trách Sở thì Sở khỏi hổ người mà dễ làm theo dạng. Miễn là có danh chịu tội thì ta cũng do đó mà được khoe-khoang với chư hầu, trả lời cùng Thiên Tử. Làm như vậy có phải là hay hơn dấy động can qua, gây điều thù oán chăng? »

Bảo-thức-Nha khen phải. Mà ngay đến chúng ta bây giờ, sanh sau khoảng 2600 năm, cũng phải nhìn nhận là hay. Đây là một nghệ-thuật phê bình mà tới nay người ta còn có thể áp-dụng được. Phải phê bình những điều nào người ta có thể sửa chữa được thì người ta mới chịu nghe cho, chứ cứ nói đến những việc lỗi lầm quá xá, người ta không chịu sửa

và cũng không thêm nghe thì cũng tức là muốn bắt buộc người ta phải chống đối bằng những biện pháp mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn. Sở-quốc hồi đó cũng là một nước mạnh ngang với Tề, phải làm cho Sở chịu lỗi mà giải quyết vấn-đề bằng đường lối ngoại giao thì dầu sao cũng vẫn hơn là bắt buộc người ta phải tiếp nhận sự đánh nhau mà chưa chắc mình đã nắm phần thắng lợi.

• Cuộc phạt Sở này không tốn một tên quân, không đổ một giọt máu mà dành được ngôi bá chủ của một nước tiếm xưng đã 3 năm mà không phải không có thực lực phải kể là một thành-công của Quản-Trọng.

Sau những thắng lợi và thành công liên tiếp Tề-quốc đã trở nên hùng cường nhất dưới thời Xuân-Thu, làm bá-chủ tất cả các nước chư hầu, tuy thần phục Thiên-Tử nhà Châu nhưng thực sự nhà Châu chỉ là bù nhìn có chư vị. Lúc này Tề-Hoàng-Công đã sanh ra kiêu - sa tự đắc và có ý muốn làm lễ Phong - Thiệu, một lễ chỉ có Thiên-tử mới có quyền được làm. Quản Trọng can được Tề-

hoàn-Công làm điều đó nhưng có điều can không được là y-phục ông dùng theo bực đế-vương và cung thất ông cất cực kỳ hoa-mỹ.

Quản-Trọng chẳng những phải để cho Hoàn-Công làm những việc nói ở trên mà chính Quản Trọng còn cho cất đài ba tầng gọi là *Tam qui*. Tam qui có nghĩa là = nhân-dân qui, chư hầu qui, tứ di qui. Ngoài ra lại còn làm bình phong nơi trước cửa và cất nhà phạm-diễn để đãi tiệc các xứ thần. Bảo Thúc hỏi Quản Trọng : « Chúa xa-xí, tôi cũng xa-xí. Chúa tiếm lễ tôi cũng tiếm lễ, như vậy không hại sao? »

Quản Trọng nói :

« Chúa công không nài khó nhọc, dựng nên công nghiệp như vậy, cũng nên tiếm lễ cho người vui lòng toại chí mà siêng lo, nếu lấy lễ nghĩa mà bó buộc, người ắt ngã lòng mà trễ nãi. Còn tôi mà làm như vậy, cũng biết là quấy, song ý tôi muốn chia ra mà chịu chê bai với chúa công ». Sách nói rằng : « *Bảo-thúc-Nha ngoài tuy gặt đầu, nhưng mà trong lòng vẫn cũng gọi là quấy.* »

Cờ nhiên, Bảo-Thúc không

thể đồng quan điểm với Quản-Trọng được, vì một đằng là quân-tử một đằng là hào-kiệt. Người quân tử nghiêm khắc với mình và nghiêm khắc với người. Người hào kiệt rộng rãi với người và có khi phóng túng luôn với mình. Người quân tử lo tròn đạo nghĩa. Kẻ hào kiệt chỉ lo tới chuyện thành công. Người quân tử có thể bắt cận hơn tình, kẻ hào kiệt phải sành khoa tâm lý. Trước kia Tề hoàn Công hỏi : « Ta ham săn bắn và nữ sắc không biết có hại đến nghiệp bá không? » Nếu hỏi câu đó với Bảo-Thúc thì chắc chắn Bảo-Thúc trả lời rằng : « hại ». Nhưng Quản-Trọng lại nói không hại. Nhưng ông liền nói tiếp : « Không biết người hiền thì hại nghiệp bá. Biết người hiền mà không dùng thì hại nghiệp bá. Chịu dùng mà không phó thác việc lớn cũng hại. Phó thác mà còn cho tiểu nhân xen vô thì cũng hại. » Được lời như cõi tấm lòng. Tề Hoàn Công tha hồ mà săn bắn, tha hồ mà kiêu - sa dâm - dật. Nhưng ông đã tìm ra một người tin dùng và trọng dụng người đó, không cho một kẻ tiểu nhân

nào được xâm-tấu về người đó thì tức là ông đã phương thuốc ngăn ngừa công-hiệu nhưt.

Nhưng tiếc thay ! Cái người hiền mà ông đã hết lòng trọng dụng đó chẳng bao lâu nữa sẽ bỏ cuộc trước ông. Quản Trọng thọ bệnh vào một mùa đông và biết mình không sống thêm được nữa. Tề Hoàn Công qua thăm thấy ốm quá nắm tay Quản-trọng mà than rằng : « Trọng thụ bệnh nặng, chẳng may mà chẳng mạnh, ta sẽ giao việc quốc-chánh cho ai? » Khi đó Ninh Thích và Tân-Tu-Vô đã qua đời nên Quản-Trọng nói : « Tiếc thay cho Ninh-Thích ! » Hoàn Công hỏi : « Trừ Ninh-Thích ra thì dùng ai, ta muốn dùng Bảo thúc Nha có đặng chăng? » Quản-Trọng thưa : « Bảo-thúc-Nha là người Quân-Tử, song trị việc quốc-chánh không đặng vì tánh người quá coi thương ghét, thấy lành thì thương, thấy dữ thì ghét là phải, ngặt thấy ai có chuyện dữ thì ghét tới già đời. Mặc cái vậy là dở. » Hoàn-Công hỏi nữa : « Thấp-Bằng dường nào? » Quản-Trọng thưa : « Kha khá. Thấp Bằng tánh tốt, không hổ bởi kẻ dưới. Ở nhà cũng

chẳng quên việc công.

Nói rồi thở ra mà than rằng :  
« Trời sanh Thấp - Bằng là cái  
lưỡi của tôi, tôi chết, lưỡi tôi  
còn sao đặng. E rằng chúa công  
dùng Thấp Bằng cũng chẳng  
được bao lâu ».

Vua Tề còn hỏi nhiều và Quân  
Trọng còn nói nhiều để nhán  
nhủ người còn sống. Nhưng  
điều quan trọng hơn hết là Quân  
Trọng không giới thiệu người  
bạn thân nhứt đời của mình  
để kế nghiệp cho mình. Theo  
lời Quân Trọng thì Bảo-Thúc  
có cái khuyết điểm lớn là thương  
hiền, ghét ác thái quá và thứ  
nhứt là thấy một chuyện ác thì  
ghét tới già đời. Một người  
như vậy mà nắm hết quyền  
chính trong nước thì nhứt định  
làm hỏng việc vì làm chánh trị  
không phải là làm việc thương,  
phạt mà là làm sao cho an bang  
tế thế, có khi biết là ác đấy mà  
không dám trừng trị, cũng có  
khi khen, là thiện đấy mà chẳng  
dám đề cao. Hơn nữa ghét mà  
cho tới chết không quên thì  
nhiều khi tỏ ra cố-chấp, hẹp hòi,  
phủ nhận những cố gắng của  
con người có thể tu tỉnh và  
khắc phục những khuyết điểm

của mình. Ở vào địa vị Quân  
Trọng, Bảo-Thúc nhứt định  
phải thất bại trong công việc  
phạt Sô. Nếu không thất bại  
thì cũng phải hy sinh muôn vạn  
sanh linh để đổi lấy một cuộc  
chiến thắng khó khăn và nguy  
hiểm. Ở vào địa vị Quân-  
Trọng, Bảo-Thúc sẽ dễ làm  
bực mình một ông vua anh hùng  
chỉ có tội là ham săn bắn và nữ  
sắc. Cái tội đó Bảo-Thúc nhứt  
định không bao dung được và  
có thể làm cho Hoàn-Công chán  
nản và hết tin dùng mình. Không  
Bảo-Thúc không thể gây nên  
nghiệp bá cho Hoàn-Công. Và  
chính Hoàn-Công cũng không gây  
nên nghiệp bá của mình được.  
Chỉ có Quân-Trọng mới làm  
nổi cái vai tuồng của Quân-  
Trọng.

Nhưng nếu không có Bảo-  
Thúc là người tri-kỷ thứ nhứt  
và Hoàn-Công là người tri kỷ  
thứ hai thì Quân-Trọng dầu tài  
trí tới đâu cũng không thể nào  
thành công được. Bởi vậy nên  
đã nói tới Quân-Trọng là phải  
nói tới Bảo-Thúc và Hoàn-Công.  
Ở những kỳ đến tôi sẽ nói tới  
hai người đó.

(Còn nữa)

# Những người dân bà lừng danh trong

## LỊCH-SỬ



# 8.-MATA HARI

**NỮ  
GIÁN-ĐIỆP  
LÒNG DANH  
NHẤT THẾ-GIỚI  
TRONG TRẬN ĐẠI  
CHIẾN 1914 — 1918.**  
*Làm trính thám một lượt cho  
cả Nga, Đức, Hòa-Lan, Ý,*

«NÀNG  
VŨ - NỮ  
ĐỎ»

## \* TÂN - PHONG

**K**HÔNG ai ngờ một  
nàng vũ-nữ bí mật (sự  
thực thì không bí mật  
gì hết, chỉ tại nàng đổi tên và giấu  
nơi sinh trưởng, để cho ai nấy  
đều lầm tưởng rằng nàng là một  
mỹ-nhân của đảo Java 1), mà cả  
chiến cuộc Âu-châu hồi Đệ nhất  
thế chiến 1914-18 đã bị biến đổi  
rất nhiều, và hầu hết các tướng  
lĩnh, các Đại-sứ, các Quốc trưởng

*Pháp,  
Anh...  
Tinh-nhân  
của hầu hết các  
Quốc-Trưởng, Đại  
Sứ và Tướng-lính Âu  
châu trong hồi Đại chiến.  
Sắc đẹp huyền-bí lạ lùng của  
MATA-HARI đã làm đảo lộn  
cả cuộc điện Âu-châu hồi đầu  
Thế kỷ XX.*

Nga, Đức, Pháp, Anh, Ý, Hòa-  
Lan, đều bị nàng lừa gạt rất tài  
tình, chỉ tại vì họ say mê đôi  
mắt đẹp huyền bí lạ lùng của  
người tuyệt-thể giai-nhân ấy ! /



Mata-Hari chỉ là một vũ nữ, gần như một con diêm. Trước tòa án quân sự, nàng cũng nhận rằng nàng chỉ là một cô gái làng chơi, ấy thế mà cả vận mệnh Âu-châu và thế giới hồi đầu thế kỷ XX, gần như ở trong tay nàng! Mata-Hari thật là một người đàn bà phi thường vậy.

Nàng bị Tòa-án Quân-sự Pháp xử bắn ngày 15-10-1917, cái chết bi thảm khiến cho muôn vạn người khóc trên thế giới, muôn nghìn người ca ngợi, hầu hết các báo đều bình vực cho nàng. Đến nay đã 43 năm, tính ra đã có

trên 100 quyển sách viết về những bí mật của đời sống và cái chết của Mata-Hari, những vở kịch về Mata-Hari được diễn trên khắp các sân khấu Âu-Mỹ, và... những cuốn phim.

Ai cũng còn nhớ năm 1955, một cuốn phim nhan đề là « con gái của Mata-Hari » đã được quay tại Hollywood mà GRETA GARBO đóng vai chính, MATA-HARI, được khán giả hoan nghênh nhiệt liệt..

Đây, tôi xin kể về « những bí mật của đời sống và cái chết của Mata-Hari ».

Ông  
Hiệu trưởng  
mê cô Nữ sinh..

cô học-trò phải thôi  
học, ở nhà đọc  
tiểu thuyết  
tình



EM bức hình in trên đây, ai cũng tưởng rằng Mata Hari là một cô gái Ấn-độ,

hay là Indonesia, nghĩa là một nữ đệ tử huyền bí của Ấn-độ giáo (Hindouisme) với những vũ điệu uốn éo, là loi,

trước tượng thần Civa. Chính nàng cũng tuyên bố với mọi người như thế, để cố giữ lấy tính cách « huyền bí » của nàng. Nhưng sự thật không phải thế. Điều tra tận nguồn gốc, người ta đã biết rằng Mata Hari chỉ là cái tên hấp dẫn do nàng bịa đặt ra từ khi nàng cũng bắt đầu bịa đặt ra một « vũ điệu thiêng liêng » và trở thành một vũ-nữ có tiếng tăm ở Holland. Nàng thật là người Holland (1), và tên thật của nàng là MARGARETHA GEERTRUIDA ZELLE, sinh ngày 7 tháng 8 năm 1876, tại Leeuwarden, một quận nhỏ của xứ Holland, ở phía Bắc nước Belgique (2) và nước Pháp. Cha nàng là ADAM ZELLE, có cửa hàng bán mũ, cũng nổi danh ở địa phương vì có bộ râu xồm-xoàm, đen thui, và tính nết khắt-ở, cả quận ai cũng ghét. Vợ ông là bà ANTJE, khi sinh đứa con gái kia ra, thì được hàng xóm láng giềng ai nấy đều vui mừng khen ngợi, vì đứa bé xinh đẹp quá. Cô Mụ bảo ngay : « Con nhỏ này lớn lên sẽ đẹp nhất thế giới, và tóc đen ».

Cô mụ nói đúng. Mới 12 tuổi, Margaretha đã lớn như cô gái

thường 16 tuổi, sắc đẹp lộng lẫy, và đôi mắt, nhất là đôi mắt.. huyền-bí âm-u. Đôi mắt người Âu-châu mà lại hơi xếch lên hai bên khóe như mắt người Á đông, lại to lớn, tròn con người đen nhánh, nhìn ai như muốn thu hút người ta.

Cô bé mới 12 tuổi mà ra đường, ai cũng phải nhìn, nhất là đàn ông, đi khỏi rồi còn quay lại trầm trồ : « Còn nhỏ ngộ quá há ! ».

Cô 14 tuổi, thì người cha vợ nọ, cửa tiệm bị tịch biên, mẹ cô buồn rầu chết, năm 1891. Margaretha vừa thi đỗ trung học, mồ côi mẹ, cha bị sạt nghiệp, gia tài không còn một đồng xu, được ông chú đem về nuôi cho đi học Trường sư phạm, định cho sau này làm cô giáo.

Ông Hiệu-Trưởng trường Sư-phạm thấy cô nữ sinh đẹp quá đâm ra mê tít. Ông không để cho cô học hành gì được cả. Cứ mỗi buổi sáng, ông gọi cô lên văn phòng, đọc cho cô nghe những bài thơ của ông làm để tặng đôi

(1) Ta thường gọi sai là Hòa Lan.

(2) Thường gọi sai là nước Bỉ.

mắt đẹp huyền bí của cô, vớ nào là đôi môi đầy men yêu đương của cô, nào là mái tóc huyền của cô, đen như một đêm mùa hè, nào là nước da của cô màu trời mơ, dịu-lành man-mát, v.v... và v.v... Cô nữ sinh Margaretha cứ cười ngất, không biết trả lời sao cả.

Cái trò lãng nhăng ấy kéo dài

trong hai tháng. Margaretha chờ ông Hiệu-Trưởng đỡ-ợc, không cảm động tí nào cả. Về nhà cô lại mệt với chú thím, và nhất định thôi học. Ông chú và bà thím chiều cô, để cô hoàn toàn tự do. Margaretha ở nhà chuyên môn đọc tiểu thuyết tình để qua

thì giờ.

Mấy giòng rao vặt  
« kiểm vợ » của  
một Đại-úy trong  
tờ báo lá cải của  
ông chú, là đầu  
giấy mỗi nhật

**O** NG chú của cô có một tờ báo tên là « Tin mỗi ngày », một tờ báo sống dở chết dở, xuất bản tại thủ đô La Haye. Một hôm Margaretha đọc trong báo ấy mấy giòng rao vặt ở mục « Hôn nhân » như sau đây :

« Đại-úy ở đạo quân Viễn chinh Anh Hoàng tại Ấn Độ, về nghĩ

phép ở Holland, muốn tìm một thiếu phụ trẻ, đẹp, duyên-dáng, để kết hôn. Hoàn toàn kín đáo. Hộp thư số... »

Cô nữ sinh mơ màng suy nghĩ. Một Đại-Úy, hẳn đã lớn tuổi rồi, nhưng không sao. Một Đại-Úy của Đạo quân Anh-Hoàng tại Ấn-độ, chắc là oai lẫm. Ấn-độ là một xứ xa lạ ở tí tít Á-Đông.

Margaretha tưởng tượng nếu được đi du lịch đến các xứ này với một người yêu làm Đại-úy trong quân đội Viễn-chinh của Anh - Hoàng, thì thật là một cuộc phiêu lưu ái tình thích thú lắm. Cô nữ sinh liền hăng hái lấy giấy bút viết thư cho viên Đại-Úy không quen biết, và kèm theo bức ảnh.

Trước khi biết kết thúc vụ này như thế nào, ta nên biết rõ về Đại-Úy. Tên là RUDOLF MAC LEOD, người Anh, Đại-Úy thuộc về giòng dõi một quý tộc có danh tiếng trong Lịch sử xứ Scotland, một vùng ở phía Bắc England. Ông nhập ngũ trong quân đội Anh-Hoàng từ hồi 22 tuổi. 17 năm ở bên Ấn-độ, bây giờ ông đã 39 tuổi, mới được nghỉ phép một tháng. Về Anh quốc, ông biết tin sắp được chuyển chuyển qua Java, trên quần đảo Indonesia, thuộc địa Holland. Ông bèn sang chơi bên Holland, với ý định kiếm một người vợ đẹp của xứ này để đem theo qua Java. Vì ít giao du với phụ nữ nên ông định đăng mấy giòng « kiểm vợ » trên mặt báo « Tin tức mỗi ngày ». 40 tuổi, nhưng

người ông rất khoẻ mạnh, mặc y phục đại úy coi oai lẫm, lại có một bộ râu lún phún trên bờ môi, trông ra vẻ một gã đa tình. Đăng quảng cáo xong, Đại-Úy Mac Leod đợi một tuần lễ, chỉ nhận được 16 bức thư phúc đáp. Trong số đó, ông thấy có ảnh một nữ sinh tên là Margaretha Zelle, ở Thủ đô La Haye là đẹp hơn cả, và đẹp 1/2 lòng, khiến ông mê ngay. Nhưng ông viết thư trả lời :

« Hỡi người đẹp không quen biết ơi, cô 18 tuổi, mà than ôi, tôi đã 40 tuổi rồi, có thể yêu nhau được không ? »

Margaretha viết thư đáp : « Chà cần tuổi tác ! Có thể yêu nhau » Đại-úy Mac Leod lại viết : « Tiếc quá, tôi đang bị sốt rét nặng lắm, không thể nào gặp cô được trong lúc này ».

Margaretha trả lời : « Chà cần sốt rét ! Cho tôi biết địa chỉ. Tôi đến thăm ông ». Cô nhận được phúc đáp liền : « Chà cần địa chỉ. Tôi chờ cô trước cửa Bảo tàng viện Amsterdam ». Thế là ngày chủ nhật 24-3-1895, Đại-úy Mac Leod may râu nhẵn nhụi, nhưng-phục bảnh bao, đứng trước cửa Bảo tàng viện, hồi

hộp mong đợi người đẹp không quen.

Margaretha đến. Trước sắc đẹp rực rỡ huyền bí như một vị nữ thần Ấn độ, chàng Đại úy sung sướng quá, mê ly quá, choáng váng mặt mày, muốn quỳ thụp xuống chân nàng. Cô nữ sinh 18 tuổi duyên dáng mỉm cười :

— Chào Đại Úy.

Chàng lính quynh lẫm lẫm trong mồm :

— Chào... chào... Margaretha...

Tiếng sét đã đánh xoẹt vào hai trái tim xúc động...

Cuộc gặp gỡ hẳn là thú vị lắm, nên ngay hôm sau, cô nữ-sinh Margaretha Zelle viết thư cho chàng đại úy, đã ký là « cô vợ bé-nhỏ tương lai của anh, yêu anh vô kể ». Sáu ngày sau ngày 30-3-1895, hai người đính hôn. Họ viết thư cho nhau mỗi buổi sáng và mỗi buổi chiều. Mỗi đến cuối tháng Ba, nàng vẫn còn ký tên là « cô vợ bé-nhỏ tương lai của anh ». Cuối tháng Tư, sau bốn ngày chủ nhật ôm ấp nhau thật là gần bó, Margaretha viết thư, bỏ hẳn chữ « tương lai », chỉ còn lại : « cô vợ bé-nhỏ của anh », và tăng cường

thêm mấy danh từ xưng hô mới : « người yêu riêng của em ».

Viên đại-úy sung sướng nhất trên đời. Mặc dầu chị của ông cản trở, bảo : « Sao chị xem con nhỏ ấy lằng lơ quá », mặc dầu các bạn thân của ông cũng bảo : « Margaretha còn con nít quá, sợ bông bột lúc đầu, sau này nó sẽ cấm sừng cho anh ! » Đại úy Mac Leod nhất định cưới cô nữ sinh về làm vợ. Lễ cưới được tổ chức long trọng ngày 11 tháng Bảy năm 1895, 6 tháng sau cái quảng cáo « tìm vợ » đăng trong tờ báo « Tin tức mỗi ngày ».

Cặp vợ chồng mới cưới về ở tạm nhà bà chị của chàng, Louise Loed. Nhưng hai tháng sau, chàng đã bắt đầu thấy « cô vợ bé nhỏ » của chàng hãy còn khờ khạo, và nhõng nhẽo quá. Tiền lương của ông đại úy không có bao nhiêu mà bà Đại úy cứ đòi sắm găng mới, giày mới, nón mới, áo mới, thét rồi ông Đại-úy nổi quạu, công kích cô vợ trẻ. Mac Leod là người trí thức yêu chuộng văn chương, âm-nhạc, còn Margaretha thì tối ngay chỉ lo phần sếp và điện bánh, rủ chồng đi ăn tiệm, đi khiêu-vũ, và đi coi hát.

Mac Leod bực mình, nhưng rán chiều cô vợ đẹp,

(Kỳ sau tiếp)

TRUYỆN NGẮN

NGOẠI

QUỐC

CHIẾC

ĐỒNG HỒ

(A CASE OF SUSPICION)

\* ED. WALLACE

NGÔ - THỊ - CÚC dịch

**T**IẾNG chuông điện thoại reo vang từng hồi như giục giã, như hối thúc...

Ông ta ném cái mền qua một bên và ngồi nhòm dậy. Đoạn ông từ từ bước xuống giường và dò dẫm dọc theo sàn nhà lạnh ngắt. Chuông điện-thoại vẫn reo...

Ông bật đèn lên rồi bước đến máy điện-thoại, nhất ống nghe lên :

— Đây là Bác-sĩ Benson... ông nói.

Gió đông thổi vù vù lôi cuốn

theo từng cuộn tuyết đổ khắp quanh căn nhà bé nhỏ của ông ta. Tiếng gió rít nghe mà lạnh buốt xương. Bác sĩ Benson mặc áo ấm vào. Vừa cài nút, ông vừa bước lại chiếc bàn con nhìn chăm chập vào đồng hồ. Nét mặt không vui, cặp mắt nghĩ ngợi như không bằng lòng công việc mình sắp làm.

Đã 2 giờ khuya...

Ông suy nghĩ và bất bình về cái việc phải làm vào giờ mà lẽ ra ông phải nằm trùm mền ngủ.

Ông thắc mắc rồi lại lẩm bầm : « Quái ! Trẻ con sao mà thích ra chào đời vào cái giờ ác độc không thích hợp này : Đêm khuya vào mùa đông giá rét ! » Tuy nhiên, ông vẫn lui cui soạn đồ, một cái xách cầm tay, một túi đồ nghề và một hộp to đựng các thứ thuốc men. Xong ông chậm rãi đốt một điếu thuốc hút có lẽ cho ấm lòng. Nhưng một đóm lửa bé nhỏ đâu có thể sưởi ấm được một mùa đông như vậy ! Ông ta bỏ bao thuốc hút vào



túi áo choàng, mở cửa bước ra. Ra khỏi cửa, ông lại ngập ngừng, đứng dừng lại mà ngó vào nhà như định trở vào hay nhớ có bỏ quên một món đồ gì. Nghĩ thế nhưng lại thôi, ông khóa cửa lại và ra đi.

Gió thổi mạnh, gió lạnh từng cơn, thổi tạt vào mặt ông như những con dao sắc bén của nhà giải phẫu. Vừa chạy vừa cúi mặt xuống, ông đi quanh nhà theo con đường mòn để ra nhà xe.

Trời lạnh quá, dường như chiếc xe của ông cũng không làm việc nổi.

Ông rờ máy, nó phun từ cuộn khói, kêu ọc ọc rồi nằm êm một lúc lâu mới chịu chạy. Bác sĩ lái từ từ một cách khó khăn, xuống đường cái rồi xe bắt đầu chạy nhanh và nhẹ nhàng êm ái hơn.

Ông cho xe quẹo sang Grass street và thẳng tiến trên xa lộ vắng tanh không một bóng người. Ngoài tiếng động cơ và ánh sáng ở cặp đèn pha của chiếc xe, còn thì xung quanh đều yên lặng và tối đen.

Bà Ott. Scroley, người đàn bà mà bác sĩ đang tới thăm bệnh đây

đã có những 12 đứa con rồi, đứa nào cũng do bác sĩ Benson đỡ đẻ cả. Bác sĩ còn nhớ rõ là từ đứa đầu lòng đến đứa thứ 12, không đứa nào chịu ra đời vào thời tiết tốt cả, cũng không chịu lọt lòng vào ban ngày nữa !

Chiếc xe vừa vượt khỏi một nông trại trên đường đến nhà bà Ott Scroley.

Cảnh vật vẫn im lặng và hoàn toàn tối đen.

Ánh sáng của đèn xe hơi tỏa ra chỉ sáng cho lối đi và lề đường. Bỗng bác sĩ nhận thấy có một bóng người đàn ông từ phía trước đi lại. Trên con đường xa xôi vắng lặng, có một bóng người đi cũng giúp cho bác sĩ đỡ sợ 1 phần nào. Bác sĩ cho xe chạy chậm bớt để nhìn người đàn ông, người đang lầm lũi đi ngược chiều gió một cách nặng nề mệt mỏi, tay thì ôm chặt một gói to.

Khi xe vừa đến gần người đàn ông lạ nọ, bác sĩ cho xe chạy song song rồi ngừng lại và mời người ấy lên xe cùng đi. Hẳn bước liền lên xe.

Chiếc xe lại tiếp tục lên đường. Bác sĩ hỏi :

— Ông đi đâu vậy ? Còn bao xa nữa mới đến nơi ?

— Tôi phải đi hết con đường dài này nữa để đến Detroit. Người đàn ông trả lời, một người đàn ông dáng ốm-ốm, đôi mắt nhỏ và đen nhưng đầy nước mắt vì gió tạt.

— Trời lạnh quá ! Ông có thể cho tôi xin một liều thuốc lá được chứ ?

Bác sĩ Benson vừa mỉm cười vừa cởi nút áo trong ra nhưng chợt nhớ là gói thuốc để ở túi áo choàng ngoài. Ông lấy gói thuốc trao cho người lạ ấy trong lúc hắn đang tìm hộp quẹt trong túi của hắn. Hắn đốt thuốc xong nhưng tay vẫn còn mân mê gói thuốc lá, đoạn hỏi :

— Thưa ông, ông cho tôi xin thêm một liều nữa để chốc tôi hút. Có được không ông ?

Rồi không đợi Bác sĩ trả lời, hắn tự nhiên cầm bao thuốc trút ra và lấy một điếu. Vừa khi ấy, bác sĩ Benson cảm thấy có một bàn tay chạm vào túi mình. Cái cử chỉ ấy rất nhẹ nhàng và lạnh lẽ.

— Tôi đã để bao thuốc vào túi ông rồi ạ. Người đàn ông lạ nói.

Vừa nghe, bác sĩ vừa đưa tay để nhận bao thuốc đó nhưng ông tỏ ra hơi tức giận là đã thấy bao thuốc lá ở trong túi áo của mình rồi.

Bác sĩ vừa lái xe vừa ngẫm nghĩ về cử chỉ của người đàn ông bên cạnh. Hẳn sao làm lì mà lại có những cử chỉ nhanh nhẹn, kỳ khôi như thế. Nhưng rồi bác sĩ cũng bỏ qua và tiếp tục trò chuyện :

— À, nói vậy ông đi đến Detroit ?

— Thưa vâng, tôi đến đó để kiếm việc làm nơi xưởng xe hơi.

— Vậy ra ông là thợ máy à ? Hẳn tươi cười trả lời :

— Dạ, không giỏi gì lắm. Tôi có lái xe cam-nhông từ khi chiến tranh chấm dứt, nhưng tôi bị mất việc từ hai tháng nay rồi.

Bác sĩ lại hỏi :

— Trong thời gian chiến tranh ông có gia nhập vào quân đội không ?

Với giọng khàn khàn, hắn trả lời một cách nghênh ngang mà có vẻ thành thật.

— Có, có chứ. Tôi nhập vào đội Hồng-thập-Tự nhà binh và ở tại mặt trận nữa chứ. Tôi lái xe Hồng thập Tự trong vòng 4 năm rồi.

Bác-sĩ vẫn vui vẻ :

— Vậy à ? Thế, tôi đây là một bác-sĩ. Tên tôi là Benson — bác-sĩ Benson.

Người đàn ông cười to lên :

— Hèn gì mà tôi nghe trong xe này có mùi thuốc ! Đoạn hẳn trịnh trọng nói thêm :

— Tên tôi là Evans.

Chiếc xe vẫn thoăn thoắt trên đường trường. Bây giờ hai người lại yên lặng, không nói gì nữa. Người đàn ông lạ thỉnh thoảng lại cử động nơi chỗ ngồi và hẳn đặt gói hành lý xuống sàn xe. Nhơn lúc hẳn nghiêng mình qua một bên, bác-sĩ Benson mới nhìn được rõ ràng, lần thứ nhứt, vào gương mặt nhỏ và có nét lão lênh của một con mèo. Ông cũng vừa nhận thấy nơi gò má của hẳn có một cái sẹo sâu dài. Sẹo ấy lại đỏ tươi ướt như là vừa mới bị thương đầu đây không lâu.

Rồi ông cũng vừa nhớ tới bà Ott Scroley đang chờ mình. Ông tìm đồng hồ xem giờ để liệu mà đến cho kịp. Người đàn ông nọ vẫn ngồi trầm ngâm chốc chốc lại lay - động, sửa chỗ ngồi.

Bác sĩ Benson mò sâu vào túi áo một hồi lâu rồi ông mới nhận biết là cái đồng hồ không còn ở trong túi của mình nữa ! Chỉ có gói thuốc lá mà người kia vừa để vào một cách khéo léo lanh lẹ lúc nãy mà ông gần như không hay biết ấy.

Bác sĩ nghĩ tới cử chỉ ấy lúc ban nãy, ông lại càng nghi ngờ. Ông ta mới đặt tay nhẹ và cần thận dưới chỗ ngồi. Ông lần mò ở chỗ ấy cho tới khi ông đụng vào bao da đựng súng, trong ấy ông luôn luôn có cây súng lục để đem theo bên mình. Một tay vừa lái xe, một tay ông từ từ rút súng ra và chia vào bóng tối bên cạnh ông. Đoạn ông ngừng hẳn xe lại và đưa họng súng vào Evans — người đàn ông lạ — vừa quát một cách giận dữ :

— Hãy trả đồng hồ lại vào túi của tôi ngay !

Người đàn ông giật bắn người lên vì sợ hãi. Hẳn lật đặt đưa tay lên. Với giọng run rẩy hẳn nói :

— Chúa ơi, thưa ông...

Rồi hẳn nói thì thào :

— Thế ra ông cho tôi là...

Bác-sĩ vẫn lạnh lùng và tức giận, ông đẩy cây súng sát gần thêm vào người của hẳn rồi lập

lại bằng một giọng cứng và lạnh :

— Trả cái đồng hồ vào túi áo của tôi hay là chờ tôi cho viên đạn này ra ngoài ?

Evans thọc vào túi áo của mình. Rồi một lúc, với bàn tay run rẩy hẳn cố gắng bỏ chiếc đồng hồ vào túi áo bác sĩ. Với nét mặt vẫn cam hờn, bác sĩ mở cửa xe và bắt buộc người đàn ông ấy ra khỏi xe ngay. Rồi vừa nói : « Đêm nay tôi ở ngoài trời như thế này là để — có lẽ — đi cứu mạng một người đàn bà, nhưng tôi lại dùng thì giờ cần kíp ấy để mà giúp đỡ ông. Thế mà, ông lại... » Rồi ông hăm hăm đóng cửa xe làm ầm vang lên phá tan sự tĩnh mịch của đêm trường.

Ông dứt khẩu súng vào bao, xong cất lại dưới chỗ ngồi đoạn mở máy cho xe phóng nhanh.

Gió đêm lẩn với tuyết rít lên nghe mà lạnh buốt xương.

Đi một đoạn, ông lại cho xe chậm chậm xuống núi để vào trại của bà Scroley.

Bà Scroley đã có nhiều kinh nghiệm rồi trong việc cho trẻ mở mắt chào đời. Sanh sản đối với bà không có gì sợ hãi và khó khăn cả, nhưng bà cũng vẫn cần có bác-sĩ bên cạnh.



Công việc xong xuôi. Bác-sĩ ở lại nghỉ ngơi. Ông đốt thuốc hút :

— Này, bà ạ, có một gã nọ mà tôi cho quá giang xe tôi lại toan cướp của tôi đây. Ông vừa nói với bà Scroley, vừa mỉm cười tự đắc : « Hẳn cướp cái đồng hồ của tôi nhưng khi tôi chia súng vào hẳn

thì hẳn lại hoảng sợ rồi liền lấy đồng hồ ra trả cho tôi ! »

Bà Scroley nghe câu chuyện coi có vẻ thú vị hấp dẫn nên bà mỉm cười :

— Đấy tôi thích nó trả đồng hồ lại cho ông ! Bà tươi cười tiếp : « Nếu nó không trả thì làm sao mà chúng ta biết chú bé này ra đời vào mấy giờ chứ ? Nào, bây giờ bác sĩ hãy xem đồng hồ coi chú bé này ra chào đời vào giờ nào đây ? »

Bác-sĩ vội vàng móc túi lấy đồng hồ ra :

— Nào, em bé này sanh ra cách đây độ 30 phút và đúng bây giờ thì là...

Vừa nói ông vừa đi lại phía ngọn đèn đặt ở trên bàn.

Bỗng ông giật mình, nhìn chăm chập một cách lạ lùng vào cái đồng hồ đang cầm trên tay : mặt kiến đã nứt nẻ, vành đồng hồ thì bẽ ra. Ông vội vả lật đồng hồ lại, nhìn vào phía mặt sau, ông đặt đồng hồ sát vào đèn. Ông ngạc nhiên, xem xét và cố đọc hàng chữ khắc đã cũ « *Riêng tặng Tony Evans trong đội Hồng thập Tự lưu động, một người bạn tốt đã can đảm bảo vệ và cứu mạng chúng tôi trong đêm 3 tháng 11 năm 1943, tại mặt trận Italie.* »

Nam nữ y tá quân - đội : Nesbit, Jones và Wingate .

Đọc xong, bác sĩ buông tay xuống bàn, nét mặt có vẻ đang suy nghĩ điều gì dữ lắm.

# ĐỒNG GIAO CHÀM

hay

# BÀI HÁT CON CÒ

\* JAYA PA-NRANG



**H**ỒI chúng tôi còn nhỏ, những đêm nhàn rỗi, Má chúng tôi vừa kéo chỉ, quay tơ hoặc cán bông, xe sợi, vừa kể cho chúng tôi nghe những chuyện cổ tích và tập cho chúng tôi hát những bài ru em.

Đến lúc lớn lên, tôi có dịp xem các sách vở thuộc loại khảo cứu về văn-hóa Chăm thì thấy có một vài quyển đã ghi chép lại bài hát "CON CÒ ỒM", bài mà tôi thích nhất từ thuở bé thơ và hiện nay tôi còn thuộc lâu lâu.

Tôi bắt đầu suy nghĩ: tại sao bài trẻ hát ru em mà người ta chép lại và cho in thành sách thuộc loại khảo-cứu như thế này? Giá như các tác giả dành các trang giấy đó để ghi chép những bài khác có tánh cách lịch-sử hoặc những bài nào có giá-trị về công-học hay văn chương thì có phải hơn không?

Nhưng càng suy-nghĩ, tôi càng thấy các nhà sưu-tầm ấy có lý. Họ có lý về phương-diện văn-chương và triết-học xã-hội.

## BÀI HÁT CON CÒ

● Về phương - diện văn-chương thì bài CON CÒ ỒM đã được ghi lại cách đàm thoại của người Chăm, phương-pháp tập cho các em nói chuyện bằng lời ca, tiếng hát cho vui và cho dễ nhớ, các danh-từ trong câu chuyện được nhắc đi nhắc lại bằng lối vắt đáp và cách bố-cục cốt chuyện cũng được gọn-gàng vững chắc.



● Về phương-diện triết-lý xã-hội, cốt chuyện được mô-tả sự liên quan mật-thiết trong đời sống xã-hội. Đời sống con người, người này cần phải liên-kết với kẻ khác để tạo lấy đời sống cho chính riêng mình.

Nói rộng ra, từ loài thảo mộc cây cỏ, loài côn-trùng, loài động vật lớn, cho đến loài người đều có một đời sống liên lạc với nhau, nương-tựa vào nhau mà cấu-tạo

và xây - dựng cuộc đời trên quả đất xoay tròn này.

Như thế cũng chưa đủ, mà còn cần phải có một bàn tay vô hình Đấng tạo hóa, điều khiển đời sống của muôn loài nữa.

Xét kỹ ra, tôi thấy bài hát nói trên chứa đựng đầy ý-nghĩa cao-siêu mà trên đời này không một ai có thể phủ-nhận.

Vậy tôi xin chép nguyên văn bài CON CÒ ỒM bằng chữ Chăm thuận-túy, phiên âm la-ngữ, dịch từng chữ một ra việt-ngữ cho sát nghĩa và sau cùng, tạm dịch thoát ra theo thể thơ lục bát, hân hạnh cống-hiến quý bạn đọc để nhàn lãm.

Thật ra, bài hát này không có tựa, không có tên tác giả và là một bài hát hết sức bình dân, chỉ được phổ-biến riêng cho giới nhi đồng. Nhưng để cho lối trình-bày có phương-pháp, tôi xin tạm lấy tựa là CON CÒ ỒM, vì con cò được đứng đầu trong mẫu chuyện đó.

Tôi xin trân trọng giới-thiệu cùng quý bạn đọc, dưới đây là bài hát CON CÒ ỒM:

KOOK RA-VANG  
CÒ ỒM

Kook kook djâp ha-get hur ra-vang ?  
Cò cò tại sao mầy ồm ?

Ha-dang ôh đông !  
Tép không nôi !

Ha-dang ha-dang djâp ha-get hur ôh đông ?  
Tép tép tại sao mầy không nôi ?

Ha-rok ra-lô !  
Cỏ nhiều

Ha-rok ha-rok djâp ha-get hur ra-lô ?  
Cỏ cỏ tại sao mầy nhiều ?

Ka-bao ôh bâng !  
Trâu không ăn !

Ka-bao ka-bao djâp ha-get hur ôh bâng ?  
Trâu trâu tại sao mầy không ăn ?

Ga-mâng ôh ka-leh !  
Cọc không tháo !

Ga-mâng ga-mâng djâp ha-get hur ôh ka-leh ?  
Cọc cọc tại sao mầy không tháo ?

Ja-Beh ôh glâng !  
Ja-Beh không chẵn !

Ja-Beh Ja-Beh djâp ha-get hur ôh glâng ?  
Ja-Beh Ja-Beh tại sao mầy không chẵn ?

Tian pa-dik !  
Bụng đau !

Tian tian djâp ha-get hur pa-dik ?  
Bụng bụng tại sao mầy đau ?

Li-thay mư-tah !  
Cơm sống !

ရွက်က ဝါဖွဲ့

ရွက်က ရွက်က ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ဝါဖွဲ့ ရွက် ရွက်က

ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ရွက်က  
ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့

ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ကပါဖွဲ့ ရွက် ဝါဖွဲ့

ကပါဖွဲ့ ကပါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ရွက်က  
ဝါဖွဲ့ ရွက်က ရွက်က

ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ရွက်က  
ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ရွက်က

ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့

ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့

ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ရွက်က ဝါဖွဲ့

ရွက်က ရွက်က ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့

ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့

ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ရွက်က ဝါဖွဲ့ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့  
ဝါဖွဲ့ ဝါဖွဲ့

Li-thay Li-thay djâp ha-get hur mur-tah ?  
 Com com tại sao mầy sổng ?

Djuh bok !  
 Cúi wót !

Djuh djuh djâp ha-get hur bok ?  
 Cúi cúi tại sao mầy wót ?

Ha-jan ta-the !  
 Mưa dầm !

Ha-jan ha-jan djâp ha-get hur ta-the ?  
 Mưa mưa tại sao mầy dầm ?

Kiếp ga-rao ka-duuk !  
 Éch gãi móng !

Kiếp kiệp djâp ha-get hur ga-rao ka-duuk ?  
 Éch éch tại sao mầy gãi móng ?

Mưng muuk mưng kây kâu mai yâu nan yơ kân !  
 Từ bà từ ông tao đến như vậy đó mà !

\*

## CON CÒ ỒM (gầy)

Cò ơi sao ốm thế này ?  
 Cò bảo hôm rày tép nọ không bơi !  
 Tép ơi sao tép không bơi ?  
 Tép rằng cò mọc khắp nơi ao hồ !  
 Cò ơi sao mọc lỗ nhỏ ?  
 Cò rằng trâu nọ không lừa đến ăn !  
 Trâu ơi sao lại bỏ ăn ?  
 Trâu lại bảo rằng bị cọc xích luôn !

Cọc ơi sao cọc xích luôn ?  
 Vì rằng chú Bệh (1) không buồn đi chân !  
 Bệh ơi sao lại không chân ?  
 Bệh lại bảo rằng bụng nó bị đau !  
 Bụng ơi sao bụng lại đau ?  
 Bụng rằng com sổng ăn vào khó tiêu !  
 Com ơi sao sổng trở trên ?  
 Tại cúi wót nhiều lừa chày chẳng kham !  
 Cúi ơi sao wót lam - nham ?  
 Cúi bảo mưa dầm, mưa suốt ngày đêm !  
 Mưa ơi sao giọt liên-miên ?  
 Vì rằng con éch báo điềm, gãi móng !  
 Éch ơi sao lại gãi móng ?  
 Éch rằng : tục-lệ tổ-tông lưu-truyền !

\*

Sau khi quý bạn đã xem xong bài hát trên đây, có lẽ quý bạn cũng như tôi, chúng ta nhận thấy cốt chuyện mô-tả sự sống của muôn loài có liên quan mật thiết với nhau mà bài hát CON CÒ ỒM diễn tả điển hình vậy.

Như chúng ta đã biết :

— Con tép không nổi lên được khỏi mặt nước là con cò bị thiếu mỗi xoi.

— Con tép bị lấp dưới đám cỏ xanh bao phủ kín mặt nước, cỏ mọc cao và dày là tại trâu không ăn cỏ.

— Trâu kia không ăn cỏ cũng không phải tại trâu lười biếng hay bệnh hoạn mà bỏ ăn, mà là tại nó bị trói buộc vào một cây cọc con.

— Cây cọc ấy vô tri vô giác không thể tự động bắt một con trâu to tướng, khỏe mạnh kia để xiềng xích lại một chỗ như thế được, đó là do cái hành động của con người.

— Còn con người ta, đã có

(1) Ja-Bệh, tên riêng của mục-đồng.

bồn phận nuôi gia súc để bắt buộc chúng nó làm việc cho ta hưởng lợi-tức hoa màu hoặc để dùng thịt, dùng da..., tại sao lại không có nhiệm vụ cho súc vật ăn uống cho no nê, cho ú-mập, để chúng có đủ sức phục vụ cho gia chủ hoặc cung cấp thể xác to béo cho người dùng; nhưng tại vì đau yếu, mà con người đành phải chịu chèn ép của bọn phân đố với gia súc của mình. Con người đau ốm, bỏ bê công việc là thường và việc này là ngoài ý muốn của hầu hết mọi người, có thể nói do sự vật bên ngoài gây ra mà thôi.

— Tại sao cơm nấu không được chín? Vì tại củi ướt, lửa cháy không bén nổi, nước không sôi đều, làm cho hạt gạo không được mềm và dẻo.

— Củi ướt vì bị trời mưa dầm, mưa lai rai suốt ngày đêm, làm sao mà tránh sự ướt át được! Trời mưa có nước để tưới lên cây cỏ, cung cấp nước cho sinh vật dùng, điều-hòa được thời-tiết để cho tất cả có phương-tiện sinh-sôi nảy nở dễ-dàng. Nhưng, mưa nhiều quá, nước ứ đọng, sinh ra lụt ngập cũng hóa ra có hại.

— Còn vì sao có mưa? (xin miễn bàn về phương-diện khoa-học). Việc đó, căn cứ theo « tập quán » từng địa-phương, từng dân-tộc thì có nhiều điểm khác nhau. Riêng về quan niệm cổ-truyền của người Chăm thì họ cho rằng: trời đang nắng chang chang mà có ếch gãi móng (tức ếch kêu oang oang từng hồi) là có triệu-chứng trời sắp mưa to.

— Có người tò mò hỏi: Ếch ở dưới đất, dưới hang sâu, tại sao ếch biết được chuyện trên không gian, biết được sẽ có trời mưa, ếch đâu có phải một nhà khí tượng học? Chính con ếch cũng không hiểu nổi công việc mình làm (theo cốt chuyện này), nên ếch đã nói là tại tục lệ ông bà để lại cho mình noi theo mà thôi.

Nhưng thử đi ngược lại từ cấp bậc cha mẹ, ông bà trở lên cho đến cố-tò cao-tằng thì sẽ gặp những ai nữa? Có phải chăng sẽ gặp đấng thiêng liêng, đấng tạo-hóa, là đấng đã đem phép màu nhiệm khai thiên lập địa và tạo ra muôn loài không? Nếu có ai thắc mắc hỏi thêm rằng đấng Tạo-hóa ở đâu và ai sinh ra đấng ấy, điều đó chỉ có đấng Tạo-hóa biết, chứ không còn ai có thể biết được!

Vậy đấng Tạo-hóa đã có công tạo ra muôn loài, ắt phải có bồn phận sắp đặt cho muôn loài trong vũ-trụ mọi việc sinh sống.

Con chim, con cò phải sống nhờ ở thân xác côn-trùng, cá tép. Con voi, con ngựa phải gặm lấy sợi cỏ lá cây mà nuôi thân. Đến loài người, một sinh vật có đủ trí óc thông thái hơn các sinh vật khác, biết dùng khoa-học tối-tàn để chinh-phục thượng tầng không gian, đòi chiếm lấy chị hằng... thế mà cũng còn phải dùng đến chén cơm, miếng bánh mì ăn để mà

sống..

Tạo-hóa đã khéo léo hơn nữa là còn bày ra cái thuyết Sinh, Lão Bệnh, Tử để điều hòa số lượng của muôn loài cho thăng bằng với diện tích và trọng tải của quả địa cầu mà ta đang sống ngày nay.

Vô tư mà nhận xét, một đồng dao như trên đây mà có thể nói lên được ít nhiều công việc trên trời, dưới đất, lột được tư tưởng xã-hội, thiết tưởng trong văn hóa Chăm có lẽ còn nhiều tác phẩm quý-giá đáng được khai thác và phổ-biến lắm vậy.



★ UỐNG THUỐC

Bác-sĩ hỏi ông Hai :

— Thế nào, bà Hai đã hết bệnh chưa, ông Hai ?

Ông Hai :

— Thưa, vợ tôi đã chết rồi.

— Sao vậy ? Tại bà Hai không chịu uống chai thuốc của tôi cho nên bà mới chết đó !

— Dạ, có uống.

— Chắc bà Hai uống nhiều quá phải không ?

— Dạ không.

— Thế thì, chắc bà Hai uống ít quá.



C  
h  
u  
y  
ệ  
n  
  
c  
ủ  
a  
  
n  
à  
n  
g

Có một nàng con gái  
Đã bắt đầu làm thơ  
Đã bắt đầu thương nhớ  
Thêu rất nhiều giấc mơ.

Nàng đã thích chờ mong  
Những màu thư bâng-khuâng  
Của "ai" xa năm ấy,  
Đem thương nhớ cho lòng.

Trong bài thơ nàng viết  
Đã thấy có tên ai...  
Đôi mắt màu xanh biếc  
Thoáng chút buồn thơ-ngây

Nàng thương đôi mắt thắm,  
Thương mắt nhìn đắm-chiều...  
Thương rất nhiều, nhiều lắm  
Hình ảnh người nàng yêu!

Nàng là người con gái  
Đã bắt đầu làm thơ,  
Đã bắt đầu thương-nhớ...  
Đôi mắt sầu bâng-quơ!..

MỘNG HOA HUYỀN

Huế



HỒI KÝ

# Một Đời Người

PHẦN THỨ HAI  
XIX

CHÁNH SÁCH CÓ MẶT

(Tiếp theo P.T. số 45)

★ THIẾU-SƠN

**C**HÁNH sách "đánh mạnh" và "đánh mau" tuy chưa hoàn-toàn thất bại nhưng Thực-dân Pháp đã rút được những bài học kinh-nghiệm là công việc bình-dịnh không phải chỉ trông cậy ở giải-pháp quân-sự mà thành-tựu được. Bởi thế nên khi Cao-ủy Bollaert qua thay thế cho Cao-ủy Thierry d'Argnlieu thì ông liền nhắc đi, nhắc lại và tuyên bố um-sùm một giải-pháp mới là giải-pháp chánh-trị. Thật ra thì trước ông người ta cũng đã có áp-dụng giải-pháp chánh-trị rồi nhưng là những giải-

pháp hạ cấp, lỗi thời, những giải - pháp phân - ly, tự - trị, "Nam - kỳ - quốc," những giải-pháp đã đem lại cái chết đau thương cho Bác-sĩ Thịnh và sự thất bại chua cay cho Thủ-Tướng Hoạch. Cố nhiên trong khi người ta chơi lá bài phân-ly thì Đảng Xã-Hội bị liệt vào hàng đối lập và bị khùng bố toại bời.

Nhưng với Cao-ủy Bollaert thì giải pháp chánh trị được tiến cao hơn một nấc nữa là ông dám hủy bỏ lá bài phân ly để chơi lá bài thống nhất, nhưng phải thống nhất làm sao cho có lợi cho thực

dân. Cố-nhiên là chánh-phủ Pháp cho ông nhiều quyền hành và giúp ông nhiều phương tiện. Người ta cho ông Paul Mus qua để tiếp-xúc với kháng chiến nhưng người ta cũng cho người qua Hồng-kông để rước Bảo-Đại về. Ngoài ra người ta còn đơn phương đặt ra qui chế Liên - Hiệp - Pháp và thành lập một Hội-Đồng Liên - Hiệp - Pháp trong đó có Nghị - Viên người Pháp chung lộn với Nghị-viên của những nước liên kết mà đầu hết là nước Việt-Nam.

Tổng-thư-ký Cao-ủy Phủ (cũng như Phó-cao-ủy) là một đảng viên đảng xã-hội, ông Mesmer. Vì lý-do chức-vụ Mesmer không thể tới trụ-sở đảng được nhưng vẫn tiếp xúc với nhiều đồng-chí Pháp để mong thuyết phục cho Liên-đoàn Xã-Hội có thái-độ nhân-nhượng đối với những người đại-diện cho Pháp ở Việt Nam.

Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể nhân nhượng bằng một chánh-sách có mặt (politique de présence). Nghĩa là chúng tôi có thể giữ vững lập trường mà không từ chối những cuộc tiếp xúc với nhà đương cuộc để trao đổi ý-kiến hay cho biết lập trường của mình.

Nhơn đó mà sau khi đã đọc bài diễn văn « lịch sử » ở Hà-dông về Saigon, Cao-ủy Bollaert có mời chúng tôi tới dinh ông để nói chuyện.

Kỹ-luật trong đảng bắt buộc mỗi lần tiếp xúc như vậy phải có một phái đoàn cùng đi chứ không được phép đi một mình, \*đầu là anh Tông - thư - ký. Phải đặt kỹ-luật như thế vì sợ rằng một người có thể bị làm lạc, bị lợi dụng hay bị mua chuộc. Mỗi lần tiếp xúc như thế phải về báo-cáo lại với đảng trong một cuộc nhóm họp. Phải có nhiều người để làm chứng lẫn cho nhau rằng bữa đó đối-phương đã nói những gì và thứ nhứt là những người trong phái-đoàn đã trả lời đối-phương ra làm sao để ngăn ngừa cho người ta đừng gán cho đại diện đảng những lời tuyên bố không đúng với nguyên văn.

Hôm đó anh Hervochon, tôi và 2, 3 đồng chí Pháp đã cùng kéo nhau tới Cao-ủy-phủ (hiện nay là dinh Độc-lập).

Ông Bollaert đã lớn tuổi, trước kia đã từng làm nghị-sĩ Quốc-Hội Pháp. Ông người dầy dà, ăn nói diêm đạm, bộ mặt hiền từ nhưng có những nét sắc-sảo, tế nhị, thừa thông minh mà thiếu trung-thực.

Ông tiếp chúng tôi một cách lịch sự, có những cử chỉ thân mật và những lời nói ngọt ngào. Ông cũng tỏ vẻ tha thiết với hòa-bình, muốn chúng tôi giúp sức với ông để làm chấm dứt một cuộc xung đột không nên có và không cần có. Ông đề-cập tới bài diễn văn ông vừa đọc ở Hà-dông và muốn chúng tôi thẳng thắn phê bình để cho biết ý kiến. Anh Hervochon hứa sẽ nghiên-cứu và phê bình ở trên báo Justice. Kể tới Cao-ủy đưa ra một nhận xét như sau: « Tôi đã tiếp xúc với người dân xứ Bắc, không phải căn cứ theo những báo cáo của chánh-quyền địa phương và cũng không căn cứ theo những lời nói nịnh bợ của những người đã quy thuận hay đã chịu ra cộng tác. Tôi căn cứ theo những điều tôi thấy tận mắt, nghe tận tai, tôi để ý đến những vết mặt đau thương và chán-nản của người dân xứ Bắc, tôi có thể quả quyết với các anh rằng những người lãnh đạo kháng-chiến đã mất ít nhất là 50 phần 100 cái uy-tín của họ ».

Anh Hervochon liền chậm rãi trả lời như sau : « Cái hiện tượng đó đã từng có xảy ra ở Pháp. Trong thời kỳ bị chiếm

đóng mỗi lần máy bay đồng-minh tới oanh-tạc những căn-cứ quân sự của Đức thì chính đồng bào của chúng ta đã cung tay, cung chun, chửi thề và nguyện rửa những đoàn máy bay đó. Bởi vì quân địch ở sát vách với thường dân mỗi lần oanh-tạc như thế tất nhiên là phải có thiệt hại cho sanh-mạng và tài-sản của họ, bảo sao họ không bất bình, chán-nản và đau khổ ? Nhưng khi quân-đội đồng - minh đã đổ bộ thành-công mà giải-phóng đất nước thì chính những người đã chửi thề và nguyện - rửa đó lại giang tay ra mà tiếp đón một cách nồng hậu những kẻ đã đánh đuổi quân thù. » Một vết kinh ngạc thoáng hiện ra ở sắc mặt nhà chánh trị lão thành nhưng ông liền trấn tĩnh lại mà đưa câu chuyện qua một hướng khác. Ông nói : « Tôi đã tỏ ra tất cả thiện chí và đã ân cần mời mọc người ta tới nói chuyện hòa bình với chúng tôi. Tôi không bắt buộc người ta phải theo những điều kiện của tôi. Tôi chỉ đưa ra những đề nghị. Người ta có thể đưa ra những phản đề-nghị đề rồi sẽ cùng nhau nói chuyện mà



xây dựng hòa bình. Nhưng tôi đã chờ mà người ta không chịu đến. Kẻ lẩn tránh là kẻ chịu trách nhiệm ».

Tôi liền đáp : “ Theo như chúng tôi nhận định thì trong bài diễn văn ở Hà - đông, Cao-ủy đã nói giữa thình không và đã mời tất cả mọi người, mọi gia - đình tinh - thần (les familles spirituelles) nghĩa là cả những người đối chiến với ông và cả những người cộng-tác với ông. Tôi thiết nghĩ khi ngài muốn đãi tiệc thì ít nhất ngài cũng phải gửi thiệp mời người ta tới dự. Nhưng thiệp mời ngài lại không đề tên, không đề địa chỉ hỏi người biết tự trọng ai mà vác mặt tới ăn tiệc với ngài ”.

Chúng tôi nhìn nhận Cao-ủy Bollaert là con người lịch thiệp, phong nhã, không vì những lời đối đáp của chúng tôi mà để mất lễ độ. Ông vẫn ôn tồn nói hết chuyện này qua chuyện khác để giữ cho không khí được thân mật hòa vui cho tới khi chúng tôi đứng dậy xin kiếu về. Cố nhiên ông đã hiểu biết chúng tôi rõ ràng thêm chút nữa. Chắc hẳn là sự hiểu biết thêm đó

không làm cho ông hài lòng nhưng cũng làm cho ông phải kiêng nể một phần nào bọn xã-hội chúng tôi.



Sau cuộc tiếp xúc đó hàng ngũ xã-hội thêm đông đảo hơn. Đồng-chí Việt Nam vững lòng đến họp, các chi bộ ghi thêm được nhiều đảng viên mới.

Đồng chí Pháp cũng lần lần thấy một ngày một đông. Những nhân vật quan trọng, những công chức cao cấp trước đây ít khi có mặt trong những buổi nhóm họp nay lần lần thấy sốt sắng với đảng hơn xưa.

Chúng tôi đặc biệt lưu ý tới ba người : 1<sup>o</sup>) Giáo sư Khérian, niên trưởng trường Cao-đẳng Luật-học.

2<sup>o</sup>) Ông Georges Richard, Tổng Giám-đốc Ngân Khố.

3<sup>o</sup>) Ông Nosmas, quan cai trị Hành-chánh đã từng làm tỉnh-trưởng ở nhiều nơi.

Giáo sư Khérian là một ông cụ già lương thiện, có tư tưởng dân chủ, yêu hòa - bình, ghét chiến tranh nhưng không phải là một chiến sĩ tích cực. Ông quan niệm làm chánh trị là phải tiếp

xúc thương với những tai to, mặt lớn để có thể hiểu biết họ và thuyết phục họ làm phải. Cố nhiên ông không thích bạo động, không dám hòa mình vào những cuộc tranh đấu quyết liệt, phần do bản tính ôn hòa, phần cũng sợ mất một địa vị khả-quan như địa-vị của ông lúc đó. Nhưng ông là người ngay thật nên có những nhận định đúng đắn và có những cử chỉ đáng kính đáng yêu. Ông đã dạy ở trường Luật lâu năm và đã đào tạo được nhiều học trò hiền đạt. Ông khoe rằng hồi đó ông đã có lần cho Võ - nguyên-Giáp 18 điểm về bài Kinh-Tế-học. Chính đã có lần ông nói với tôi : « Có một số đồng nhà cách mạng Việt-Nam là học trò cũ của tôi. Tôi lấy làm tự hào rằng họ đã qua trường học Pháp mà ra làm cách mạng. Bằng không họ vẫn có thể học ở nước khác và cũng cách mạng như thường. Phải nhìn nhận đó là một may mắn cho Pháp quốc ».

Cũng già như giáo sư Khérian, Georges Richard lại thiếu hẳn sự điềm đạm và sự chơn thành của nhà luật - học nói trên. Cả về thân hình cũng khác. Khérian người hơi thấp và nhỏ con. Còn Georges Richard thì

cao lớn, đầy đà, giống như ông thực-dân bụng bự. Đã từng làm nghị sĩ quốc - hội, ông có tác phong của một chánh khách, có giọng nói oang oang như tranh luận ở nghị trường, có những mánh lối vận-động ngầm lợi hại nhưng cũng có những cử chỉ khôn khéo, những thái-độ lịch thiệp. Xuyên qua nhiều cuộc phát-biểu ý-kiến chúng tôi có cảm tưởng rằng ông gần gũi với Cao-ủy-phủ nhiều hơn là gần gũi với chúng tôi. Ông sờ-đĩ hay lui tới hội họp là cốt ý muốn tìm hiểu chúng tôi và lôi kéo chúng tôi về với quan điểm của ông.

Còn Nosmas thì còn trẻ hơn Georges Richard nhiều. Anh ta coi bộ thân thiết với Georges Richard. Anh tỏ ra thông thạo về những tin tức của giới chánh quyền và sẵn sàng giúp đỡ chúng tôi trong những khi chúng tôi cần tới sự giúp đỡ của « nhà nước ». Anh có một cái đầu bự, một khuôn mặt tròn, có những cử chỉ khéo léo, có những lời nói ngọt ngào nhưng nhiều khi thiếu thành thật. Anh còn có một bà vợ dài-các và kiêu-cách không chỗ chê.

Sự có mặt của hai « đồng chí » Nosmas và Georges Richard làm cho chánh sách có mặt của chúng tôi còn nhiều hồi gay cấn.

(Còn nữa)

# NGUỒN GỐC

## KỶ ÂM - PHÁP

### \* NGUYÊN CHU

**N** GÀY nay, một người biết sử dụng một thứ nhạc khí nào cũng có thể căn cứ vào các « nốt » và các dấu ghi trong một bản nhạc mà trình bày bản nhạc đó một cách dễ dàng.

Mỗi bản nhạc sẽ tùy theo các dấu và các « nốt » mà có sắc thái riêng biệt hoặc nhanh nhẹn hùng mạnh, hoặc du dương, êm dịu buồn buồn...

Sở dĩ người ta có thể trình bày một bản nhạc là nhờ sự am hiểu rõ ràng về kỷ âm pháp.

Vậy kỷ-âm-pháp là gì ? và nguồn gốc từ đâu ?

Kỷ âm pháp là phương pháp biểu diễn các âm thanh bằng các « nốt » nhạc và ghi lại sự cách

quãng giữa những « đoạn » nhạc bằng các dấu.

Chúng ta không ai là có thể phủ nhận được tính cách tiện lợi và tính cách dẫn dụ của ký-âm-pháp nhưng ký-âm-pháp từ xưa đã biến đổi biết bao lần để ngày nay trở nên hoàn toàn và được thông dụng khắp thế giới...

Sau đây, chúng ta thử tìm nguyên nhân và những khó khăn cùng các biến đổi của ký-âm-pháp

Từ thượng cổ, người ta đã mất một thời gian khá lâu để tra cứu cho lối ghi âm trong âm nhạc. Trong nhạc bộ La-mã (gréco-Romaine) người ta cũng đã dùng một lối ghi âm nhưng chỉ có tính cách tạm bợ và không đạt được kết quả mong muốn. Và đầu tiên trong các giáo-

## NGUỒN GỐC KỶ ÂM PHÁP

đường Hi-lạp, La-mã, người ta chỉ có cách lưu âm bằng lối truyền khẩu mà thôi. Nhưng dần dần số bài hát càng ngày càng nhiều và càng phức tạp cho nên người ta phải cố tìm cách đặt ra các dấu (signes) để ghi lấy âm thanh như các mẫu tự :

*A, B, C, F, E, D...*

Mãi tới thế kỷ thứ 6, người ta lại dùng các dấu : ♯, ♭, ^ để ghi kèm với các chữ cái :

Thí dụ :

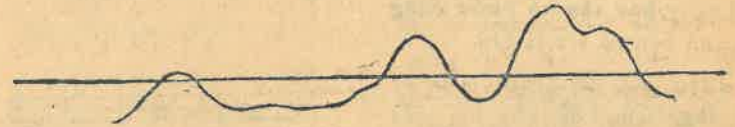
*A có nghĩa là âm cao*

*A có nghĩa là âm trung độ (vừa)*

*A có nghĩa là âm thấp.*

Và người Hy-Lạp đã dùng những dấu hiện nay đem đặt ở trên hay ở dưới những lời ca của bài hát. Nhưng dù sao những ký hiệu ấy vẫn không giúp cho người ta phân biệt được rõ ràng về cao độ giữa các âm thanh khác nhau.

Tới thế kỷ thứ X, kỷ âm pháp đã tiến bộ hơn. Người ta đã biết dùng một đường thẳng nằm ngang (ligne horizontale) làm chuẩn để phân biệt các âm cao thấp...



Chính đường thẳng nằm ngang này là nguồn gốc của các khuôn nhạc (portée) và khóa (clé) mà ngày nay chúng ta đang dùng.

Về sau số đường nằm ngang được tăng dần cho thích hợp và tới Thế kỷ XIII, người ta đã dùng tới bốn đường ngang để ghi âm :



Song người ta vẫn không có thể xướng âm do lối ghi âm trên.

Cho tới cuối thế kỷ này, nhờ có một vị linh mục người Ý tên

là Guy d'Arezzo đặt ra bảy âm trong thang nhạc (Echelle musicale) và mượn những vần điệu của các câu thơ trong bài ca của

thánh Jean Baptiste để gọi tên cho bảy âm ấy :

« *Ut queant laxis  
Resonare fibris  
Mira gestorum  
Famuli tuorum  
Solve polluti  
Labi reatum  
Sancta Johannes* »

vậy bảy âm đó có tên là : Ut, Re, Mi, Fa, Sol, La, Sa.

Tới thế kỷ thứ XVI, âm Sa của chữ Sancta mới được đổi ra âm Si thích hợp hơn, còn âm Ut ngày nay vẫn có nước dùng và nó còn có tên là Do.

Trong lối dùng các mẫu tự (Alphabétique) để ghi âm của người Hi-Lạp, chữ B được dùng để chỉ âm Si, lúc ghi âm người ta đặt cạnh chữ B một ô vuông

nhỏ : **B** gọi là B ô vuông (B carré). Sự kiện này là nguồn gốc của ký hiệu bé carré (**b**) mà hiện nay chúng ta đang dùng vậy.

Khi muốn hạ thấp « nốt » B (si) xuống một nửa cung thì người ta để cạnh chữ B một

vòng tròn nhỏ :

B<sup>o</sup> gọi là B mol mà ngày nay

trở thành ký hiệu bé mol **b** :

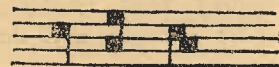
của chúng ta.

Đến thế kỷ XVII, khi khuông nhạc có năm dòng kẻ được công nhận là kiện toàn thì các dấu được đổi thành các chấm rồi thành các dấu vuông

và sau lại thành dấu hình trám (losangée)



các dấu chấm



các dấu vuông



các dấu hình trám

Tuy nhiên trị giá của các « nốt » vẫn chưa được định rõ (thời đó

người ta cho việc định giá trị các « nốt » là thừa vì trong các bản ca (plain chant) thời ấy âm nào cũng có giá trị như nhau (mêm: valeur).

Nhưng sau này, trong âm nhạc

tạp âm (poliphonique) đòi hỏi sự định rõ giá trị các « nốt » nên người ta đã nghĩ ra các hình « nốt » (Figures des notes) và các dấu (signes) như :

Trường âm (longue):



Đoản âm (brève) :



Bán đoản âm (semi-brève) :



nay là :



Tiểu âm (minime) :



nay là :



Bán tiểu âm (semi-minime) :

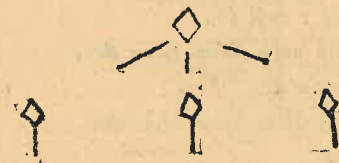


nay là :



Tỷ lệ so sánh giữa các « nốt » thời ấy được chia ra như sau :

Semi brève



Minime Minime Minime

Vậy một semi brève = 3 minimes.

Còn âm tiết hoàn toàn (rythme parfait) được biểu diễn bằng một hình tròn (O). Rồi về sau người ta không chia theo tỷ lệ một semi brève gấp 3 lần minime nữa mà chia ra làm hai và

âm tiết được biểu diễn bằng một nửa vòng tròn (C). (Nửa vòng tròn (C) này là nguồn gốc của ký hiệu nhịp  $\frac{1}{4}$  mà ta dùng ngày nay).

Sau cùng, « vạch nhịp » barre de mesure) bắt đầu xuất hiện trên khuôn nhạc vào đầu thế kỷ 18.

Nói tóm lại, phần lớn ký hiệu mà chúng ta đang dùng ngày nay là kết quả của bao khó khăn, bao biến đổi của nền âm nhạc về phương diện ghi âm. Những biến đổi này đã làm cho phương pháp ký âm ngày càng trở nên hoàn hảo và trở thành « từ ngữ âm nhạc » được cả thế giới thông dụng.

# TRỞ GIÓ

Bóng chiều thoi-thóp  
Mờ ánh tà-dương  
Nhờn-nhờ sóng gợn xuôi giòng  
Cầu chiều nhạt bóng theo lòng nhạt phạt  
Đau-buồn nặng kiếp là ai ?  
Hồn đơn mải để duyên đời dở-dang..

Buổi ấy !  
Gặp nàng...  
Chưa trao duyên đã :  
Nặng lòng yêu-đương.  
Mùa Trăng chưa hiện xuống vườn  
Mà duyên-tình sớm trở đường ly-tan  
Sầu-u giăng giắt núi Tàn  
Ngần-ngor mây trắng, trắng ngần nữa sao ?  
Đêm nay !  
Gió về... Trở gió...  
Nghẹn-ngào Tuổi Xuân  
Xót-xa lại nữa : một lần  
Hồn ngo-ngác nhỏ máu thắm từng đêm  
Bóng đen rờn-rợn qua thềm  
Đắng cay muôn vị diễm thêm khò sầu...  
Nơi đây !  
Gió nổi : bão-bùng  
Duyên-tình lỡ-dỡ  
Lạnh-lùng ghi lại thêm lần nữa...  
Đề mặc cho hồn những xót-thương  
Sóng Tương-tư : nổi sóng Tương  
Đò khuya khuất bóng Tầm-dương ủ-sầu.

— Kia Em..  
Lắng nghe tròng gió,  
Vẳng tiếng kêu than :  
Là muôn cung điệu phủ-phàng  
Phù-du một kiếp bê-bàng không em ?!

LÊ-NGỌC-LÂM  
(Nam-Đô 1960)



# Mưa đêm

Mưa bụi giăng mờ  
Hồn lên ý thơ  
Gục đầu suy tưởng  
Đắm trong giấc mơ :  
Quá khứ, hiện tại  
Đàn lên tiếng tơ  
Nhạc sầu ray-rút  
Manh áo đơn-sơ  
Hình hài chưa vẹn  
Mấy thuở còn thơ  
Lòng vương mây trắng  
Lâng lâng hát ca  
Bàn tay nhỏ nhỏ  
Đôi nét i, tờ  
Chữ đây viễn xứ  
Gác trọ bơ vơ  
Đường đời đơn lẻ  
Buồn ơi ! Đêm mưa...



ÁI-GIANG (Saigon)

# D'ANNUNZIO

NHÀ THI-HÀO Ý (1863 — 1938)



## GABRIELE D'ANNUNZIO

Đại Thi-hào, Văn-hào, Kịch-gia, Phi-công, Tác-giả trên 50 tác-phẩm lừng-danh quốc-tế :  
NOTTURNO — LEDA SENZA CIGNO —  
LICENZA — LAUDI — IN MEMORIAM, v.v...

Tiếp tục « Những cuộc tình duyên lý kỳ của các Văn nghệ - sĩ Thế - giới », mục này thuật lại cả đời sống, tình-duyên, và sự-nghiệp của các bậc đại danh nhân quốc tế xưa và nay, trên tất cả các địa hạt sinh hoạt của nhân-loại : chính-trị, văn-chương, khoa-học, triết-học, xã-hội, v.v... những người đàn ông hay đàn bà, đã có những thành tích vẻ vang, góp công xây dựng Thế-giới văn-minh tốt đẹp ngày nay.

★ TÂN-PHONG

## 1.- D'ANNUNZIO

● Tập thơ đầu  
hồi 17 tuổi :

IN MEMORIAM ●

**N** NGÀY 12 tháng 3, năm 1863, tại Pescara, một Thị-trấn lớn ở miền Trung-phần nước Italia (1), trên bờ biển Adriatique, một « chú bé hồng-hào » oe-oe ra đời. Đó là đứa con trai đầu lòng của bà Donna Luisa de Benedictis và ông Francesco Paolo d'Annunzio. Mừng quá, ông lấy tên của Vị Thiên-thần Gabriel đặt cho quý-tử : GABRIELE D'ANNUNZIO.

Ông bố có vài ba chiếc tàu chở

khách chạy qua lại Pescara với bên kia bờ biển, hoàn toàn không biết gì về văn chương cả. Người mập mạp, tính nóng nảy, ưa diện, trên cravate lúc nào cũng đính một chiếc ghim vàng tạc hình con chó có hai con mắt ngọc-huyền đen nhánh, và giầy đồng hồ cũng bằng vàng luôn luôn đeo một hột xoàn to tướng,

Ông chỉ lo làm giàu, nhưng không giàu lắm, và để cho đứa con trai độc nhất của ông tự do muốn làm gì thì làm. Tuy ông không thiết gì đến văn-chương nghệ thuật, nhưng khi ông thấy đứa con trai còn trẻ nít mà đã tập tễnh làm thơ mơ mộng, ông mặc

(1) Người ta thường phiên-âm là Ý-đại-lợi, gọi tắt là nước Ý.

kệ. Ông không rầy la con, cũng không khuyến-kích con. Ông cứ để nó lớn lên như một bụi hoa, theo số kiếp tự-nhiên, tiền-định của nó.

Gabriele d'Annunzio được bố mẹ cưng, cũng không nhõng-nheo như các đứa trẻ khác. Trí óc thông minh lạ thường, và rất ham mê sách vở, cậu bé đã đòi đi học ngay từ hồi 4 tuổi. Lúc bấy giờ ở Pescara có hai chị em một gia đình sĩ-quan, đã lớn tuổi mà không có chồng, tên là cô Ermenegilda và cô Adele del Gado mở một lớp mẫu giáo dạy con nít. Cậu bé Gabriele d'Annunzio đến đây tập đọc và tập viết. Bốn tuổi, chưa biết cầm bút, cô giáo phải lấy giấy nhợ cột cây bút chì vào ngón tay của cậu.

Cậu thuộc hết văn rồi, và đã viết được chính tả, ông bố mời thầy dạy tư đến nhà dạy cho con trai cưng học.

Mười một tuổi, Gabriele thi đỗ vào trường Trung học Cicognini. Xét lại học bạ của cậu thời bấy giờ, thì cậu học sinh Gabriele d'Annunzio chẳng phải là cậu học trò giỏi nhất trong lớp, nhưng tất cả các giáo sư đều chứng nhận là cậu học trò lanh

lợi nhất, và « nghịch ngợm nhất trên thế giới » ! Nhiều sử sách còn kể lại những giai thoại rất buồn cười về Gabriele d'Annunzio lúc còn học trường Trung-học Cicognini, từ 11 tuổi đến 14 tuổi : nào là đã biết làm thơ chọc gáy, làm cả thơ bằng Pháp văn (Gabriele giỏi Pháp-văn lắm) để tặng một cô nữ sinh Pháp gặp ngoài bãi biển, đọc thuộc lòng cả mấy bài kinh bằng tiếng Hy-Lạp trong nhà thờ Thiên chúa và các tín đồ, một buổi lễ sáng chủ-nhật, nào là tính xài tiền như nước, ưa diện áo quần đẹp để đi chơi với các cô nữ-sinh, và làm thơ lu-bù để tặng tình-nhân lu bù !..

Cả trường, từ Hiệu-trưởng, giáo-sư đến học sinh, ai cũng ngán cậu Gabriele d'Annunzio, vì thực ra ai cũng biết rằng tuy mới 13, 14 tuổi nhưng chàng Thi-sĩ tí hon không phải làm thơ con-cóc đâu nhé ! Không phải những bài thơ non nớt, ngây ngô, yêu - đương vớ vẩn. Gabriele d'Annunzio quả thật là một thiên tài lỗi lạc, chớm nở quá sớm. Thiên tài của d'Annunzio không phải « chỉ là một kiêu-nhẫn lâu

đài » (1) mà là một sản phẩm của Thiên nhiên, một bản chất thông - minh quán - chúng được nảy nở và khai thác liên miên giữa những tầm thường thấp kém,

16 tuổi, Gabriele D'Annunzio đã viết một tập thơ trữ tình rất thú vị, nhan đề *Primo Vere*. Chép xong, cậu đưa cho ông bố coi. Ông bố không coi, chỉ ngó sơ qua rồi hỏi :

— Con muốn in cái đó hả ?

— Dạ, Ba cho con tiền để con in nhé ?

— Ừ.

Không dè, tập thơ vừa xuất bản, được một nhà thơ danh tiếng là Gigseppe Chiarini viết bài khen ngợi trong báo *Fanfulla della Domenica*. Thế là Gabriele D'annunzio tiếp tục xin tiền cha, xuất bản mấy quyển thơ hoa niên được các giới trí thức và Văn-học đặc biệt chú ý :

17 tuổi : quyển *Canto Novo*

18 tuổi : quyển *Isotteo* và *Intermezzo*

20 tuổi : quyển *Chimera*

24 tuổi : quyển *Elegie romane*

28 tuổi : quyển *Poema paradisiaco*, và *Odi navali*

Những bài trong mấy quyển thơ trên, như *Passeggiata*, *le Mani*,

*Consolazione*, đã chứng tỏ một cá tính mãnh liệt, rất phong phú với một hồn thơ rào rạt, một giọng thơ khoáng trá mà ly, vừa tế nhị, vừa cao-siêu, thâm-trầm, thăm-thía.

Người ta đã đặt tên cho cậu học sinh thi-sĩ của trường Trung-học Cicognini là *Poetino* (Nhà Thơ trai trẻ). Người ta đã đặt tiệc long trọng để thiết đãi cậu hồi cậu 17 tuổi xuất-bản tập thơ *Canto Novo*, (1880). Thi xong, Gabriele d'Annunzio từ giả mái trường, đi du lịch đến thành phố Florence, rồi lên Thủ đô Roma. Tiếng tăm của nhà Thơ trẻ tuổi đã lẫy lừng trong nước. Ai đã đọc thơ của Gabriele d'Annunzio hồi tuổi hoa niên, nhất là quyển *Canto Nova*, (Bài ca mới) *Chimera* (ảo-vọng), và *Poema Paradisiaco* (Bài Thơ Thiên - đường), cũng phải nhìn nhận rằng tuy mới 17, 18 tuổi, nhưng d'Annunzio đã có trí óc tưởng tượng rất phong phú dồi-dào, giọng thơ huyền-bí, êm đềm, ảnh hưởng của hai nhà Đại Thi hào Ý, VIRGILE (71-19 trước J.C.) và DANTE

(1) Buffon : *Le génie n'est qu'une longue patience.*

(1265-1321).

Mái tóc quăn rất đẹp đẽ của d'Annunzio, chải Brillantine láng bóng không biết sao tự nhiên bị rụng lần lần, rồi thành ra sỏi đầu giống như Hoàng-đế Caesar, lúc nhà Thơ mới 24 tuổi!

Ấy vậy mà vô số đàn bà con gái yêu mê chàng Thi-sĩ. Ngay hồi còn 20 tuổi, tập thơ *Chimera* vừa ra đời được ít lâu thì chàng nhận được bức thư của một thiếu nữ đẹp nhất của nước Italia, là nữ Quận chúa Donna Maria Hardouin, mới 16 tuổi. Cô em mê thơ của chàng, muốn gặp chàng Thi-sĩ. Nhà Thơ trông thấy nữ quận chúa, liền mê sắc đẹp của nàng, và nửa đêm lên đến nhà nàng, bắt cóc dẫn đi.

Một vị công tôn cũng say mê nữ quận chúa Maria Hardouin, bèn đi tìm kiếm khắp vùng đề

quyết dành lại người yêu. Khi gặp đôi uyên ương trong một ngôi nhà bỏ hoang, người tình nhân bị thất vọng kia lại bị chàng Thi-sĩ 20 tuổi thách đấu kiếm. Cuộc đấu kiếm xảy ra với sự hiện diện của mỹ-nhân, nhưng nàng cứ lo sợ người yêu mảnh-khảnh của mình, thân thư sinh yếu ớt làm sao chống cự lại với chàng công tử mạnh-mẽ và vũ-phu kia! Không ngờ Gabriele d'Annunzio chiến thắng. Công-tử bị thua, xấu hổ, nhảy lên lưng ngựa, biến mất. Nữ Quận chúa Maria Hardouin liền tuyên bố chính thức thành hôn với nhà Thơ Gabriele d'Annunzio, cuối tháng 7 năm 1883. Chàng 20 tuổi, nàng 16 tuổi.

(Kỳ sau tiếp)

T.P.

★ LẠC QUAN

- Buôn bán khá không, anh?
- Khá. Cả ngày hôm nay không có một người khách hàng nào.
- Thế mà khá cái gì?
- Tiệm trước cửa, hai ngày mà không có một người nào bước chun vô, thì tương-đối mình chẳng khá hơn sao?

họa sĩ

PABLO

PICASSO

**C**ÁI mộng to tát nhất của đa số những người trên cõi thế là làm sao cho có tiền thật nhiều, thật mau, mà không phải tốn mồ hôi nước mắt. Do đó sinh ra cảnh hối lộ, chợ đen, giết người cướp của, cờ bạc, trộm cắp, v.v... Nhưng, nào nề thay có nhiều khi kết quả lại đem đến cho họ nhiều bài học quá đắt giá. Bởi thế, nhiều người đã tìm cách đi chinh phục tài-sân bằng lối khác: Trí tưởng tượng. Dùng trí tưởng tượng để



★ TRỌNG-TÁU

đi tìm tiền (thật nhiều), chẳng may có lạc hướng, cũng không đến nỗi nguy hiểm gì cho lắm, (trường hợp của một thi-sĩ, một nhà phát minh chẳng hạn).

Những người đã thành công theo hướng này ta nên kể Cagliostro (một lang-bấm danh tiếng người Ý, tín đồ của thần-bí-học) và họa sĩ Picasso.

★

**P**ABLO Picasso sinh ngày 25 tháng 10 năm 1881 tại Malaga (Espagne). Cha ông, tên Ruiz

Blasco, là người miền Sơn-cước (xứ Basque). Ông này làm nghề dệt về đề sinh sống. Thật ra thì Picasso không bị bắt buộc phải học nghề của cha, nhưng cậu bé ấy vẫn chịu ảnh-hưởng về nghề-nghiệp của thân phụ. Năm 12 tuổi Pablo đã bắt đầu họa. 14 tuổi cậu vào học trường mỹ-thuật ở Barcelone. (Espagne) Năm 1900 là năm Pablo 19 tuổi, chàng từ giã xứ sở để đi Paris. Tại kinh thành ánh sáng, chàng đã làm cho các đồng hương của mình là hai danh họa Suner và Canale chú ý.

Picasso chọn đời Montmartre làm nơi cư trú. Phần đông, các nghệ sĩ từ Espagne tới đất Pháp (khoảng 1900 và 1914) đều đến ở nơi nói trên. Từ Creixams, kể cả Manolo, Paco Durio, Mannel de Falla, Juan Gris, José Sentis, Palmeiro (trừ họa sĩ Zuloaga, có vẻ để thờ hơn nên không thêm ở đó) cho đến ngay cả các văn nghệ-sĩ Pháp như : Renoir, Mac Orlan, Conté Carco, Dorgelès, Derain, Vlaminck, Drouard, Max Jacob, Asselin, Daragnès, các nhà văn-nghệ ngoại quốc như : Modigliani, Appollinaire, Wasley, Van Dongen v.v... đều ưa chọn

cuộc sống tại Montmartre, chẳng phải vì ưa thơ mộng mà vì muốn cho rẻ hơn ở Paris. Thuở đó (1900) Montmartre được sát nhập vào thành phố Paris mới có 40 năm. Những gia đình sang trọng đều khinh bỉ ngọn đời ấy. Họ cho rằng nơi đây chỉ đáng để cho bọn ngông cuồng đường Lepic, bọn gái bao, bọn "moi thùng rác" và bọn "du côn du kê" (danh từ thừa đó) ở. Bởi vậy các nhà cho thuê tại Montmartre phần nhiều đều trống trơn. Mỗi khi có khách đến thuê, ông chủ đã vội xoa tay khoái trá như người vớ được của. Không cần biết người thuê nhà có trả tiền trước hay không, chủ nhà vẫn mời mọc đến ở một cách nồng nhiệt. Picasso với chiếc khăn gói quả mướp, đến xứ người không đem theo "1 đồng 1 chữ". Chàng nghèo ảm. Tại Montmartre chàng vẫn cứ tiếp tục nghèo. Cũng nhờ cuộc sống nơi đây không đắt đỏ gì (một con cá mòi nướng giá 1 xu, mà với con cá ấy ta có thể sống trong 1 ngày rồi) nên cũng không đáng lo. Và lại đối với Picasso thì nhịn ăn 24 tiếng đồng hồ không khó chịu gì cho lắm. Chàng uống nước lã cũng đủ rồi. Tại đây, Picasso vẫn theo nét của danh họa Raphaël, người mà chàng tôn là

bậc thầy. Ngoài ra trong nét họa của chàng, người ta còn nhận thấy có nhiều nét tinh vi khiến ta liên tưởng đến danh họa Ingres thừa thiếu thời. Chàng có một hoa tay lạ lùng nên bắt chước được tất cả mọi nét của người khác. Cho nên, đi từ Raphaël, chàng đã quay qua bắt chước Steinlein. Như họa-sĩ này, Picasso cũng vẽ những cảnh phố phường, các thiếu nữ, những người lao động, mấy trà thất, những dạ hội khiêu vũ công cộng, v.v... Chàng vẽ thật nhanh, trung bình 10 bức họa trong 1 ngày. Căn cứ theo đó, người ta thấy rằng Picasso muốn nhìn thấy tất cả, và diễn tả cũng... tất cả. Những bức họa của chàng trong thời ấy là : Toledo (thành phố ở U.S.A.), Iris (xứ già Thiên Thần), Người Mẹ, Morphinomane, Cây Khô Ngải, Nhà xay « Moulin-Rouge », Cô Nàng Nghiện Rượu, Buổi Chiều, Công Viên, Đại lộ Clichy, Người Đầu Bò, Nhà Thờ Espagne, Bến nước, Hội Chợ, Don Tancredo, v.v... Nhưng rồi Picasso cũng bỏ nét Steinlein để theo Toulouse-Lautrec và, chỉ vài tuần lễ sau chàng lại hướng sang Puvis de Chavannes.

Vlaminck kể lại một truyện như sau :

« Vào một buổi chiều năm 1905, khi tôi tới giải lao tại một quán rượu ở Argenteuil, tôi bỗng trông thấy trên kệ dựng rượu có bày ba bức tượng nhỏ chạm trở theo lối điêu khắc của người da đen, tôi bèn nghĩ rằng, có lẽ nền mỹ-thuật da đen sẽ có nhiều quyền lực thu hút, nên tôi đã mua 3 bức tượng. Từ đó tôi bắt đầu chú trọng đến ngành mỹ thuật này ».

« Chính cách đó không lâu, một người bạn của cha tôi cũng đã tặng tôi một bức tượng giống như vậy. Vợ tôi đã tính vứt vào sọt rác, nhưng tôi đem treo ở đầu giường. Derain tới chơi, thấy lạ quá, hỏi mua với giá 20 quan, tôi không bán. Tám ngày sau, anh lại tới, trả 50 quan. Ngày hôm đó, tôi cạn túi nên nhận bán. Derain đem bức tượng về treo tại xưởng vẽ ở Toularque. Khi Picasso và Matisse tới chơi nhà Derain, họ bèn nảy ra ý nghĩ thay đổi hướng vẽ. Thế là từ đó bắt đầu một cuộc « săn bắt mỹ thuật da đen ».

Picasso đang chịu ảnh hưởng



rất sâu đậm Cézanne, bây giờ là kẻ đầu tiên biết lợi dụng đem lối mỹ thuật điêu khắc của thổ dân Châu Phi và cái đảo ở Océanie áp dụng vào ngành hội họa. Ông kéo dài các hình ra, sắp đặt lại theo ý mình. Về màu sắc ông cũng bắt chước người da đen : hoàng thổ pha đỏ, pha vàng, màu đen. Họa-sĩ đã nhờ đó, xác định được một phong trào mới mẻ trong nét họa mà nhiều người tưởng chính ông là con người cách mạng: *Phát lập thể*.

Theo Vlaminck thì Picasso là người đẻ ra *Phát lập thể*. Guillaume Apollinaire là cô mụ, Princet là cha nuôi, còn những kẻ phụ tá là : Derain, Max Jacob, Braque, Juan Gris và chính ông (Vlaminck) nữa.

Picasso bắt đầu đỡ khờ. Những bức họa của ông bán được từ 5 quan, lần lần lên tới 20 quan, 50 rồi đến 100. Tranh phong cảnh kiểu lập thể của ông ra đời từ năm 1909.

Muốn sống được, năm 1926, Picasso hoàn toàn bỏ hẳn lối vẽ thực thể. Ông đã có nhiều uy tín để thành công về lối vẽ riêng của mình. Năm 1920 bức họa Modigliani chỉ có 6.000 quan, đã lên

tới giá 300.000 quan vào năm 1926. «Utrillo trèo» cũng là 1 bức họa đắt giá. Mỹ-quốc, muốn mau mau chưng dọn cho đầy viện bảo tàng của họ, đã gửi mua những bức họa mà họ không hiểu gì cả.

Picasso trở nên giàu có. Năm 1927 ông đã có 77 triệu quan gửi ở ngân hàng BNCI. Ông mua bất động sản xung quanh Paris. Ông làm việc trong nhiều xưởng vẽ khác nhau để đánh lạc hướng những kẻ quấy rối

Một buổi chiều nọ, trước năm 1914, Robert Rey, Apollinaire và Marie Laurencin, cùng tản bộ trên bờ sông. Apollinaire vừa được Picasso vẽ cho 1 tấm chân dung lập thể. Ông này nói : «chân dung đó giống tôi không thể tả được. Ông có thấy cái nhẵn óng ánh vàng ở chỗ nào trong bức tranh không? Tôi phải la lên mà bảo rằng đây là tôi, là tôi, tôi tất cả». Robert Rey nghĩ thầm : « Không biết lúc này Apollinaire có thành thực không? ». Dĩ nhiên những kẻ đã từng biết Apollinaire đều cho là không. Picasso và Apollinaire cùng một ý nghĩ như nhau cả.

Có rất nhiều truyện về Picasso và tranh của ông. Sau đây là 2

truyện điển hình :

« Một hôm Matisse đến chơi tại xưởng vẽ của Picasso và Braque. Picasso đưa ra 1 bức tranh và hỏi xem ông bạn có hiểu gì không? Matisse lắc đầu. Picasso đi kiếm 1 cái râu và gắn vào bức tranh. Tức thời, Matisse thấy rõ mắt, mũi, cờ-ra-vát, v.v... Câu truyện không nói rõ là khi bán tranh, Picasso có giao luôn bộ râu không? »

Một lần khác, Vlaminck kể rằng có một người chơi tranh đến gặp Picasso để giới thiệu với ông này 1 họa sĩ mà người đó vừa khám ra được. Người giới thiệu hỏi xem Picasso có thấy ở « mồm non » cái gì không? »

Picasso trả lời :

— Có chứ ! Tôi thấy 1 bức tranh nhan đề là : « Cuộc đấu bò ». Nhưng tranh không có bò mà chỉ có toàn vòng tròn, gạch thẳng, chấm và hình vuông. Bởi vậy, không ai hiểu gì cả. »

Sau khi Paris được giải phóng, Picasso gia nhập phe Cộng Sản. Cuộc triển lãm đầu tiên của ông tại New York được Machel Cachin và Maurice Thorez viếng thăm. Các báo đăng hình 2 nhà lãnh tụ này với những nụ cười

khoái trá trước các bức tranh bí hiểm nhất của họa sĩ. Năm 1947, Mouscou đã cho ông ta ra rìa để liệt ông vào hạng các họa sĩ hèn yếu, suy đồi và hình thức xưa.

Có lẽ Picasso, con người sẵn có óc khôi hài cũng phải cười thầm khi đọc đến những bài báo viết về trong dịp ông « tái cải tiến » (1926) các họa phẩm của mình để gây thành một phong trào ăn khách sau này. Muốn hiểu, ta hãy lùi lại và suy ngẫm câu châm ngôn sau đây của thời đó : « Nó xấu là vì nó tốt ; nó tốt là vì nó xấu ».

Một phân vuông của bức tranh có chữ ký Picasso, bất cứ vẽ trên giấy nào, cũng còn đắt hơn bất cứ tấm giấy bạc nào lớn nhất trên thế-giới.

Hiện nay có hai tỷ-phú họa-sĩ kiểu Picasso trên trái đất.

Kỳ sau : « Mọi thùng rác có trở thành tỷ phú không? »

TRỌNG-TÁU



(Tiếp theo P.T. số 45)

★ NGUYỄN-VỸ

TÔI đã đề-cập đến các nhà văn Việt-Nam ở Hà-nội chuyên viết Pháp-văn.

Để cho bản danh-sách được đầy đủ, riêng về Bắc và Trung-Việt, tôi muốn nhắc đến một nhà văn khác, ở Nha Trang, là CUNG-GIỰ-NGUYỄN. Hồi Tiên-chiến, ông đã chủ trương một tạp-san Văn-nghệ bằng Pháp-văn ở Nha Trang, nhan

đề là «*Les Cahiers de la Jeunesse*», hay một tên khác na-ná như thế. Ông hợp tác với RAOUL SE-RÈNE, một văn-sĩ Pháp cùng lứa với ông, lúc bấy giờ là Giám-độc Hải-học-viện Nha-Trang. Cung-giự-Nguyên là một nhà Văn có chân tài, và khiêm-tốn. Cách đây bốn năm, tôi có nhận được một tác phẩm của ông gửi tặng, quyển tiểu thuyết

bằng Pháp-văn *Le fils de la Baleine*, do nhà sách Arthème Fayard ở Paris xuất bản.

Pháp văn của ông rất thanh thoát, và gọn gàng. Ông có một nét bút linh-động uyển-chuyển, vô cùng hấp dẫn. Ông kể chuyện duyên dáng về đời sống chất-phác, dịu-hiền, rất đáng mến của một gia đình thuyền chài ở một làng duyên-hải Trun-giữ Việt-Nam. Tôi chắc rằng độc giả Pháp đã thưởng thức lối văn rất thi vị nhẹ nhàng và thanh thú của truyện *Le fils de la Baleine* (Người con của Cá Ông).

Một quyển truyện như quyển này có một tác phong không phải là không đáng lưu ý: nó khiến cho người ngoại-quốc cảm mến người dân Việt-nam rất nhiều qua những đức tính tốt đẹp của những nhân vật trong truyện.

Tuy nhiên, tôi cũng không khỏi thắc mắc vì sao ông Cung-giự-Nguyên, hiện bây giờ dạy học ở Nha-trang, không sản-xuất những tác phẩm bằng Việt-văn?

Theo rồi những hoạt động văn chương của ông trên lĩnh

vực Pháp văn từ hồi tiền chiến tôi nhận thấy ông là một tài ba lỗi lạc. Chính vì thế mà tôi không hiểu tại sao ông không sử-dụng tài năng đáng quý mến của ông trong lĩnh vực văn chương thuần túy Việt-nam? Chắc chắn ông Cung-giự-Nguyên có những lý do riêng của ông, nhưng dù sao cũng là một việc đáng tiếc rằng một văn tài của quốc-gia đã có những bằng chứng về sự linh-hoạt và lịch duyệt lại tự đặt ra ngoài phần trách-nhiệm trí-thức của mình giữa lúc văn học Việt-nam cần sự đóng góp của những nhà văn lương-thiện có đôi chút sở trường.

Ngoài các nhà văn chân-chính của Pháp văn, tôi muốn thêm vào thiên ký ức này một đôi chi tiết về các nhà báo Việt-Nam thời Tiên chiến cũng chuyên viết Pháp văn, mà tôi đã kể trên, như: ĐINH XUÂN TIẾU, VŨ-ĐÌNH-DY (báo *L'Effort Indochinois*) TIÊU VIÊN NGUYỄN ĐỨC BÌNH, ĐÀO ĐĂNG VỸ, LÊ TÀI TRIỂN, (Báo *La Patrie Annamite*), LÊ-THĂNG (*L'Annam Nouveau*). Về TIÊU VIÊN tôi muốn ghi vào đây một giai-thoại mà các

bạn trẻ mới bước chân vào làng văn có thể dùng làm một bài học kinh nghiệm không kém lý thú.

Hồi tôi còn học năm thứ ba trường Trung-học Bồ-túc Qui-nhơn, lúc bấy giờ gọi là *Collège Complémentaire*, một trong ba trường Trung học Pháp - Việt của Trung-Phần, một hôm bọn học sinh chúng tôi được tin cô trợ-giáo NG. (?) THỊ DU, độ 19, 20 tuổi, dạy trường Nữ-học Quảng-Ngãi, vào chấm thi Tiểu-học ở Qui-nhơn. Bọn học-trò Trung-học, quê-quán Quảng Ngãi, hãnh-diện có một cô trợ-giáo đồng hương, trẻ tuổi, lại rất xinh đẹp, được vào ban Giám-khảo kỳ Thi Tiểu-học tại Collège Qui-nhơn.

Nhưng trái lại, học trò quê các tỉnh khác, nhất là anh em Bình-Định, Quảng Nam và Huế, lại nhạo-báng tụi học trò Quảng Ngãi, vì họ thấy cô trợ Du đi chấm thi ở Qui-nhơn đến ở trọ nhà một ông giáo-sư Việt-văn của chúng tôi, ông giáo sư cũng là người Quảng-Ngãi, cho nên họ đồn rằng cô trợ Du là "nhân-tình nhân-ngãi" của ông Giáo sư đã có vợ.

Dư-luận nhôn-nhao ấy chạm

vào lòng tự-ái địa phương của bọn học trò quê ở Quảng-Ngãi. Chúng tôi càng tìm cách bào-chữa cho cô trợ Du, càng bị mấy anh kia dèm pha chế nhạo. Các lớp Trung-học lại đang thi lục-cá-nguyệt (composition semestrielle), theo thông lệ mỗi niên khóa có hai kỳ thi lục cá nguyệt để sắp hạng các học-sinh được phần thưởng cuối năm và được lên lớp trong niên khóa sau. Không dè, đến giờ thi Việt văn, ông giáo sư Quảng-Ngãi đáng lẽ phải cho một đề tài thi về các tác giả trong chương-trình chính thức, lại bắt học trò làm một luận đề ngoại lệ, về một bài thơ của cô trợ Du làm để tặng ông. Tôi chỉ còn nhớ bốn câu trong bài thơ ấy :

*Riêng mình tựa án, nghĩ rời lo.*  
*Tâm sự nào ai đáng chuyện trò.*  
 . . . . .  
 . . . . .  
*Cù lao chín chữ lưng trời vợi,*  
*Duyên nợ ba sinh đáy biển dò.*  
 . . . . .  
 . . . . . *ruột tơ vò.*

Ông giáo sư bảo chúng tôi giảng nghĩa từng câu, từng chữ, và chỉ bài thơ hay như thế nào, ý tứ cao siêu thâm thúy ở chỗ nào, v.v..

Cả lớp khúc khích cười. Nhưng muốn được nhiều điểm, anh nào cũng khen lấy khen để bài thơ là "hay tuyệt" theo lời ông giáo-sư, và kết luận cho cô Trợ Du là một Đại nữ-sĩ, ngang hàng với bà Huyện Thanh - Quan, cũng theo ý-kiến của ông giáo-sư.

Riêng có hai đứa trong lớp, Phan Quỳnh và tôi, ngồi kề nhau ở bàn cuối cùng, thăm-thì với nhau rằng ông giáo sư đưa bài thơ này ra để làm đề thi, tức là ông làm một việc đề cao cá-nhơn người bạn gái của mình một cách lộ bịch và bất hợp pháp, bêu xấu cho cả quê hương Quảng Ngãi. Chúng tôi nhất định công kích bài thơ để tỏ ý phản đối, và để bảo tồn thanh danh tỉnh nhà. Do đó, hai đứa tôi mạnh dạn đưa nào đưa nấy viết bài đả-đào.

(PHAN - QUỲNH cũng là người Quảng Ngãi, sau học Đại-học Dược-Khoa, rồi làm Bào-chế-sư, mở tiệm thuốc Tây lớn nhất ở Qui Nhơn. Năm 1945, bị Việt Minh giết chết tại Quảng Ngãi). Bài luận đề của tôi gồm mấy điểm : phân tách bài thơ, công kích từng chữ từng câu, rồi kết luận như sau đây :

10) Bài thơ của cô trợ Du hoàn toàn vô giá trị.

20) Câu « tâm sự nào ai đáng chuyện trò » tỏ ra người con gái kiêu ngạo, phách lối.

30) Cô trợ Du không phải là một nữ-sĩ tài hoa, không đáng làm học trò Bà Huyện Thanh Quan.

40) Bài thơ của cô trợ Du không đáng nêu ra làm đề-thi cho lớp Trung-học Đệ-tam-niên.

Vì chúng tôi chỉ còn học một năm đệ Tứ niên nữa, thi đỗ bằng Thành Chung, rồi cũng sẽ ra làm trợ giáo như cô vậy.

Kết quả bài đả kích của tôi, là tôi bị ông giáo-sư cho ăn một hột vịt to tởng. Phan-Quỳnh cũng thế. Và riêng về bài thi Việt-văn năm đệ-tam niên ở trường Trung Học Qui - nhơn, hai đứa tôi bị sắp vào hạng bét.

Tuy vậy, hai bài luận đả kích của chúng tôi và hai cái trứng vịt được ông giáo sư ban thưởng, đã làm đầu đề cho những câu chuyện hài hước vui đùa cho các lớp học sinh và các giáo sư trường Trung-học Qui Nhơn suốt mùa Thi và kỳ nghỉ hè năm ấy.

Đối với bọn học trò quê ở Quảng-Ngãi, tuổi trẻ bằng bột ngay ngo đã thỏa-mãn vì đã rửa được một chút hận con con cho

học-sinh tỉnh nhà. Một câu học-sinh ở lớp đệ nhất niên lại tìm cách ăn cắp được bài luận thi của tôi trong hồ sơ nhà trường, để chép ra mấy bản phổ - biến lên lút trong các lớp.

Nhưng tôi thật không dè việc xảy ra trong lớp học Qui-Nhơn lại có hậu quả khác nữa, mấy năm sau, khi tôi bắt đầu viết văn. Năm 1936 tôi cộng sự với vài tờ báo Việt văn và Pháp văn ở Hà-nội, trong số đó có tờ *La Patrie Annamite* của Phạm Quỳnh và Phạm lệ Bông, mà chủ bút là Tôn thất Bình, con rể của ông Thượng thư họ Phạm. Một hôm tại tòa soạn, Tôn thất-Bình giới thiệu với tôi một bạn đồng nghiệp cùng cộng sự trong tờ báo, biết tên nhau đã lâu nhưng chưa có dịp nào gặp nhau, là Tiêu-Viên NGUYỄN ĐỨC BÌNH. Anh này lúc bấy giờ hình như dạy học ở Thanh Hóa hay Quảng-Bình, Hà tỉnh gì đó, thỉnh thoảng mới ra Hà-nội. Anh chuyên viết Pháp văn, giữ mục « kinh tế » trong báo *La Patrie Annamite*. Tôi phụ-trách mục văn chương và Phụ-nữ. Khi nghe Tôn-thất-Bình giới thiệu tên tôi, Nguyễn-đức-Bình chau mày, tỏ vẻ khó chịu. Anh ta bắt tay tôi một cách rất lạnh nhạt, có vẻ giận dữ, oán ghét, rồi quay lại nói chuyện với Tôn-

thất-Bình, không hề trao đổi với tôi một lời nói xã giao. Tôi rất đỗi ngạc nhiên.

Tôi chỉ gặp anh có mỗi một lần ấy thôi, nhưng sự ngạc-nhiên nan-giải cứ ám-ảnh tôi hoài. Tình cờ một hôm Nguyễn-Tuân cho tôi biết rằng Tiêu-viên NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH chính là chồng cô trợ DU, Quảng-ngãi...!

Theo lời Nguyễn Tuân có quen thân Nguyễn-Đức-Bình, thì cô trợ Du không quên bài luận-văn của cậu học trò ở lớp Đệ-Tam-niên trường Trung-học Qui-Nhơn, và mấy năm sau đó cô lấy chồng, chồng cô cũng hoàn-toàn bình-vực cô mà cho rằng cậu học trò kia là một đứa dốt-nát, ngu-xuẩn, dám công-kích bài thơ tuyệt bút của cô Nữ-sĩ, vợ anh.

Mãi về sau này, tôi không ngạc-nhiên nữa khi có mấy bạn trong làng văn cho tôi biết đích-xác HOÀI-THANH, HOÀI-CHÂN, tức là Nguyễn-đức-Phiên, tác-giả quyển « *Thi-nhân Việt-nam* », là em ruột của Tiêu-viên NGUYỄN-ĐỨC-BÌNH! Thảo nào trong quyển *Thi nhân Việt-Nam*, Hoài Thanh có nói xấu tôi cho được!

Tất cả những chuyện đó ngày nay chỉ còn là một ký-ức, nhắc lại thành câu giai-tọai cho vui mà thôi.

(Còn nữa)

TRUYỆN DÀI NGOẠI  
QUỐC RÚT NGẮN  
BỐN KỲ ĐĂNG HẾT

NGƯỜI  
MẸ

(The Mother of Pearl Buck)



\* HOÀNG-THẮNG lược dịch

(Tiếp theo P.T. 45 và hết)

xii.

T HỈNH thoảng mỗi đêm, đếm đốt ngón tay tính toán từ lúc người chồng ra đi tới giờ đã mười hai năm rồi, người đàn bà không còn trẻ nữa với số tuổi bốn mươi ba. Người bà vẫn mảnh rẻ và bước đi thẳng như trước. Riêng đôi vú đã teo lại, chung quanh mắt đã có vết nhăn, da đen sạm vì

những năm làm việc ngoài ruộng.

Đứa con trai lớn thường khuyên mẹ nó đừng làm việc nặng ngoài cánh đồng nữa, nó chỉ vui vẻ khi thấy người mẹ ngồi khâu vá quần áo dưới bóng cây khi nó đi làm.

Nhưng trái ngược lại, người đàn bà vẫn ưa làm việc đồng áng. Đôi mắt bà đã quen nhìn cảnh đồng rộng bao la, những dãy núi cao, khoảng trời rộng nên khó thu hẹp lại nơi đường kim mũi chỉ.

Người mẹ nhận thấy ở trong nhà thiếu một người đàn bà, với đôi mắt lạnh mạnh, vì đứa con gái thì mù rồi. Cả hai không còn tin tưởng vào sự linh ứng của vị thần linh nữa. Người mẹ cho tại mình làm lỗi nên Trời Phật mới hành phạt đứa con gái, còn cô này lại cho là định mệnh đã an bài mình.

Một bữa người mẹ chợt hỏi con gái : « Con còn thuốc đau mắt lông ngỗng dấy chứ ? ». Cô gái đang ngồi nơi ngưỡng cửa thản nhiên đáp : « Con dùng hết lâu rồi ».

Thấy mẹ hứa mua thêm ống thuốc khác, cô gái chua chát nói : « Ô mẹ, con mù rồi mà. Mẹ không thấy sao, có bao giờ con đi quá cái sân phơi thóc đâu ».

Nhìn con gái khóc, lòng người mẹ quặn đau như cắt. Biết nói chi bây giờ để an ủi nó. Bà lặng lẽ mở ngăn kéo lấy chiếc cồng trao cho con : « Con ạ, mẹ cốt mua cho con thứ này... ». Người mẹ ngưng không dám nói tiếp sợ con gái đau lòng nhưng cô gái, khi cầm món đồ trong tay, cô hiểu ngay sự ích lợi của nó : « Vàng, con cần lắm mẹ ạ ».

Dù bị mù cô gái vẫn vo được gạo thổi cơm, quét sân và nhà, múc nước ở ao, nhờ khứu-giác

nhậy bén cô biết bọn súc vật đứng, nằm ở chỗ nào để mang đồ ăn tới cho chúng.

Nhìn con gái chống gậy chập choạng bước, nơi tay cầm cái cồng, bà mẹ như thấy tim mình rạn vỡ. Bà không hiểu số phận của nó sẽ ra sao khi nó tới tuổi lấy chồng. Bà thường nghĩ tới chuyện đó luôn vì, sau khi bà chết không có ai săn sóc nó cả, ngoài người chồng. Khi bà cho đứa con lớn hay chuyện đó, người con trai vội nói : « Con sẽ săn sóc nó, mẹ cứ an tâm ».

Nhưng bà mẹ lại nghĩ khác, bà muốn có một người săn sóc cho con gái. Bà sẽ tìm một đứa con dâu vừa hầu hạ chồng vừa trông nom cô em chồng nữa. Đứa con trai đã mười chín tuổi, nhưng chưa bao giờ nó tỏ ý muốn lấy vợ hoặc cần người đàn bà. Nó chỉ nghĩ tới công việc, thỉnh thoảng mới ra quán trà uống nước hoặc họa hoàn lằm mới ra tỉnh nhân ngày hội. Không bao giờ bài bạc đi điểm. Người con trai chỉ có một lỗi nhỏ mọn từ thuở bé tới giờ : không bao giờ nhường nhịn người em kế. Đó cũng là một điểm lạ lùng khi người anh lớn đối xử với mọi người thì nhã nhặn, nhún nhường, ngay cả với

súc vật, nhưng lại rất khắt khe với em mỗi khi người em định trốn tránh công việc hoặc lười biếng. Trong nhà luôn luôn đánh lộn, mỗi khi người anh làm lì lao tới, thẳng em vội vã bỏ chạy trốn sang nhà ông chú, vừa khóc vừa la làng và chỉ trở về nhà khi anh nó đã ra đồng làm việc.

Thỉnh thoảng sự tức giận lên tới cực điểm, người anh bỏ về nhà sớm, gặp đứa em đang nô đùa ở nhà, hăm kẹp đầu đứa em dưới cánh tay và đánh vô hồi đến nỗi người mẹ phải chạy tới can ngăn. Vừa dằng con ra bà vừa nói : « Thật là xấu hổ khi anh lại đánh đập em như vậy ». Thăng anh chua chát trả lời : « Con là anh nó, con phải dạy bảo nó vì nó lười biếng quá. Điều đó chắc mẹ cũng rõ chứ ».

Dù vậy người mẹ vẫn thấy thương đứa nhỏ như bà thương con gái. Với đứa lớn bà cảm thấy bà sợ hãi nó thì đúng hơn. Còn đứa con trai út thì chưa biết làm gì cả vì nó hãy còn nhỏ. Cũng vì người mẹ xử sự không khéo nên thằng anh lớn càng ngày càng ghét đứa em của mình.

XIV

SỰ oán hận đứa em càng ngày càng tích lại nơi người anh để rồi một ngày nổi bùng lên như con đê bị tức nước vỡ bờ. Đó là vào vụ gặt hái. Nhà nông nào không có tiền dư dả để mướn thợ gặt, họ phải làm tận lực cả ngày lẫn đêm cho kịp thời gian.

Đứa em thứ cũng phải đi gặt nhưng bản tính nó lười biếng nên nó làm việc rất ư oải. Người mẹ phải phỉnh phờ nó, hứa hẹn sau vụ gặt sẽ mua cho nó một thứ quà mà nó ưa thích. Đứa con hy vọng lời hứa của mẹ cũng chịu khó làm việc, nhưng chính ra, nó sợ bị anh nó đánh thì đúng hơn.

Ngày hôm đó trời mưa rào rích mà lúa thì chưa bó hết. Mọi người phải cố làm cho nhanh dù trời đã xâm xâm tối. Người mẹ vì mệt mỏi nên về trước. Nhưng bà chưa kịp hâm lại thức ăn cho nóng thì đứa con gái cho hay nó nghe thấy tiếng la của anh nó. Người mẹ chạy vội ra cánh đồng lúa thì thấy thằng anh lớn đang đánh em bằng cán hái, còn đứa em vừa la vừa chống trả lại. Bà mẹ vội kêu thằng lớn ngưng tay. Đứa

nhỏ lợi dụng cơ hội vội bỏ chạy trốn vào trong đêm tối như con thỏ chạy trốn chó săn.

— “ Nó hãy còn nhỏ, mới có mười bốn tuổi đầu nên nó còn ưa nô đùa hơn làm lưng, con cũng đừng nên đánh nó ” người mẹ khuyên con lớn.

— Hồi tôi cũng mười bốn thì sao ? Tôi có đùa nghịch vào những vụ mùa không ? Mẹ có hứa mua cho tôi áo mới hoặc vòng bạc không khi tôi muốn ? Bao nhiêu tiền làm được mẹ giữ cả, tôi không có lấy tới một đồng xu. Chưa bao giờ tôi được hút một điếu thuốc, uống một ly rượu, mua một món đồ mà người khác có quyền đòi có. Vậy mà mẹ muốn cho nó khi tôi không có. Tại sao vậy ?

Người mẹ đột nhiên hoảng sợ. Bà thấy con mình không còn nhỏ nhoi gì nữa. Bà chỉ nói tránh : “ Sở dĩ mẹ hứa như vậy cốt để em nó làm việc và con không giận ghét nó thế thôi ”.

Đứa lớn không đáp, nó thản nhiên bó lú lại. Nhìn con trai, bà biết nó muốn khóc nên bà vội xin lỗi con : “ Mẹ đã làm nên ít lâu nay mẹ đã làm con buồn. Mẹ không đề ý là con đã lớn. Giờ

đây mẹ nhường lại mọi việc trong gia đình cho con cũng như công việc ngoài ruộng. Mẹ sẽ cưới vợ cho con ”.

Mỗi lần có việc gì khó khăn, người mẹ lại sang nhà người em họ hỏi. Lần này bà muốn nhờ cô em họ tìm hộ một người con gái nơi làng cổ ta cho con trai mình vì ở nơi xóm nhỏ này hầu hết người nọ đều có họ xa gần với người kia.

Cô em họ về làng ba hôm. Khi trở lại bà cho hay câu chuyện kén chọn của bà : “ Trong làng đạo này nhiều con gái lắm vì không có ai giết chúng khi mới đẻ như ở nhiều tỉnh khác. Tôi được biết độ mười cô, nhưng tôi chỉ chọn được có một. Cô này biết may vá, làm lưng giỏi, không được xinh đẹp lắm, nước da vàng vàng, có lẽ hơn tuổi thằng cháu nhưng có à có đôi mắt tốt lắm ”.

Người mẹ reo lên bằng lòng : “ Trong nhà chúng tôi đã đủ những con mắt đau rồi, người ngoài không có là tốt lắm. Tôi chỉ cần người biết khâu vá, ham làm. Vậy cô cố giúp cho tôi món này nếu cô đó không hơn thằng lớn quá năm tuổi ”.

Sau khi sơ tuổi, ngày sinh

tháng đẻ giữa hai đứa con trai và con gái, mọi người nhận thấy chúng không có sự sung khắc. Đứa con trai tuổi nọ, đứa con gái tuổi mào, hai con vật đó không bao giờ ấu xé nhau, như vậy hai đứa sẽ sống hòa hợp lắm.

Theo phong tục của địa phương, trước khi người mẹ may áo cưới cho con trai, bà mang tắm vải mới cho cô em họ nắm tay vào để lấy phước. Khi người con gái về nhà chồng, người mẹ chồng phải bỏ nhà sang bên người em họ đẻ ở.

Bà thấy vui vui khi nghe rõ những tiếng bàn tán ồn ào của những người đàn bà về cô dâu. Người này khen cô dâu may khéo, vì quần áo cưới cô tự may lấy cả. Riêng bọn đàn ông thì khất khe hơn. Một vài người chê cô dâu ốm và vàng vọt quá, nhưng kẻ khác lại bô bô nói : “ Ối dào, chỉ độ vài tháng thôi là hết ốm ngay đấy mà. Các bác không nghe câu “ Gái phải hơi trai như thái lài phải c. chó ư ” Chỉ có anh chồng là làm nó phồng cô gái lẹ hơn hết ”.

Người mẹ phải rời khỏi chiếc giường lớn nơi bà đã nằm với chồng cùng các con từ bao năm nay để nhường hẳn cho đôi vợ chồng mới. Theo phong tục, người

con dâu sửa soạn chiếc giường khác cho mẹ chồng, chiếc giường của bà nội lú nhỏ đã nằm và đã chết ở đó.

Mỗi đêm khi thức giấc, bà mẹ có cảm giác như không phải mình nằm nơi này. Bà không ngờ có ngày bà phải nằm đây thay thế cho người già đã khuất, chứng tỏ bà cũng già rồi. Ngoài kia cặp vợ chồng trẻ đang ngủ ngon giấc, nơi đó đã có thời kỳ bà hãnh diện đặt lưng lên và sua đuôi mẹ chồng sang giường khác.

Cái vòng luồn quần đó, giờ đây đã tới lượt bà phải rời bỏ. Nhưng cũng vì thế, bà cảm thấy đứa con trai lớn đang dần dần không phải là con của bà nữa. Giờ đây nó là chồng của người đàn bà khác.

Lúc đầu người mẹ thấy con dâu chịu khó làm việc, để bảo. Bà thường khen ngợi nó với hàng xóm nhưng rồi bà cũng bắt đầu ghét nó khi nó làm trái ý bà. Cơm nấu luôn luôn nhão vì đồ nhiều nước, có dặn bảo thì người con dâu lại cãi là vẫn thường nấu thế. Bà phàn nàn với con trai thì cậu con lại bênh vợ.

Sau đó, người con trai làm thêm một căn buồng nữa để dọn giường ngủ riêng lấy cơ nơi

buồng cũ mùi gà vịt, heo, trâu làm cho hai vợ chồng không ngủ được.

Người mẹ than phiền với đứa con gái mù. Bà cũng được cô gái đáng thương cho hay người chị dâu không ưa cô và muốn cô được mẹ gả chồng càng sớm càng hay cho khuất mắt.

Người mẹ không tin, bà cố tâm đề ý, xét nét con dâu nhưng bà nhận thấy cô ta xử sự tốt đẹp với em chồng nên bà cũng yên tâm đôi phần.

XV

**H**ÀNG ngày, người mẹ vẫn hằng đề ý tới người con dâu, bà mong con gái bà đang nghĩ nhằm về chị dâu nó. Bà vẫn thấy con dâu bà xử sự đàng hoàng, lễ phép. Nhưng mỗi khi khuất mắt bà, người chị dâu đã cố ý sỏi còm cho em chồng voi voi, hoặc nếu có thức ăn ngon cô em gái mù lòa cũng không được chị gắp cho.

Một bữa, khi mọi người ăn cơm, người mẹ đã ôn tồn hỏi con gái: "Món cháo phôi bữa nay con ăn có thấy ngon không?" Cô gái ngạc nhiên hỏi: "Con không biết có không nhưng con thích món phôi lắm". Người mẹ

vội xẻ bát cháo thịt của mình cho con gái dùng. Người chị dâu vội xin lỗi em vì tưởng cô gái đã có nhưng người mẹ chồng biết ngay nàng nói dối.

Thình thoảng người con dâu khâu giầy vải cho mọi người, cô thường kết chiếc hoa nơi mũi giầy nhưng riêng đôi giầy của cô em chồng thì không có. Người mẹ có hỏi thì cô trả lời: "Nếu mẹ muốn con sẽ thêu cho cô ấy, nhưng con nghĩ rằng, cô ấy không phân biệt được màu hoa con thêu". Cô em chồng cũng vội trả lời: "Con không cần thêu bông dâu mẹ ạ vì người mù đâu biết thưởng thức".

Một buổi, người con lớn nói riêng với mẹ: "Con không muốn ép em con rời khỏi căn nhà này, nhưng người đàn ông phải nghĩ tới riêng họ. Em con còn trẻ, nó có đời sống riêng của nó. Con phải nuôi nó tới bao giờ? Con chưa bao giờ thấy ở những gia đình khác người đàn ông phải nuôi em gái nếu không phải gia đình họ giàu có. Bần phận của người đàn ông là nuôi cha mẹ, vợ và các con. Em con còn trẻ, nó phải đi lấy chồng".

Người mẹ vội vàng mắng con

traí cho rằng con mình đã bị vợ sỏi bậy. Nhưng bà cũng nghĩ chưa hiểu có người nào muốn lấy đứa con gái mù không.

Một hôm, người đàn bà góa trong làng tới tìm người mẹ để nói chuyện. Bà già cho hay bà có quen biết một gia đình nơi miền núi có đứa con trai mười bảy tuổi, nếu bà muốn gả con gái đi, bà sẽ làm mai cho.

Người mẹ từ chối. Bà kể chuyện lại cho người em họ nghe, người đàn ông thủng thẳng nói: "Cha mẹ phải nghĩ tới các con trước. Bác liệu có sống mãi được không? Cả chúng tôi cũng vậy. Hoặc khi bác trở về già, lúc đó quyền ở trong gia đình là ở nơi đứa con lớn, bác có sẵn sóc được cho con bé nữa không?"

Năm đó người mẹ mắc bệnh kiệt lực. Người con dâu chịu khó săn sóc mẹ chồng tới khi bà khỏi bệnh. Trong thời gian bị bệnh, bà nghĩ cần phải gả con gái ngay mới được và chính cô gái mù cũng than thở với mẹ: "Con không muốn ở nhà này nữa. Con thấy con phải lấy chồng, bất cứ người ở đâu miễn là có người trông nom con".

Người mẹ nhờ bà góa đi làm mai con bà cho gia đình miền núi. Lúc trở về bà mai cho hay họ đã bằng lòng và chỉ độ tháng sau nhà gái sẽ tới đón dâu. Người mẹ kể lại cho con dâu nghe và người này tự may mấy bộ quần áo mới cho em chồng: những bộ quần áo màu xanh, những quần màu đỏ mà cô dâu nào nghèo tới đâu cũng phải có. Hai đôi giầy có thêu bông đỏ. Riêng người mẹ dúm riêng cho con gái mấy đồng tiền bạc.

Đầu mùa xuân, cây cối nảy mầm xanh tốt, gió còn lạnh, có một ông lão già cưỡi lừa tới kiếm nhà cô gái mù. Nhìn người lạ mặt ăn mặc bần thiêu, rách rưới người mẹ thấy khó chịu. Bà sai con đi tìm bà góa. Người mẹ cho hay bà không ưa ông lão kỳ cục đó và bà góa cười nói: "Đâu có phải ông lão đó lấy vợ, cháu ông ta ngoan và hiền lắm".

Gia đình người em họ cũng chạy sang, không một ai có cảm tình với ông lão. Nhưng vì đã hứa gả nên bà mẹ phải gọi con gái ra. Bà hứa sẽ đi thăm con gái luôn khi bà rảnh.

Cô gái mù mặc quần áo mới được đỡ lên lưng con lừa, còn

ông lão bên nhà trai thì đi bộ. Khi người con gái đi rồi, người mẹ vẫn đứng yên lặng nhìn theo, nước mắt chảy ròng ròng. Bà nhìn theo mãi cho tới khi con bà đi khuất sau dãy núi cao.

XVI

**T**ừ khi cô gái mù đi rồi, căn nhà trở nên quạnh hiu, con đường làng cũng không còn vang lanh lảnh tiếng cồng kêu mỗi khi nàng ra ngoài.

Người mẹ lại ra đồng làm việc để cố quên nỗi buồn nhớ con gái. Khi con trai bà ngăn không muốn cho mẹ làm việc, bà đã mắng con trai, nhưng làm việc nặng nhọc bà không chịu được nữa. Sau khi mắc bệnh kiết lỵ sức khoẻ của bà đã giảm đi nhiều. Bà chỉ còn ngồi yên lặng nơi ngưỡng cửa nhà để nghĩ tới thời gian đã trôi qua. Bà nhớ tới hồi bà còn trẻ, chồng con và mẹ chồng, rồi con gái đi lấy chồng, thẳng con thú ở ngoài tỉnh.

Mỗi lần con bà ở tỉnh về thăm mẹ, bà lại thấy vui vui. Đứa con thú thường bí mật dúi vào tay bà một đồng tiền để bà tiêu riêng.

Chưa bao giờ đứa con lớn cho bà tiền tiêu. Quần áo, ăn uống rất đầy đủ, đứa con lớn lại còn biểu bà một ống điếu hút thuốc nhưng ý nghĩ "con biểu mẹ tiền để mẹ tiêu vật" thì chưa bao giờ có. Nếu bà có hỏi thì cả hai vợ chồng cùng ngạc nhiên hỏi: «Mẹ có thiếu thốn thứ gì đâu mà mẹ cần tiền?»

Cũng vì thế người mẹ ưa con thú hơn. Mỗi lần nó biểu bà tiền bà lại cất nơi vú để tới đêm khuya bà chôn dưới đất. Nhưng đứa thú cũng thỉnh thoảng về mới thăm mẹ. Nhìn chiếc sân rộng vắng tanh, người mẹ thở dài bảo con dâu: «Mẹ thấy căn nhà vắng vẻ quá mà con thì chưa chữa đê gì cả. Nếu con không cho mẹ cháu đê bằng bể, mẹ cũng sung sướng nếu thằng ba nó lấy vợ, nhưng mẹ không hiểu tại sao nó lại không muốn».

Lại một lần nữa một mùa xuân trôi qua, người mẹ tính đốt ngón tay thấy con gái lấy chồng đã hơn một năm rồi. Ngồi ngắm dãy núi xa xa, sườn núi xanh xám và lúa đã mọc cao ngoài đồng, người mẹ tính chuyện đi thăm con gái. Bà lầm bầm: «Ngày mai ta phải đi mới được, nếu trời vẫn trong xanh không một gợn mây». Ngược nhìn trời cao, những kỷ niệm cũ kỹ

đột hiện về. Bà chợt nghĩ tới màu xanh chiếc áo mới của chồng bà khi bỏ ra đi.

Khi con trai lớn ở ngoài đồng về, được biết mẹ muốn đi thăm em gái, vội cản: «Lúc này con không thể theo mẹ tới đó được. Mẹ nán chờ sau mùa gặt con sẽ dẫn mẹ đi».

Người mẹ không chờ đợi được. Bà sai người ra tỉnh tìm đứa con thú về để dẫn bà đi thăm con gái. Khi cháu bà ở tỉnh về cho hay anh họ nó ở một căn buồng kê đầy giường và sách vở, nó không ngờ anh nó lại biết đọc biết viết làm mọi người ngạc nhiên.

Sáng hôm sau, trên con đường ngoằn ngoèo dẫn tới miền núi xa xa, người mẹ đã hỏi con trai về chuyện đó. Đứa con trai vội ngưng hát trả lời mẹ: «Vâng thưa mẹ, con cũng biết chút ít, nhưng mẹ đừng nên hỏi bây giờ vội, về sau mẹ sẽ hiểu rõ, khi giờ quyết định đi. Ngày đó sẽ là một ngày trọng đại, sẽ không có kẻ giàu người nghèo, mọi người sẽ giống nhau».

Người mẹ không hiểu đứa con nói gì cả. Bà chỉ biết có Trời, Trời mới cho ai được giàu hoặc bị nghèo.

Khi tới nơi, người mẹ nhận

ra ngay ông lão đã đi đón con gái bà. Bà nhận thấy có thêm một người đàn ông ốm và đen, hai người đàn bà tóc rối bời, khuôn mặt đen xạm và khô héo, quần áo bẩn thỉu như chưa từng giặt bao giờ và một đứa con trai. Những người này nhìn hai người tới tới một cách soi mói. Một vài đứa trẻ nhỏ nghe ồn ào từ trong nhà chạy ra coi, da chúng vàng như nghệ vì bệnh sốt rét, người ốm nhom. Tuyệt nhiên không có cô gái mù.

Người mẹ cảm thấy sợ hãi vội hỏi: «Con gái tôi đâu?». Một người đàn bà đáp: «Bà tới vừa lúc, nó mới chết hôm nay!»

Người mẹ như điên cuồng, xô đẩy mọi người để chạy vào trong nhà coi. Cô gái mù xấu số, nằm im lặng trên chiếc giường sậy, bộ quần áo cô mặc lúc về nhà chồng đã rách mướp và bẩn thỉu. Bà mẹ ôm chăm lấy con gái khóc nức nở. Bà nắm tay con, xem xét tay, chân để tìm vết roi nếu con bà bị hành hạ. Làn da xanh mướt không có vết gì cả. Người mẹ nghĩ môi con xem có hơi thuốc độc không nhưng bà chỉ nghĩ thấy mùi tử khí.

Quay về phía đám người man



ợ bà mẹ hét to : « Chính các người đã giết con ta, nếu không tại sao nó chết ? », Ông lão vội đáp : « Bà đừng nên nói thế ». Một người đàn bà tiếp lời : « Tại sao nó chết ư ? Hừ thật là một đứa con gái vô tích sự, không cả biết xách nước mà không té hoặc không lạc đường ».

Người mẹ lại thồn thức vì thương con trước sự giận dữ của mọi người. Đứa con trai đứng ngoài thấy vậy vội tiến vào dục mẹ trở về ngay, nếu không họ giết cả hai người.

Người mẹ vội nhìn con một lần chót rồi hối hả trèo lên lưng con lừa. Người con trai cũng vội vã thúc lừa đi. Thình thoảng hai người quay đầu trở lại nhìn xem bọn người man ợ kia có đuổi theo không. Người con trai nói với mẹ : « Chúng ta chỉ có thể yên tâm khi tới thôn xóm dưới chân núi này. Con sợ bọn họ quá »

Người mẹ không trả lời. Bà còn nghĩ tới đứa con gái yêu đã chết.

XVII

**N** GƯỜI mẹ cảm thấy mọi mệt rã rời khi về tới nhà. Suốt dọc đường bà khóc than đến nỗi người con trai phải kêu lên vì

không chịu đựng nổi.

Người mẹ gọi lớn tiếng người con trai lớn để báo tin em gái nó đã chết. Dân xóm nghe tin dữ ù ù xô tới nghe. Người con thứ vì mệt quá nằm lăn ra đất thở. Người mẹ hồn hèn nói rồi đổ tội cho con dâu vì muốn đuổi em ra khỏi nhà nên nó mới chết. Người con lớn vội nói : « Vợ con không có đuổi nó. Chính mẹ đã gả nó đi lẹ quá mà không hề hỏi ý kiến ai cả ». Vợ chồng người em họ cũng cho rằng tại bà đã vội vàng cho con gái đi. Người mẹ tức giận cãi lộn với cô em dâu họ, hai người đàn bà từng sống với nhau mấy chục năm trời liền, vì một lời nói suýt mất hết tình nghĩa nếu người em họ không kéo vợ lại khuyên : « Mình nên im lặng là hơn, bác ấy đang đau khổ vì con chết nên nói vậy, đừng để ý ».

Cuộc đánh lộn được tránh khỏi. Người mẹ chợt nhìn thấy bà mai đứng gần đó, bà chạy sỏ tới, cào xé người đàn bà không thương tiếc. Bà rít lên : « Mà biết bọn người miền núi là bọn dã man mà mà nỡ làm mai cho con tao. Không bao giờ tao hiểu được con gái tao phải lên xuống con đường nhỏ hẹp lờm chớm đá để xách

nước. Tao thù mày mãi mãi »

Người con lớn vội chạy tới can. Người em cũng tới giúp anh đề dịu mẹ về nhà. Bà mai được thông thả vội hét to : « Con gái bà bị mù, hỏi ai thềm lấy ? Tôi có lòng giúp bà mà bà trả ơn tôi thế này à ». Tay chỉ vào mặt bị cào, bà lão cũng thồn thức khóc kể lẽ.

Khi người mẹ được các con trai dìu ngồi xuống giường rồi, người con dâu mang chén nước nóng tới cho bà. Trong lúc chong cãi lộn, người con dâu đã lặng lẽ đi đun nước.

Người con dâu lấy khăn dúng vào chậu nước nóng rồi lau mặt, lau tay mẹ chong. Nàng rót chén nước trà dâng mẹ rồi sửa soạn cơm.

Người mẹ gọi con thứ lại, bảo con nằm ngủ nơi em gái đã nằm. Người con trai nằm ngủ thiếp ngay vì mệt nhọc. Khi trong nhà đã im lặng, người mẹ lại thở dài sầu não, nhưng bà cũng còn cảm thấy được an ủi một phần nào khi nghe tiếng thở mạnh của đứa con thứ. Bà nghĩ tới con : « Ta phải cấp tốc cưới vợ cho nó cùng làm thêm một căn buồng nữa để riêng vợ chồng chúng nó ngủ cùng là khi chúng có con cái ». Một

lần nữa người mẹ lại bị bệnh trở lại. Khi người em dâu họ sang thăm, người mẹ than phiền với cô em họ về đứa con dâu của bà không chịu chữa đẻ, bà đang cần có cháu bé mà đứa con thứ cũng không chịu lấy vợ. Người em họ vội nói : « Bác đừng nên hấp tấp, cố đợi một hai năm nữa. Thường thường người đàn bà sau bảy năm không chữa đẻ, gặp cơ hội thuận tiện sẽ đẻ sồn sồn năm một cho mà coi. Còn thằng nhỏ, nếu nó không thích lấy vợ, tôi chắc nó đã yêu ai rồi đó. Bọn trẻ thời nay chúng đều thế vì tôi biết, không có người con trai nào lại không muốn lấy vợ cả.

Người mẹ vội thì thầm : « Từ khi tai họa theo đuổi tôi, tôi sợ rằng đó là kết quả của tội lỗi của hồi trước. Trời Phật không có quên nên mới không cho tôi có cháu ».

XVIII

**MI** Ì A xuân năm đó, người con thứ ở ngoài tỉnh về ở nhà ít lâu để chờ người ta gọi. Hắn trở nên ít nói, không bao giờ hát hoặc nói những lời lẽ lạ lùng như mọi lần. Người mẹ tưởng con

bình vội kể cho cô em họ hay, nhưng người này chỉ cho là con bà ở trong tình trạng dở chứng của tuổi đôi mươi.

Chín hôm sau đứa con thứ bỏ đi. Rồi hẳn đi đi về về bất thường. Hẳn đi lang thang trong xóm, ngồi trong quán nước, nói những chuyện đời khổ hiện tại, luật pháp bất công nhưng sẽ có một ngày thời cuộc thay đổi lại. Dân làng ngạc nhiên không hiểu hẳn nói gì, riêng người chủ quán cho đó là những lời lẽ của quân trộm cắp thì đúng hơn. Vì thương người đàn bà đau khổ cùng quí mến người anh lớn nên họ cũng bỏ qua câu chuyện.

Người mẹ vẫn thương đứa con thứ hơn. Bà thường làm những món mứt ngon để dành chờ con về. Lâu lâu không thấy con về, bà đành phải ăn những món mứt đó nếu không sẽ hư, bà thường phân nản : « Nếu ta có cháu nội, nó không về ta sẽ cho bọn trẻ ăn có phải đỡ phí không ».

Nhiều khi ăn bánh, đứa con đã kêu lên : « Chiếc bánh này mốc rồi mẹ ạ » hoặc « Bánh này cứng quá ! ».

Khi đứa con thứ ra đi, người mẹ lại ngồi khóc... Bà nhớ tới nước da hung hung của đứa con,

mớ tóc dài dài vuốt qua tai, hàm răng trắng, đôi mắt tinh cùng nhưng ngón tay nhỏ nhắn, móng để dài.

XIX

**N** GƯỜI mẹ chờ đợi đứa con trở lại. Bà tin chắc nó sẽ trở lại vì trước đó ba hôm, đứa con thứ có dẫn thêm hai người lạ mặt tới lúc đêm khuya. Họ cầm một gói giấy lớn buộc rất kỹ đem gửi người mẹ.

Người mẹ tưởng con đi ăn cướp dẫu về nên mới có cái gói đó nhưng đứa con cho hay là gói đựng những tấm da cừu, nó thấy rẻ thì mua và khi mùa đông tới nó sẽ may một chiếc áo tặng người mẹ.

Hai người lạ mặt mang gói đồ dẫu dưới gầm giường của người đàn bà. Những con gà bị xua đầy nhón nhác vỗ cánh kêu oang oác.

Mấy người đàn ông hoảng hốt vội rút lui. Người mẹ không hiểu nhưng cũng hỏi với theo « Con có cần thỉnh thoảng mẹ phơi những tấm da đó không kéo ẩm ướt nó sẽ mục hoặc bị mối ăn ? »

Người con vội trả lời :

« Không thể một hai ngày mà hư được. Chúng con dọn nhà, con sẽ ở riêng một căn và kiếm được tiền nhiều hơn ».

Nghe con nói sắp có một căn nhà riêng để ở, người mẹ nghĩ tới ngay chuyện hỏi vợ cho con : « Nếu con có nhà ở tại sao con không nhờ mẹ tìm cho con một con vợ, hoặc nếu con đã yêu đứa nào rồi, con cứ cho mẹ hay để mẹ nhờ cô con đi hỏi cho. » Thấy con ngập ngừng không nói, người mẹ tiếp thêm : « Tại sao con cứ đi phung phí khắp nơi để mẹ không có cháu bé ? Chị dâu con không thể nào đẻ được rồi. Mẹ biết con và cha con giống nhau lắm. Hãy cấy giống ngay tại chính nơi mình ở đi con ạ ».

Người con vội nói : « Những người đàn bà già như mẹ chỉ có nghĩ tới chuyện cưới xin và đẻ con. Chúng con trẻ, chúng con không nghĩ tới đâu. Thôi con đi, ba hôm nữa con sẽ quay lại ».

Ba ngày đã qua, ba ngày nữa rồi một tháng trôi qua, người con thứ không trở về. Nghĩ tới gói đồ, người mẹ muốn đem ra phơi nhưng rồi lại không dám. Mãi lo nghĩ tới con trai, người mẹ không

chú trọng tới sự không sinh nở của đứa con đầu nữa.

Một buổi sáng, người con lớn báo tin cho người mẹ hay vợ anh đã mang bầu. Lúc đầu người mẹ không tin nhưng khi thấy bộ mặt quan trọng của đứa con, bà vội hỏi hỏi chống gậy rào bước xuống bếp tìm con dâu. Khi được biết đứa con đầu đã mang bầu được hai tuần trăng, người mẹ giận dữ gắt mắng con, sao không cho bà hay sớm hơn.

Sau đó, như không giữ kín được niềm vui sướng đang tràn ngập trong lòng, người đàn bà vội chống gậy sang nhà người em họ để báo tin mừng. Bà lay người em họ đang ngủ dậy rồi hét to : « Không phải chỉ có mình cô là bà nội dâu nhé, trong vài tháng nữa tôi cũng có cháu bé rồi ».

Người em hỏi vội : « Thật không ? Thằng lớn sắp lấy vợ nữa à ? »

Người mẹ hơi thoáng buồn : « Không phải thế. » Bà kể lại chuyện các con bà đã cho bà hay. « Tôi đã đợi chờ tám năm nay rồi. Thật phúc đức. Nếu tôi mà giàu tôi đã cưới cho nó con vợ khác nhưng tôi nghĩ rằng tôi phải cưới cho thằng bé trước thì hơn, là để cho thằng lớn có những hai

vợ. Thời buổi này cưới vợ cho con tốn kém lắm, dù là cưới vợ nhỏ ».

Người mẹ chỉ lo sợ con dâu sinh con gái trước. Bà muốn đứa cháu nội đầu tiên phải là đứa cháu trai. Nghĩ tới tội lỗi của mình hồi còn trẻ, bà cũng hơi lo ngại vì sợ bị thần thánh trừng phạt bằng cách không cho bà có cháu trai. Nhưng bà cũng hơi yên tâm vì, những ông thần nơi miếu đồ nát đã bị bà lấy quần áo bịt kín mặt, như vậy mấy ông đó không thể nào biết được bà đã làm gì để tâu lên thiên đình.

Người mẹ hơi lo ngại trong lo ngại. Bà lo đứa con dâu sẽ đẻ con gái, bà lo khi không thấy con trở về. Gặp ai bà cũng hỏi có nhìn thấy con bà không. Không ai gặp cả. Có nhiều người còn nói đùa : « Nếu một ngày nào đó chúng tôi đi ngang qua một tiệm sách, chúng tôi sẽ tạt vào coi xem có con bà ở đó không ».

Một buổi, người mẹ được đứa cháu họ cho hay nó có gặp anh nó ở tỉnh, tay bị trói chặt cùng một người khác. Nó được hay anh nó bị gán tội cộng sản và sáng hôm sau sẽ bị xử tử.

Người đàn bà run lên. Bà lắm

bầm : « Tao có nghe nói tới tiếng cộng sản nhưng tao không hiểu gì cả ». Người con lớn đáp : « Em họ con có hỏi bọn lính gác thì họ cho hay bọn cộng sản là bọn ăn cướp mới thời buổi này ».

Người mẹ chợt nghĩ tới gói đồ dẫu dưới gầm giường. Bà rên rỉ : « Tao hiểu cái đêm hôm đó rồi. Cái gói ở dưới giường tao chắc chúng đi ăn cướp mang về. » Đứa con trai và con dâu không hiểu gì cả. Khi lời gói giấy ra, cả hai vợ chồng tưởng rằng ở trong dẫu toàn là vàng bạc, nhưng không, chỉ toàn sách và giấy tờ in. Vì không biết chữ nên cả ba mẹ con không hiểu là sách gì, nhưng nhìn những hình ảnh vẽ người lớn đánh người bé, cảnh chết chóc giết người, mọi người không hiểu tại sao chúng lại đi ăn cướp những thứ đó làm gì.

Người con trai bàn đem đốt hết. Người vợ khuyên đốt dần dần lúc thối nẫu, nếu đốt ngay hết e hàng xóm thấy khói nhiều sẽ nghi ngờ.

Người mẹ khuyên con lớn ra tỉnh tìm cách cứu em : « Mẹ có tiền đây, con mang theo chút lót bọn lính canh ngục để cứu em con. Mẹ biết, chưa có người coi ngục

nào lại chê tiền cả. »

Người con lớn khẽ liếc mắt nhìn vợ rồi nói với mẹ : « Con sẽ cho hết số tiền con có vì mẹ ». Người đàn bà hét lên : « Với tao, tao không cần mà cần cho em mày ».

Nghe tin chẳng lành, vợ chồng người em họ sang thăm. Người đàn bà rên rỉ : « Nếu tôi có tội sao trời không bắt tôi chết mà cứ bắt con tôi, rồi đây có thể bắt luôn cháu tôi nữa. Ở đời này làm gì có người đàn bà nào mà không có tội hả trời. »

Khi đứa con trai lớn trở về cho hay không cứu được em và nội sáng hôm sau đứa em bị xử tử, người mẹ lịm hẳn đi. Khi hồi tỉnh bà đấm ngực thình thịch rồi nằng nứa con lớn vì tiếc tiền không muốn cứu em. Bà cho hay bà cũng có món tiền lớn, nếu đứa nhỏ bị chết bà sẽ quảng tiền xuống sông chứ không cho thẳng anh. Cháu họ vội phân trần cho hay anh nó có bỏ ra một trăm đồng tiền chút lót bọn lính canh, nhưng bọn này cũng không dám thả vì bọn cộng sản là bọn đi cướp đất của dân, chống chính phủ.

Người mẹ tính muốn đi thăm đứa con bị nạn. Bà ngồi trên lưng

lừa, đứa con trai lớn và đứa cháu họ đi bộ. Tới nơi, ba người đã thấy dân chúng tụ tập nơi công thành đông đảo. Cửa nhà giam mở, tốp lính canh dẫn đoàn tù ra ngoài. Từng hai người bị trói dính với nhau. Người mẹ đau khổ chăm chú nhìn từng người một để tìm khuôn mặt quen thuộc của đứa con thân yêu. Trong đám tội nhân có xen cả những người con gái. Phải chú ý nhìn thân hình nhỏ nhắn của họ, cùng bộ ngực nổi phồng mới biết chúng là con gái vì tóc chúng cũng cắt ngắn như con trai, khuôn mặt mắt hết nét dịu dàng.

Người mẹ đã nhận ra đứa con trai bị trói cùng với một người con gái. Bà lao tới ôm chăm lấy con. Người con trai nom thấy mẹ tái mét mặt, run lẩy bẩy. Nếu không vướng người con gái cùng bị trói chung, hẳn đã ngã khụy. Người con gái cười man rợ : « Đây đồng chí, đồng chí nên nhớ kỹ rằng đồng chí không có cha, không có mẹ chỉ có đảng thôi ». Nói rồi, cô gái kéo hẳn đi.

Một người lính chạy tới xô bà mẹ xuống đất. Người con lớn và đứa cháu họ vội chạy tới đỡ bà dậy, đặt bà lên lưng lừa rồi hấp

tấp quay về nhà. Bọn tù nhân cất tiếng hát, bài man rợ trên đường đi tới cõi chết.

Ba người dân quê, khi ra tới cổng thành còn đứng lại nghe ngóng. Lúc nghe tiếng ồn ào nổi lên, họ biết ngay giờ hành hình đã diễn.

Trên đường về, người mẹ không nói một lời nào. Trông bà như người mất hồn. Tới nhà, bà sai con trai dẫn bà đi tới ngôi mộ cuối làng để bà khóc cho vơi nỗi sầu. Thấy đứa con đứng chờ bà vội xua đuổi. Bà không muốn có ai đứng cạnh bà khi bà khóc. Người đàn bà đau khổ ngồi bệt xuống cỏ. Mặt trời chiếu ánh sáng xuống đất, tươi sáng như không có ai chết buổi sớm mai. Cánh đồng tràn ngập lúa chín. Ngược nhìn trời cao bà than thở: "Thượng đế trừng phạt con đã đủ chưa?"

Bà khóc nức nở suốt cả buổi sáng. Bà nghĩ tới những sự cực khổ của đời bà, những lúc cãi lộn với chồng, khi chồng bà bỏ ra đi, tới đứa con gái mù, tới đứa con trai bị trói chung với người con gái dữ tợn. Bà khóc cho đời bà.

Trong khi bà khóc, người con

trai lớn chạy tới báo cho bà hay một tin mới: "Mẹ ơi, vợ con sinh con trai, cháu trai của mẹ".

Người đàn bà ngưng khóc, đứng nhanh dậy hỏi con: "Bao giờ? Bao giờ?" Người con tươi cười trả lời: "Vừa mới xong. Đứa bé bự lắm mẹ ạ".

Người mẹ vừa khóc vừa mỉm cười. Quên cả mệt nhọc, quên cả tuổi già, bà bước nhanh về nhà để xem mặt đứa cháu đích tôn, để được bế nó trong lòng bàn tay khô héo.

Dân làng đã đến đầy nhà. Người đàn bà lắng chuyện nhất làng bô bô nói: "Thật là phúc đức, đã tưởng chỉ có rui mà còn may". Người mẹ tiến tới chỗ con dâu nằm, bà cúi xuống bế đứa cháu lên ôm ghì trong lòng. Bà ngắm đứa bé từ đầu đến chân rồi mỉm cười với nó. Bà nhìn quanh để tìm người em dâu họ. Bà bế cháu tới cho người này nhìn. Bà sung sướng nói to: "Cô xem, không ngờ tôi đã hết tội lỗi rồi, cháu đích tôn của tôi đây này".

HOÀNG - THẮNG

Kỳ sau: Nhật ký của ANN FRANK.

Mình Ơi!



## XÚ IRAN của Hoàng - hậu FARAH DIBA

- LÀ XÚ NÀO ?
- Ở BÀU ?
- CÓ GÌ LẠ ?

★ DIỆU HUYỀN

**M**ÌNH ƠI!  
— Biết rồi..., khổ lắm...,  
Ơi mãi!

— Mình biết em gọi mình để  
chi không mà mình bảo: « biết  
rồi.. khổ lắm... Ơi mãi, ?

— Em lại bảo anh nói chuyện Khoa học... lên Trăng nữa chứ gì!

— Ê ! Ê ! Trật rồi ! Mắc cỡ !... Ê ! Ê !...

— Chứ chuyện gì ?

— Bộ Minh tưởng cứ nghe chuyện Khoa-học hoài, không chán tai sao chứ ? Hôm nay em không thích nghe chuyện lên Trăng nữa đâu. Em chịu Minh nói chuyện nàng Farah Diba cơ !

— Farah Diba nào ?

— Hoàng-hậu Farah Diba, vợ ông Vua Le Shah ở xứ gì đó mà !

— Ông vua Le Shah là cái ông vua gì anh cũng không biết nữa !

— Bà Hoàng Hậu Farah Diba vừa mới đẻ con trai, bộ Minh không biết sao ? Minh cứ chộc cho em tức hoài !

Ông Tú cười ngặt nghẽo. Bà Tú cũng cười và khẽ véo vào chỗ hông của ông :

— Em nói trật chữ gì, Minh cười em phải hôn ?

— Em nói : ‘ ông vua Le Shah », bảo anh đừng cười sao được ! Chứ Pháp *le chat* (lơ-sa) là con mèo, Em bảo ‘ ông vua Le Shah », (Lơ-Sa) là ông Vua con Mèo à ?

— Em thấy các báo đăng, chớ em biết đâu. Chứ nói sao cho đúng ?

— Chữ Shah (hay Chah), là tiếng Iran, một danh-từ có nghĩa là ông Vua. Cũng như Tàu gọi ông vua là *Hoàng-đế*, Nhật gọi là *Mikado*, Pháp gọi là *Empereur*, Anh gọi là *King*, Á-Rập gọi là *Sultan*, Tunisie gọi là *Bey*, Ai-cập gọi là *Pharaon*, Hồi-giáo gọi là *Khaliffe* (calife), Nga gọi là *Tsar*, Ấn-Độ gọi là *Maharadja*, Việt-Nam gọi là *Vua*. Le Shah ở Iran, nghĩa là Ông Vua xứ Iran, *Hoàng-đế* xứ Iran. Chữ « *Shah* » không phải là cái tên của ông vua ấy.

— Vậy tên của ông Vua đó là gì ?

— Ông Vua (Shah) của xứ Iran hiện giờ tên là MOHAMMED REZA PAHLEVI. *Pahlevi*, chính thực ra là cái họ, cũng như ở Việt-nam ta có họ *Nguyễn*, họ *Lê*... vậy. Triều Vua Reza hiện nay là Triều họ *Pahlevi* của xứ Iran.

— Xứ Iran ở đâu, hả Minh ? Tên xứ IRAN (đọc là *I-Răng*) mà sao các báo gọi là xứ BA-TU ?

— IRAN, là tên chính thức từ năm 1925. Chữ *Iran* cũng chỉ là viết tắt của tên thật xứ ấy là : *Mamlekaté Chahenchayé Iran*, nghĩa là Đại đế quốc Iran. Trước 1925, xứ ấy theo tên từ đời

thượng-cổ, là PERSE, Việt-nam ta phiên-âm theo Tàu, trại ra thành BA-TU. Ngày nay, ta phải gọi là xứ *Iran* mới đúng, chứ gọi là *Ba-Tur* không ăn nhằm vào đâu hết.

— Xứ ấy ở đâu, hả Minh ?

— Một đế quốc rộng lớn ở Cận-đông, phía Bắc giáp giới Nga-Xô, phía Tây giáp xứ Irak, phía Nam giáp Ấn-độ-Dương, phía Đông giáp hai xứ Afganistan và Baloutchistan, ở phía Tây India (Ấn-độ). Dân số chừng 25.000.000 người cũng như Việt-Nam ta, nhưng hầu hết theo Hồi giáo. Nhà Vua cũng là người Hồi-giáo, thờ Chúa ALLAH.

— Minh nói sơ-lược lịch-sử xứ Iran cho em nghe.

— Dân tộc Perse có từ đời Thượng cổ, gần 1000 năm trước J.C. Nhưng hồi đó, nước Perse ở dưới quyền đô hộ của Đế-quốc Assyrie, từ đời vua Salmanasar III, cũng như nước Việt-Nam ở dưới quyền đô hộ của Tàu, từ đời nhà Tần, nhà Hán vậy. Đến năm 558 trước J.C. một vị anh hùng Perse, là vua CYRUS II, mới đánh đuổi quân ngoại-quốc mà hầu hồi độc-lập và mở mang bờ

cõi thành một đế-quốc Perse rộng lớn như ngày nay. Đó là vị *Chah* (Hoàng-đế) đầu tiên của xứ Perse. Mấy vị vua kế tiếp, nhất là DARIUS (521 trước J.C.) kéo quân chiếm mấy vùng phía Tây Ấn-Độ, và làm le đánh cả Đế-quốc Hy-lạp, bị ALEXANDRE đại đế đánh bại. Thế kỷ thứ VII, xứ Perse bị người Á-Rập đô hộ suốt trong thời gian 500 năm. Thế kỷ XIII, lại bị quân Mông-Cổ của GENGIS KHAN sang chiếm cho đến năm 1405. Dân chúng nổi dậy đánh đuổi quân Mông-Cổ, thâu hồi độc-lập thì trong nước lại bị chia ra làm hai phe : phe *Con Cừu Trắng* và phe *Con Cừu Đen*, cũng như ở Việt-Nam ta hồi thế kỷ XVII có *Trịnh Nguyễn* phân tranh vậy.

— Sao lại đặt tên *Con-Cừu trắng con Cừu Đen*, kỳ vậy ?

— Cũng như Lịch-sử Anh-Quốc hồi thế kỷ XV, có cuộc chiến tranh của phe *Hoa-Hồng-Trắng* và phe *Hoa-Hồng-Đỏ* vậy mà. Rốt cuộc, rồi phe *Con-Cừu-Trắng* của Ouzun Hassan thắng thế và cai-trị toàn quốc, nhưng chỉ được một thời gian 30 năm rồi một vị anh hùng Áo-Vãi ra đời, NADIR Shah, giống như

Quang - Trung Hoàng-Đế của Việt-Nam. Nadir & trên ngôi đến năm 1747, thì bị ám sát. Nước Perse lại bị nổi loạn. Năm 1796 hoàng đế AGA MOHAMMED KHAN lên ngôi, lập ra Triều-đại KADJAR cai-trị cho đến năm 1925. Thế rồi một chàng buôn lừa, nhờ thời thế tạo anh hùng, gây cuộc đảo - chánh, truất phế vua AHMED Kadjar và lên ngôi Hoàng - đế, tên là RÉZA, lập Triều - đại mới, là Triều - đại Pahlévi. Vua MOHAMMED RÉZA của xứ Iran hiện nay, chồng của Hoàng-hậu Farah Diba, chính là ông Vua thứ hai của Triều đại Pahlévi, và là con của Hoàng-đế Réza.

— Mình ơi, thế ra bố của ông vua xứ Iran bây giờ là một anh chàng buôn lừa là? Từ một chàng buôn lừa, làm sao lên ngôi Hoàng-đế được?

— Anh đã nói: Thời thế tạo anh hùng. Lịch-sử nhân loại còn cho chúng ta biết bao nhiêu các thí dụ khác. Nhưng dù sao chàng buôn lừa dốt đặc kia, không biết đọc, không biết viết một chữ A,B, mà lên làm Hoàng-đế một đế quốc rộng lớn như Iran, ít nhất cũng phải có cái tài gì...

— Anh buôn lừa dốt đặc mà có cái tài gì, hả Minh?

— Hôm Vua Iran là Réza Pahlévi, đính hôn với cô Nữ-sinh FARAH DIBA mới hồi năm ngoài đây, ông có trao cho vị hôn thê xinh đẹp của ông một quyển sách dày, đóng bìa da, tuyệt đẹp, trên bìa có đóng ấn son của nhà vua và nhan đề là « *Đời sống của cha tôi* ». Tác giả chính là ông vua Iran hiện nay. Nhà vua bảo với cô Farah Diba: « Em đọc quyển này để hiểu biết về Hoàng-đế t ân phụ của ta. Do đó em sẽ hiểu rõ hơn lịch sử cận đại của Đế-quốc Iran mà chính Người là vị Hoàng-đế đầu tiên của Triều đại Pahlévi hiện nay ». Cô Nữ-sinh Farah Diba mở sách ra đọc ngay nơi trang đầu mấy giòng như sau đây :

*« Hồi Cha ta còn nhỏ, ông nội ta đã mất sớm. Bà nội ta nghèo khổ lại đông con, nuôi không nổi. Một đêm mùa đông, ở Thủ-đô Téhéran, cha ta, xuyết bị chết đói và chết rét. Nhà không có cơm ăn, làm sao đi học được? Vì thế mà đến 20 tuổi, cha ta vẫn không biết đọc không biết viết... »*

Cô nữ sinh Farah Diba, vị hôn thê của Vua Réza, sắp làm

Hoàng hậu cả đế quốc Iran, rất đỗi ngạc nhiên về tiểu-sử của ông cha chồng mà cô vừa đọc một đoạn trên kia, chính là tiểu sử của Reza Đại-Đế, vị anh hùng sáng lập ra Triều đại Pahlévi!. Cô thức suốt đêm đọc hết cả quyển sách...

— Rồi sao nữa, Minh?

— 20 tuổi, chàng thanh niên kia, tuy là thất nghiệp và vô học nhưng thân thể tráng kiện đầy đà, cao 1m.98, vai rộng, mắt sáng như lửa, miệng to, tiếng lớn, hét ra như sấm. Trông người oai vệ như vị « *Tướng nhà trời* ». Một đêm, chàng ta đang dắt một con lừa đi bán,—vì chàng làm nghề buôn lừa! — trời lạnh quá, chàng ghé vào một quán trọ có một chiến sĩ cách mạng đang ngồi uống rượu.

Trông thấy chàng, rách rưới, râu ria xồm xuề, chiến sĩ cười ngất bảo: « Nè, chú kia, coi bộ tướng tá chú như thế mà đi bán lừa không mắc cỡ sao? Hãy theo ta vào đội quân nghĩa dũng đánh giặc ngoại xâm, có áo quần mặc ấm, có tiền xài, có gái đẹp! ». Chàng Reza Pahlévi bằng lòng ngay. Thế rồi chàng bỏ lừa nơi quán trọ, đi theo người chiến sĩ vô danh vào các

nơi rừng rú, băng các bãi sa mạc với một đoàn nghĩa quân cách mạng chuyên - môn đi đánh kích quân thù Nga đang xâm-lăng đất nước Iran. Không bao lâu, nhờ được nhiều chiến công vẻ vang, chàng được lon Trung Úy, rồi Đại-Úy, rồi Thiếu-Tá... Trung - Tá... Đại - Tá. Năm 1917 chàng lên chức Thiếu-Tướng. Nhưng chàng phải tự hổ thẹn vì không biết đọc, không biết viết. Bây giờ Thiếu tướng Réza Pahlévi mới bắt đầu học A.B.C... 8 năm sau, Thiếu-Tướng Réza đã lên chức Đại-Tướng Tổng tư lệnh Quân đội xứ Iran. Dựa trên quyền thế và uy tín đối với binh sĩ và để quét sạch chế độ mục nát của nhà vua lúc bấy giờ, Réza bèn gây cuộc đảo chính, bắt giam Hoàng đế AHMED KADJAR, trục xuất ra khỏi xứ, và ngày 16 tháng 12 năm 1926, ông lên ngôi kế vị. Vị Thủ-Tướng đầu tiên của ông chính là ông thầy giáo dạy cho ông học A,B,C từ năm 1917...

Ông mở mang xứ Iran hoàn toàn theo trào lưu tân tiến, cho đến năm 1941 ông chết, truyền ngôi lại cho thái-tử Mohammed Réza hiện nay. Nhưng theo Hiến



Nhìn hoa rơi, lòng khách bỗng  
bâng khuâng.  
Tha-La hỏi : — Khách buồn nơi  
đây vắng ?  
— Không, tôi buồn vì mây trời  
đầy trắng !  
— Và khách buồn vì tiếng gió  
đang hôn ?  
Khách nhẹ cười, nghe gió nổi  
từng cơn.  
Gió vun vút, gió rợn rùng, gió  
rít.  
Bỗng đầu đầy vắng véo von tiếng  
địch :  
— Thôi hết rồi ! Còn chi nữa  
Tha-La !  
Bao người đi thề chẳng trở lại  
nhà.  
Nay đã chết giữa chiến trường  
ly-loạn !  
Tiếng địch càng cao, nào nùng  
ai-oán..  
Buồn trưa trưa, lầy lắt buồn  
trưa trưa.  
Buồn xưa xưa, ngây ngất buồn  
xưa xưa.  
Lòng viễn khách bỗng đứng tề  
tát lạnh,  
Khách rùng mình, ngần - ngại  
người hiu-quạnh.  
— Thôi hết rồi ! Còn chi nữa  
Tha-La !

Đầy mênh mông xóm đạo với  
rừng già.  
Nắng lờ mờ rụng trên đầu viễn  
khách.  
Khách bước nhẹ theo con đường  
đỏ quạch,  
Gặp cụ già đang ngắm gió bâng  
khuâng.  
Đang đón mây xa.. Khách bỗng  
ngồi ngần :  
— Kính thưa cụ, vì sao Tha-la  
vắng ?  
Cụ ngao-nghe cười rung - rung  
râu trắng  
Nhẹ bảo chàng : “ Em chẳng  
biết gì tr ?  
Bao năm qua khát loạn phủ mịt  
mù !  
Người nước Việt ra đi vì nước  
Việt.  
Tha-La vắng vì Tha-la đã biết,  
Thương giống nòi, đau đất nước  
lầm than. ”

★

Trời xa xanh, mây trắng ngoen  
ngàn hàng.  
Ngày hiu quạnh. Ở... ở... ở...  
tiếng hát,  
Buồn như gió lướt, lạnh dài dốt  
khúc nhạc.  
Tiếng hát rằng : Tha-la giận  
mùa thu.  
Tha - la hận quốc thù.

Tha-La hôn quốc biển.  
Tha-la buồn tiếng kiếm,  
Nào nùng chưa ! Tha-La nguyện  
hy-sinh.  
Ở... ở... ở... Có một đám chiền  
lành.  
Quỳ cạnh Chúa, một chiều xưa  
lửa dậy.  
Quỳ cạnh Chúa, đám chiền lành  
run rẩy :  
— Lạy đức Thánh Cha !  
Lạy đức Thánh Mẹ !  
Lạy đức Thánh Thần !  
Chúng con xin về cõi tục để làm  
dân..  
Rồi... cõi trả áo tu,  
Rồi... xếp kinh cầu nguyện.  
Rồi... nhẹ bước trở về trần...  
Viễn khách ơi ! Viễn khách ơi !  
Người hãy ngừng chân.  
Nghe Tha-La kè, nhưng mà thôi  
khách nhé !  
Đất đã chuyển rung lòng bao  
thế-hệ.  
Trời Tha-la vẫn vũ đám mây  
tang,  
Vui gì đâu mà tâm sự ?  
Buồn làm chi cho bê bàng !  
Ở... ở... ở... ở... ở... ở...  
Tiếng hát ;

Rung lạnh lạnh, ngàn trăm đôi  
khúc nhạc,  
Buồn tênh - tênh, nào lòng lấm  
khách ơi !  
Tha-la thương người viễn khách  
đi thôi !

★

Khách ngoảnh mặt ghen-ngào  
trông nắng đỏ.  
Nghe gió thổi như trăng dương  
sóng vỗ.  
Lá rừng cao vàng rụng lá rừng  
bay..  
Giờ khách đi. Tha-la nhắn câu  
này :  
— Khi hết giặc, khách hãy về  
thăm nhé !  
Hãy về thăm xóm đạo  
Có trái ngọt cây lành.  
Tha-la dâng ngàn hoa gạo,  
Và suốt mát rừng xanh.  
Xem đám chiền hiền thương áo  
trắng.  
Nghe trời nổi gió nhớ quanh  
quanh...

**Vũ-Anh-Khanh**



**C**Ó nhiều người, không hiểu vì vô tình hay cố ý khi nhắc đến VŨ-ANH - KHANH, chỉ nói đến con người của tiểu thuyết hơn là con người Thơ của anh. Kể cũng đáng buồn cho thi nhân thật!

Tôi dùng hai chữ thi - nhân, bởi lẽ Vũ Anh Khanh còn sáng-tác cả thơ nữa — mà là những bài thơ có giá trị — chẳng hạn như bài THA LA (1) trên đây, đã được mọi người ca ngợi không ít. Như vậy, hẳn các bạn không còn gán cho tôi quá lạm dụng danh-từ chứ? Và bây giờ, các bạn hãy cùng tôi lần lượt đi sâu vào hồn thơ mênh mông, bát ngát của tác giả để cảm nhận những cái hay cái đẹp... được phô diễn dưới ngòi bút vô cùng linh động, sắc bén, qua từng sự vật, tâm-lý, tình cảm của Con Người trước những biến chuyển của cuộc đời, quê hương xứ sở:

— Đây Tha-La xóm đạo,  
Có trái ngọt, cây lành.  
Tôi về thăm một đạo  
Giữa mùa nắng vàng hanh,  
Ngậm ngùi, Tha-La bảo:

— Đây rừng xanh, rừ g xanh  
Bụi đùn quanh ngõ vắng  
Khói đùn quanh nóc tranh  
Gió đùn quanh mây trắng  
Và lửa loạn xây thành.

Đọc qua những lời thơ rất nhẹ nhàng, đơn giản ấy cũng đủ gọi cho ta một niềm đau xót sâu xa luyện nhớ khắp lòng. Từ một cuộc sống phẳng lặng, thanh-bình, thôn xóm an vui hương ruộng vườn của những người dân mộ đạo, bỗng chốc trở nên tiêu điều, buồn tẻ, lòng người ngán ngơ, sầu hận bởi loạn ly!

...Giữa lúc đó, thi nhân ta đang làm một kẻ du khách, đến thăm chốn đẹp rừng xanh, trái ngọt, dân hiền vào một trưa thì hơi ối! Mọi cảnh vật êm-đẹp, thơ mộng thuở nào đã không còn nữa, nơi nơi đắm chìm trong lửa loạn. Nhìn quang cảnh điêu tàn, thi-nhân không khỏi ngậm ngùi tất dạ, và tưởng chừng như mình đã lạc bước vào nơi hoang vu, xa lạ nào.

Trong khi tâm hồn còn hoang mang, bơ ngỡ vì những đổi thay quá lạ lùng ghê sợ ấy, bỗng thi-nhân có cảm tưởng như mọi cảnh vật nơi đây đang trở dậy chào đón, thì thăm hỏi chàng:

Về chi đây, Khách hỏi! Có ai chờ?

Ai đưa đón?

— Xin thưa, tôi lạc bước!

Không là duyên, không là bèo  
kiếp trước,

Không có ai chờ, đưa đón tôi  
đâu!

Rồi quanh hiu, khách lặng lẽ  
cúi đầu

Tìm hoa rụng lạc-loài trên  
vệ cỏ.

Những sự đối đáp của chàng viễn khách — thi nhân Vũ Anh Khanh — và tiếng nói vô hình của khí thiêng, sông núi xóm Tha La, kéo dài mãi suốt quãng đường nhỏ hẹp quanh co vào xóm, nhất là xa xa thoang thoảng tiếng địch ai oán vọng lại như kẻ lẻ, cảm hờn, khiến chàng viễn khách lòng thêm tê tái, sầu buồn khi nghĩ đến sự chém giết, phân ly:

Nhìn hoa rơi, lòng khách bỗng  
bâng khuâng.

Tha La hỏi:— Khách buồn nơi  
đây vắng?

— Không, tôi buồn vì mây trời  
đầy trắng!

— Và khách buồn vì tiếng gió  
đang hờn?

Khách nhẹ cười, nghe gió nổi  
từng cơn.

Gió vun vút, gió rợn rùng, gió  
rít.

Bỗng đâu đấy vắng véo von  
tiếng địch:

— Thôi hết rồi! Còn chi nữa  
Tha-La!

Bao người đi thề chẳng trở lại  
nhà.

Nay đã chết giữa chiến trường  
ly loạn!

Tiếng địch càng cao, nào nùng  
ai oán...

Buồn trưa trưa, lầy lất buồn  
trưa trưa.

Buồn xưa xưa, ngầy ngất buồn  
xưa xưa.

Lòng viễn khách bỗng dựng tê  
tái lạnh,

Khách rùng mình, ngán ngơ  
người hiu quanh.

Mãi bản khoăn với những cảm nhận của hồn thiêng xóm Tha-La vọng lại, viễn khách càng ngơ ngác, hồi hộp qua từng bước tiến vào xóm đầy sự lạ lùng, hiu quanh, thì may thay, chàng viễn khách gặp được một cụ già đáng điệu oai nghiêm, râu tóc bạc phơ, đang đứng đăm chiêu nhìn: trời, mây, non, nước... vội đánh bạo lại gần, kính cẩn

cúi chào, hỏi thăm hư thực thế nào, chẳng hay có đúng như những điều mà chàng vừa ước đoán lúc mới bước chân vào đầu xóm chẳng :

*Khách bước nhẹ theo con đường  
đỏ quạch*

*Gặp cụ già đang ngóng gió băng  
khuàng.*

*Đang đón mây xa... Khách  
bồng ngai gần :*

*— Kính thưa cụ, vì sao Tha-La  
vắng ?*

*Cụ ngạo nghề cười rung rung  
râu trắng*

*Nhẹ bảo chàng : « Em chẳng  
biết gì ư ?*

*Bao năm qua khỏi loạn phủ mù !*

*Người nước Việt ra đi vì nước  
Việt.*

*Tha La vắng vì Tha La đã biết,*

*Thương giống nòi, đau đất  
nước lâm than ».*

Sau khi nghe cụ già kể chuyện về Tha La với bao nỗi chua chát, đắng cay do lũ giặc bạo tàn đã dẫm lên đất nước thân yêu và sự cương quyết ra đi diệt giặc, đuổi chúng ra khỏi cõi bờ của toàn dân Việt-Nam, mà

dân Tha La là một trong những con người đầy quả cảm, biết thương yêu giống nòi, dành quyền sống còn cho con Người Việt, giải đất Việt mến thương ! Chàng viễn khách trẻ đại của chúng ta cũng thấy bùi ngùi, hổ thẹn thâm vì sự vô tư khờ khạo của chính mình, rồi tự nhủ lòng : chàng cũng cần phải lên đường, noi theo người dân Tha La nơi đây.

Thế rồi chàng cung kính xin phép già từ cụ già với những ý nguyện sẽ làm... dù không hy vọng làm nên những việc trọng đại bằng người khác !

Giữa lúc chàng đang lừng thững bước từng bước một theo con đường đất bụi đỏ quanh co dẫn vào thôn mà lòng nao nao... Đồng thời, tiếng vang của gió núi mây ngàn, quanh hieu của thôn xóm lửa loạn, kéo dài lê thê, như réo gọi, thúc giục lòng người dân Tha La yêu nước cần phải hy sinh tất cả để bảo vệ tổ quốc, vắng vắng bên tai chàng viễn khách :

*Trời xa xanh, mây trắng ngoen  
ngàn hàng,*

*Ngày hiu quanh. Ờ... ơ... hơ...  
tiếng hát.*

*Buồn như gió lướt, lạnh dạt đời  
khúc nhạc.*

*Tiếng hát rằng :*

*Tha - La giận mùa thu*

*Tha - La hận quốc thù*

*Tha-La hờn quốc biển,*

*Tha-La buồn tiếng kiếm,*

*Nào nùng chưa ! Tha La nguyện  
hy-sinh.*

*Ờ... ơ... hơ... Có một đám  
chiên lành*

*Quỳ cạnh Chúa, một chiều xưa  
lửa dậy.*

*Quỳ cạnh Chúa, đám chiên lành  
run rẩy :*

*— Lạy đức Thánh Cha !*

*Lạy đức Thánh Mẹ !*

*Lạy đức Thánh Thần !*

*Chúng con xin về cõi tục để  
làm dân...*

Sự tha thiết hy sinh vì tổ quốc của người dân Tha La thật là cao cả, thiêng liêng ! Khiến chàng viễn khách thi nhân của chúng ta nghĩ càng thêm xót xa, đau buồn, xen lẫn nguồn vui, hy vọng ở sự quật khởi của người dân Việt, ngày mai an vui no ấm sẽ trở về trên mảnh đất thân yêu. Và cùng sự ước hẹn với chàng viễn khách của chúng ta lên đường hôm nay, đến ngày đó, hãy nhớ về thăm lại xóm Tha La dịp hiền, thanh bạch và lúc ấy Tha La sẽ có đầy trái ngọt, cây lành, suối mát, rừng xanh cùng ruộng đồng nặng trĩu lúa vàng thơm tho dâng tặng chàng viễn khách mến thương :

*Giờ khách đi. Tha La nhân  
câu này :*

*— Khi hết giặc, khách hãy về  
thăm nhé !*

*Hãy về thăm xóm đạo.*

*Có trái ngọt cây lành.*

*Tha La dâng ngàn hoa gạo,*

*Và suối mát rừng xanh.*

*Xem đám chiên hiền thương áo  
trắng.*

*Nghe trời nổi gió nhớ quanh  
quanh...*



Bài Tha - La của Vũ Anh Khanh trên, chắc các bạn cũng như tôi đều công nhận là một bài thơ rất xuất sắc, hay về ý và đẹp lẫn lời. Những chữ và hình ảnh, thi nhân phò diễn thật vô cùng tài tình, linh động, làm người đọc đi từ bờ ngỡ này đến ngạc nhiên nọ, rồi từ những sự chua xót, đau buồn của Tình Người, Thế Nước loạn ly bởi lũ giặc man rợ, cướp nước đến một hoài vọng rất thiêng liêng, cao cả của cuộc đời Con Người bất diệt tồn tại !..

Chúng ta hẳn trang trọng và đề cao ! cùng gửi đến thi nhân lời khen tặng chân thành nhất !

NGUYỄN THU MINH

(1) Trích trong « Nửa bờ  
xương khô » cuốn tiểu thuyết đã bị  
cấm trong thời thực dân, phong  
kiến.

# MỒ HÔI NƯỚC MẮT



★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P. T. số 45)

TÓM TẮT KỶ TRƯỚC.—

Ánh nhớ lại một buổi tối Ánh đang ngồi bán hạt vịt lộn trước rạp Cầu-Muối, thì gặp Hoàng...

**H**OÀNG nghe lời Ánh, không nói lại một câu trong khi mặt cứ cheo - chéo cái mồm.

Trời Sài Gòn không giống như trời ở các nơi khác. Lúc nắng thì nắng chang chang như thiêu, như cháy, lúc mưa thì ào ào trút nước xuống trần gian như đại hồng thủy.

Thành phố đang khô ráo, thiên hạ đang đi chơi tấp nập ngoài đường, không có một báo hiệu gì là trận mưa sắp đổ. Rồi bỗng dưng ông trời động cơn thôi một cơn gió xào xào, trút một trận mưa xạt xạt, như một cái chổi mưa kết xù muốn quét tụi cả thành phố Saigon ra : ôi, xuống biển. Nhưng không lâu đâu. Chỉ mười lăm phút hay nửa giờ sau cơn diên rồ tràn ngập, là bỗng dưng trời tạnh mưa. Không còn rơi rớt một hạt nhỏ.

Hoàng ngó lên trời đã thấy lác đác năm ba ngôi sao. Đám người đụt mưa đã lần lượt kéo ra đường, lại ung dung đi chơi, hoặc bu lại các gánh hàng quà. Ánh kể vai vào đòn gánh, mỉm cười bảo Hoàng :

— Em bán hết rồi hạt vịt lộn và mấy con khô mực rồi em mới về.

Hoàng theo Ánh ra ngồi dưới trụ đèn, vì chỗ Ánh ngồi bán hàng lúc nãy đã bị nước mưa đọng lại một vũng.

Câu chuyện thân mật lại tiếp tục giữa đôi bạn cũ. Có khách đến ăn, Ánh rút bán hàng, Hoàng đến giúp Ánh trong vài công việc nhỏ, rót rượu mời khách, nướng

khô mực, rửa ly rửa đĩa trong một chậu nước. Khách đi rồi, hai người lại rủ rỉ trò chuyện. Hoàng hỏi :

— Má không đi bán với Ánh ?

— Má em bán ngoài bến tàu. Em rầu cho má em lắm anh ạ, dạo này bà mềo với một ông nào đó mà em thấy em ghét quá !

— Sao Ánh ghét người ta ?

— Người gì mà trông tá như du - côn ! Nghe nói chú ấy làm cai ở Bến-Tàu, không biết cai gì, mà coi bộ có nhiều " em út " làm phu khiêng vác. Anh biết không, bữa nọ ông đến nhà em nói với má em rằng ông sẽ giới thiệu cho em một người đàn ông có nhiều tiền !

Ánh cười, nói tiếp :

— Ông làm đâu như em thích những người đàn ông có nhiều tiền !

Hoàng cũng cười :

— Lấy chồng có nhiều tiền thì sung sướng chớ sao ! Nhiều tiền thì mua được nhiều hạnh phúc.

— Nhưng tùy theo trường hợp, tùy theo hoàn cảnh và tùy theo

người nữa, chứ anh !

— Theo tôi, thời buổi kim tiền, con gái bao giờ cũng muốn lấy chồng giàu, chứ có ai ngu dại gì mà đi lấy chồng nghèo.

— Phải, em cũng đồng ý với anh. Nhưng mà...

Có bốn người khách kéo đến ngồi ghế, bảo Ánh dọn ra một chục hột vịt lộn. Ánh đếm lại trong rổ còn đúng mười hai hột, liền cười mời khách :

— Cháu còn 12 cái, mời mấy bác dùng hết nhé ?

— Ủ, thì cô Hai cho hết 12 cái đi.

— Các bác uống rượu không ?

— Có chứ ! Cô Hai rót cho 4 ly.

Hoàng sốt sắng giúp Ánh, lấy bốn ly nhỏ trong thúng ra để trên ghế dài, lấy chai rượu để rót ra ly.

Ánh thì dọn ra hai đĩa hột vịt lộn, một đĩa rau răm, một đĩa muối tiêu. Trong lúc bốn người khách ăn nhậu và trò chuyện om sòm, Ánh lo thu dọn lẩn gánh hàng để sửa soạn đi về.

Nửa giờ sau, mấy người khách mới ăn xong. Ánh bảo Hoàng :

— Thôi em đi về đây, anh Hoàng. Em cảm ơn anh và chúc anh kiếm được việc làm thì em mừng cho anh.

— Tôi đưa Ánh về nhé.

Ánh tủm tỉm cười :

— Cảm ơn anh Hoàng, em về một mình được mà.

— Tôi đưa Ánh về cho vui.

— Dạ cũng được, nhưng sợ mất công anh đi xa.

— Đây về An-bình mà xa gì.

— Dạ... tùy ý anh.

Ánh kẻ vai vào đòn gánh bước đi nhẹ nhàng uyển chuyển... Hoàng vui vẻ đi bên cạnh.

Đọc đường, Hoàng hỏi tiếp câu chuyện dở dang lúc nãy :

— Má của Ánh dạo này có chồng khác rồi hả ?

Ánh cười rất tự nhiên :

— Hai ông bà lấy nhau thật sự rồi.

— Ông về ở nhà Ánh sao ?

— Chưa ở hẳn, nhưng đi đi về về luôn. Em ghét lắm.

— Sao Ánh ghét ?

— Coi bộ ông ta du côn ghé đi ! Mà nhậu nhẹt tối ngày, ăn nói tục tĩu lắm !

Ông có thương Ánh bằng Ba

của Ánh hồi trước không ?

— Thương cái nổi gì chứ ? Hạng người ấy mà biết thương ai ? Và lại em đâu có cầu ông thương ? Cái thứ cha ghẻ mà ăn thua gì, anh !

— Cha ghẻ cũng tùy theo hạng chứ. Cha ghẻ của thằng Bông sao vẫn cưng thằng Bông như con ruột đó thì sao ?

— Người ta có học có khác chứ. Với lại cũng tùy theo hoàn cảnh. Cái ông này thì em thấy mặt là em ghét, không hiểu tại sao ! Anh nghĩ coi ai đời ông cứ xúi má em bắt em đi làm chuyện tồi bại để kiếm tiền.

Hoàng ngờ ngác thực thà không hiểu :

— Chuyện gì tồi bại để kiếm tiền, hở Ánh ?

— Hoàng không hiểu sao ? Nhưng em đâu có chịu. Nhiều khi chán nản, em muốn xin phép má em cho em đi về ở quê của Ba em dưới Cần-thơ, nhưng má em không cho.

— Tại sao ?

— Tại Bà có một mình em là gái nhà bà không muốn xa em. Em xin bà cho em đi học nữa, bà cũng không cho.

— Sao thế ?

— Bà nói tiền đâu mà tiếp tục

học ? Bà hỏi em học nữa để làm gì, ai ở nhà lo cơm nước cho mà học ?

— Hay là Ánh kiếm công việc gì làm miễn đủ tiền nuôi sống để có thì giờ học thêm ? Tội mình đã lớn tuổi phải tự lập, chứ chẳng lẽ cứ như thế này mãi sao ?

— Anh Hoàng tưởng em không nghĩ đến việc đó sao ? Em cũng đã nhờ bạn bè kiếm giùm cho em một chỗ làm, như đứng bán hàng ban ngày để ban đêm tiếp tục đi học, nhưng kiếm chưa ra chỗ.

— Sao Ánh không tự mình đi kiếm việc ? Con gái để tìm việc hơn con trai. Như là Ánh có sắc đẹp nữa.

Ánh bẽn lẽn nói Hoàng :

— Em mà đẹp gì, anh !

— Ánh đẹp lắm chứ, tôi nói thật đấy, không phải nói nịnh đâu. Ánh đi xin việc làm chắc được liền.

— Thời buổi này thất nghiệp hàng đồng, xin việc làm đâu phải dễ, anh ! Em đăng vào mục "Tìm việc" trong báo, một tuần rồi mà chẳng có ma nào gọi hết ! Mấy con bạn của em, đồ T. H. Đ. N. C rồi, cũng nằm nhà một năm nay đó ! Em thấy em đi bán hàng rong thế này cũng

đủ sống được rồi, không cần phải đi làm đâu cả.

Câu chuyện đến đây thì đôi bạn đã gần đến nhà Ánh. Còn cách nhà độ mươi thước Ánh dùng bước, mỉm cười ngó Hoàng :

— Cảm ơn Hoàng đã đưa em đi một quãng đường xa.

Hoàng muốn đưa Ánh đến tận nhà nhưng Ánh bảo :

— Thôi, Hoàng à. Em không muốn hàng xóm trông thấy em đi với một chàng trai nào. Cảm ơn Hoàng, và chúc Hoàng về ngủ ngon nhé !

Ánh bước đi một mình, dịu hiền duyên dáng với gánh hàng nhẹ nhõm. Hoàng đứng lặng lẽ nhìn theo cho đến khi Ánh quẹo vào ngõ hẻm còn quây lại mỉm cười..

Gần một giờ khuya. Hoàng đứng đỉnh đi về, đầu óc liên miên nghĩ ngợi.

Chín giờ sáng hôm sau, Hoàng trở lại nhà Ánh. Ánh nóng lạnh, nắm mê man trên giường tre, trùm mền kín-mít. Hoàng vừa lắp ló toan bước vô cửa thì gặp Má Ánh trong nhà đi ra :

— Cậu hỏi ai ?

Hoàng ngượng-ngượng đáp :

— Dạ, thưa bác, cháu hỏi... cô Ánh.

Bà Tư Rõ (Bà con hàng xóm thường gọi Má Ánh như thế vì hồi nhỏ bà đau trái rạ bị rỗ mặt), dăm dăm ngó cậu con trai lạ mà bà chưa gặp lần nào, coi bộ cũng nghèo nhưng mặt mày hiền lành dễ thương. Bà hỏi tiếp :

— Cậu là ai ?

— Dạ, thưa bác, cháu là bạn học cũ của cô Ánh ở trường Chợ quán.

— Mời cậu vô nhà. Con Ánh nó đau, nó nằm kia. Cậu hỏi nó có việc chi ?

Hoàng thấy Ánh nằm trùm mền trên chõng tre, không quấy cựa. Hoàng buồn bã, xót thương, nhưng không dám đến gần hỏi thăm cô bạn gái. Cậu chỉ hỏi bà Tư Rõ :

— Thưa Bác, cô Ánh đau sao ?

— Tại nó đó ! Hôm qua nó đã nóng lạnh, tôi biểu nó ở nhà đừng đi bán, mà nó không nghe lời tôi. Nó sợ nghỉ bán hàng một bữa thì không có tiền, cứ đòi đi rồi bị mắc mưa, khuya về nóng lạnh, nằm miết tới bây giờ đó.

— Thưa bác, Ánh có uống thuốc không ?

— Hồi nãy tôi thấy nó rên quá.

rờ đầu nó thấy nóng hực, tôi lấy đầu Nhị-thiên-đường cho nó uống vài giọt.

— Thưa bác, ở nhà có kí-ninh không ?

— Làm gì có. Phần thì tôi cũng muốn đau, tôi cũng nóng lạnh hai ba bữa rày mà phải cố gượng dậy đi chợ mua đồ về bán, chớ không lẽ hai mẹ con nằm mẹp hết sao !

Hoàng ngậm ngùi thấy cảnh nhà của Ánh xót xa ảo não như thế. Cậu đánh bạo nói với bà Tư :

— Bác cho phép cháu lại hỏi thăm cô Ánh một chút.

Bà Tư Rõ không muốn thế, nhưng thấy cậu học trò nói năng lễ phép bà cũng gạt đầu :

— Ừ.

Hoàng bước đến gần giường Ánh. Bà Tư ngó theo cử chỉ của cậu. Ánh nằm quây lưng ra ngoài, trùm mền kín đến cổ, làn tóc dài đen nhánh bỏ xỏa xuống giường. Ánh đang mê man bất tỉnh, Hoàng khế rờ tay lên trán, thấy nóng như lửa. Ánh thờ một nhọc, đôi mắt nhắm riết dưới hào xinh đẹp lạ thường, xinh đẹp hơn lúc Ánh khoẻ mạnh. Hoàng thương Ánh quá.. Nhưng cậu vội

vàng quay ra, chào Bà Tư :

— Thưa bác, cháu về.

— Cậu ngồi chơi đã.

— Dạ thôi, cảm ơn Bác.

— Cậu tên chi, hỏi con Ánh có chuyện chi không, nói cho tôi biết để chừng nào nó khoẻ dậy tôi nói lại.

— Dạ, thưa bác, cháu là Hoàng. Cháu đến thăm bạn học cũ, chớ không có chuyện chi hết. Thôi cháu xin phép bác.

Hoàng lễ phép chấp hai tay trước ngực cúi đầu chào bà Tư rồi bước ra cửa. Bà Tư trở vô nhà dọn dẹp sơ sài vài nơi, rồi cầm cái thúng đến gần giường con gái. Bà khế đập vai cô :

— Ánh ! Ánh !

Ánh mê man, không trả lời. Bà lại gọi tiếp. Ánh quấy cựa, bà bảo :

— Má đi chợ đây nghe con ?

Ánh chỉ rên mấy tiếng, rồi nằm yên trở lại, coi bộ uể oải lắm. Bà Tư ra đi, sau khi khép cánh cửa gỗ.

Cánh cửa làm bằng mười tấm ván thùng sừa con chim ghép lại, và bồi giấy nhựt trình phía trong kín mít.

Vào khoảng 12 giờ trưa, Hoàng lại đến. Cánh cửa gỗ vẫn

khép, Hoàng đánh bạo gõ hai tiếng. Một lúc cửa hé mở, để lọt vào tia nắng trong căn nhà tối om và ẩm thấp. Người mở cửa là Bà Tư. Hoàng ngó vào nhưng vẫn thấy Ánh còn trùm mền nằm trên chõng tre.

Bà Tư tỏ vẻ không bằng lòng thấy cậu học trò trở lại. Bà thoáng nghi ngờ cậu này có tình ý gì với con gái bà. Bà bảo :

— Con Ánh, nó còn đau.

Hoàng móc trong túi áo sơ mi, lấy ra một trăm năm chục đồng bạc, với cử chỉ ngưng nghịu và sợ sệt, đưa bà Tư :

— Thưa bác, cháu xin gửi bác số tiền này nhờ bác trao lại Ánh.

Bà Tư chưa cầm xấp giấy bạc, nhưng nét mặt bà hơi tươi tắn hơn một chút, bà hỏi :

— Tiền gì đây ?

— Dạ thưa bác, tiền này là tiền. .

Hoàng ấp úng vài câu bịa đặt :

— Dạ... tiền của cháu mượn Ánh hồi trước, nay cháu đem trả Ánh.

Bà Tư không hiểu, vì bà biết rằng con gái bà làm gì có tiền cho ai mượn ? Cho một cậu học trò mượn đến một trăm năm chục đồng là một món tiền lớn đối với gia đình bà là chuyện

hơi lạ, bà hỏi :

— Tiền gì, nó cho cậu mượn hồi nào ?

— Thưa bác... hồi năm ngoái.

Hoàng bỗng thấy mình không thể đặt chuyện nói láo với má Ánh hơn nữa và thấy má Ánh đã nghi ngờ, cậu liền trao tiền cho bà, và nói vội vàng để từ già :

— Thưa bác, nhờ bác đưa lại cô Ánh.

Cậu lại móc trong túi áo lấy ra một ống thuốc viên :

— Thưa bác, đây là thuốc thương hàn, cháu xin gửi Bác để Bác và cô Hai uống. Cháu xin phép bác, cháu về.

Hoàng vội vàng ra đi, sau khi đã đưa Bà Tư cầm số bạc và ống thuốc viên trừ bệnh nóng lạnh.

Bà Tư Rõ mừng thầm được tình cờ số bạc một trăm năm chục đồng tuy bà chưa biết là tiền gì của cậu học trò lạ gửi đưa con gái bà. Bà vào bếp nấu nồi lá xông cho Ánh. Tuy bà tin rằng xông lá thì hết cảm sốt vì đó là môn chữa bệnh rẻ tiền nhất của nhà nghèo và thường là hiệu nghiệm nhất, nhưng khi xông rồi bà cũng lấy ống thuốc đưa Ánh :

— Con coi có phải là thuốc nóng lạnh không ?

(Còn nữa)

LATTER - DAY WARNINGS

When legislators keep the law,  
When banks dispense with bolts and locks,  
When berries, whortle-rasp-and straw —  
Grow bigger downwards through the box, —

When he that selleth house or land  
Shows leak in roof or flaw in right, —  
When haberdashers choose the stand  
Whose window hath the broadest light, —

When preachers tell as all they think,  
And party leaders all they mean, —  
When what we pay for, that we drink,  
From real grape and coffee-bean, —

When lawyers take what they would give,  
And doctors give what they would take, —  
When city fathers eat to live,  
Save when they fast for conscience sake, —

. . . When publishers no longer steal,  
And pay for what they stole before, —  
. . . But when you see that blessed day,  
Then order your ascension robe !

OLIVER WENDELL HOLMES

(Thi sĩ Mỹ, 1809-94)

(Xem bài dịch trang 112)

## BAO GIỜ

Người đặt luật mà tuân hành đúng luật ;  
Cửa ngân-hàng mà lỏng khóa, lơi then ;  
Cây trong thùng mà rề mọc đâm lên,  
Ngọn lửa xuống thâu xuyên qua đáy hộp ;

Nhà muốn bán mà phô khoe mái dột ;  
Đất đem nhượng mà bảo giấy tờ gian ;  
Hãng rộng thênh thang, phố đẹp huy-hoàng  
Mà dọn bán kìm, đinh, thùng, cúc... lẻ ;

Người thuyết-giáo mà lời theo sát ý ;  
Chính-trị-gia mà ghét sự tuyên-truyền ;  
Ly rượu ngon mà xứng với đồng tiền-  
Nho nguyên chất, cà-phê không trộn đậu ;

Thầy-kiện mà chê những phường ăn lậu ;  
Thầy thuốc mà thương những-bệnh nhân nghèo ;  
Kẻ ngồi cao mà chẳng tạp như heo  
(Trừ những lúc.. lương tâm đòi nhịn bớt) ;

Nhà xuất-bản mà yêu người tác-trước,  
Nhà đòi phần đã cướp được xưa kia...  
— Thì, Bạn ơi, miệng huyệt đã gần kề,  
Bạn hãy sắm nhanh đi, quần áo liệm !

THANH . THANH dịch



## \* TONNE-MASSE... và SECONDE D'HEURE...

(của ông Nguyễn quốc Lộc, 55, Đồng Khánh, Đà Nẵng)

... Về câu trả lời bạn Giảng-Thuyền, Phan-Rì, (trong Phổ-Thông số 45) Hệ thống đơn vị M.T.S. mà có trả lời là « đơn vị Mètre, Tonne-masse, Seconde d'heure » (Mét-Ton-Giây) thì buồn cười quá ! Tonne-masse là cái gì ? seconde d'heure, thật là một quái ngữ Pháp do cô bịa đặt ra phải không ? Có chớ nên tự phụ cho rằng mình biết tất cả để trả lời bừa-bãi như thế. Trả lời như cô là dốt..

● ĐÁP : Theo Mesures Légales Françaises (Đạo luật ngày 14 Janvier 1948) có đến 8 Unités (Đơn vị) :

- I Unités géométriques (Đơn vị hình học : a) đường dài, b) diện tích, c) thể-tích, d) lượng, e) góc)
- II Unités de masse (đơn vị khối)
- III Unités de temps (đơn vị thời gian)
- IV Unités mécaniques (đơn vị máy)
- V Unités électriques (đơn vị điện)
- VI Unités calorifiques (đơn vị nhiệt)
- VII Unités optiques (đơn vị quang)
- VIII Monnaie (tiền tệ)

Vì vậy cho nên, trong bản thống kê các đơn vị chính của hệ-thống C.G.S. (centimètre, gramme, seconde — Phân — gam — giây) các nhà Bác học đã phải kê rõ ràng : Unités de masse :

Gramme — masse (1/1000kg).

Kilogramme — masse (1/1000 t.)

Tonne — masse. (1000kg.)

để phân biệt với Unités mécaniques :

Tonne — poids (gần 9,8 Sthènes)

Kilog — poids (0, 98 csn)

Gram — poids (0, 98 cimsn)

về SECONDE, cũng có :

SECONDE D'HEURE (Unité de temps) = 1 S., để phân

biệt với :

Seconde d'angle (Unité géométrique) = 1/60'. Chỉ có MÈTRE là đơn vị của bề dài, không cần phân biệt mà thôi vì không trùng với đơn vị nào khác.

Trong Tự-điển Larousse Bách Khoa Thế kỷ XX, Bộ 4, (I-M) trang 1030, cũng ghi rõ như sau đây :

M.T.S. = *Système d'unités ayant pour base : le mètre, la tonne-masse et la Seconde d'heure.*

⊗ Trong thư ông cho chúng tôi là dốt, thì, vâng, chúng tôi xin chịu là dốt. Chúng tôi không bao giờ tự-phụ là thông-thái.

### ★ Râu ai mà cứ cắm vô cằm mình!

(của Thi-sĩ Quách-Tấn, Nha-Trang)

.. Trong thời kỳ chiến tranh, ở Bình-Định thường sản-xuất thi ca châm-phúng, mà thời nhân gọi là « thi ca phản-động », như bài « Chú phình... chính phũ... » là một.

Tác-giả những bài « phản-động » ấy là ai, thật không mấy ai biết rõ. Nhưng phần đông bà con trong tỉnh đều gán chúng cho tôi, khiến tôi được những người ghét Việt-Minh thương cũng nhiều, mà bị những người thương Việt-Minh ghét cũng lắm. Còn các cán-bộ thì hầu hết rất căm giận. Những khi tôi bị bắt an-trí, các ông công-an, các ông chúa nhà giam thường đem những tác-phẩm ấy ra để « nạo tư-tưởng » tôi. Có lần tôi kính-cần cải-chánh :

— Thưa không phải của tôi.

Một tiếng quát :

— Không phải của ông thì của ai ?

Vì không biết của ai nên tôi đành lạng-lẽ xuống nhà giam « tu dưỡng ».

Năm 1955, ngày Quốc-Gia tiếp thu Bình-Định, nhiều bạn ở xa đến hỏi tôi về những bài « thi ca phản-động » ấy. Tôi thành thật thưa :

— Không phải tôi là tác-giả.

Một ông bạn vỗ vai tôi, cười :

— Thời-thế đã đổi thay, còn sợ bị bắt đi an-trí nữa sao mà không dám nhận ?

Tôi đáp :

— Bị bắt an-trí không đáng sợ bằng bị mang tiếng bất liêm

— Vì sao lại mang tiếng bất liêm ?

— Vì nhận của người làm của mình.

Ông bạn nhìn tôi mỉm cười. Tôi cũng nhìn ông bạn mỉm cười..

Năm năm qua.

Nay đọc tạp-chí Phò-Thông của anh, số 45 trang 127, thấy đăng bài « Chú-phình... chính-phũ... » với mấy lời giới thiệu của bạn Trần-Hung ở Bồng Sơn, nói rằng : « tác-giả chính là thi-sĩ Quách-Tấn làm trong khoảng thời-gian Q.G. tiếp thu B.Đ. » Tôi buồn tởm tạp-chí, nằm gác tay lên trán, lòng tự nhủ lòng :

— Nhất định kiếp xưa mình là cằm đàn bà, còn thơ kia là râu đàn ông, nên kiếp này cứ tìm mình mà cắm mãi !.. »

### ★ của BẠN A. H. SAIGON (Tự do kết hôn)

« Em có quốc tịch Pháp, năm nay 21 tuổi, đang yêu một cô gái Trung-Hoa (đã nhập Việt tịch) vừa đáng 20 tuổi. Vì gia đình đôi bên cản trở. Ba má em muốn đôi bên phải môn đăng hộ đối, bên cha mẹ người yêu của em thì không thích làm sui gia với người Việt) nên chúng em định cưới nhau khỏi cần thỏa thuận của đôi bên, vì hai đứa đã đến tuổi thành niên. Vậy chúng em có thể làm giấy hôn thú bên Việt-Nam hay Pháp ? và tại đâu, làm cách nào, nhờ ông chỉ bảo giùm tất cả luật lệ, em rất cảm ơn Ông.

Thật thà chúc Ông và quý báo tiến mãi trên bước đường phụng sự văn hóa Việt-Nam »

● **ĐÁP :** *Rất có thể tự do hôn nhân. Nhưng bạn nên giao cho một Luật-sư lo về vụ ấy thì hơn.*





# ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

## ★ ĐIỀU-HUYỀN

### ★ Cô Kim.Loan, Nguyễn Thiện Thuật, Saigon

Bột D.D.T. do danh-từ Khoa-học Dichloro Dyphényl Trichloréthane. là một thuốc bột trừ sâu bọ, đã được chế ra từ năm 1874. Người ta cũng gọi nó là *Gésarol*.

### ★ Bạn Nguyễn Đăng, 115/55 Phát-Diệm, Saigon.

● Câu « Je pense, donc je suis » nguyên-văn latin : *Cogito ergo Sum* là của Descartes chứ không phải của J.P. Sartre.

● Về câu « *To be or not to be...* » của Shakespeare, theo nguyên bản còn thêm một câu sau đây nữa mới đủ nghĩa : *that is the question*. Dịch ra Pháp-văn là « *Être ou ne pas être, voilà la question* ». Tiếng Việt : *Phải hay là không phải : đó là cả vấn đề*.

Xin nói thêm rằng động từ *to be*, « être », rộng nghĩa lắm. có thể dịch ra tiếng Việt bằng một trong những động từ sau đây : là, ở, phải, có, v.v...

### ★ Bà Ngọc Dung, Phú-nhuận.

● SEATO : Chúng tôi đã coi kỹ lại là South East Asia Treaty Organization, chứ không phải là *Troop Organization*. Chúng tôi cũng

đã viết lầm là *territorial*. Pháp đòi lại là : O.T.A.S.E. (Organisation du Traité de l'Asie du Sud-Est). Chữ NATO là North Atlantic Treaty Organization: Pháp đòi lại là OTAN. (*Organisation du Traité de l'Atlantique Nord*) (*Larousse Encyclopédique du XXè Siècle*, — *The Merriam - Webster*).

### ★ Ông Trang-quang-Hồng. Sài Gòn.

● Ông Lê-Thanh-Nghị, phó thủ-tướng miền Bắc không phải là ông Thanh-Nghị, tác-giả tự-diễn ở Saigon.

● Hoàng thân Souvanna Phouma, Vương quốc Lào, và Hoàng-thân Souphannouvong, lãnh tụ Pathet Lào, là hai anh em.

● Bà Tống-Khánh-Linh, vợ Tôn Văn, là chị ruột của bà Tống Mỹ-Linh, vợ Tưởng-giới-Thạch.

● Chúa Jésus Christ, con của bà Maria và ông Joseph, là theo thực tế Lịch-sử. Theo Giáo điều Gia-tô thì Chúa Jésus Christ là con của Đức Chúa Cha (chúa Trời) đấng Tối cao khai thiên lập địa, và Chúa J.C. là hiện thân của Chúa Cha.

### ★ Cô T.T. Thu Thảo, Kotum

Chúng tôi rất thông cảm hoàn cảnh của cô, nhưng rất tiếc không thể giúp cô cách nào được.

### ★ Bạn Thùy Lan, 72 Trương - Nữ - Vương Đà - năng

● Bên Pháp và bên Mỹ. có nhiều trường Đại-học Y-Khoa, chứ không phải một. Chúng tôi không nhớ địa chỉ.

● Muốn mua các sách Médecine của Pháp, bạn cứ viết thư hỏi nhà sách Xuân-Thu, đường Tự-do Saigon.

● Về vụ bạn dùng Võ Judo lỡ đá chết tên trộm trong nhà bạn trong đêm ấy, bạn nên hỏi Luật-sư, vì tùy theo trường hợp.

### ★ Ô. Nguyễn nhựt Cao, Bazar Lê-Hoàng, Ô-Môn, Phong-Dinh.

Về bức thư của cô gái Nhựt Fusako, vị hôn thê của người anh của ông, hôm nào rồi ông lên Saigon, chúng tôi trao lại. Bức thư ấy đã được dịch hộ cho ông rồi. Anh của ông đã chết năm 1958, ông cũng nên trả lời cho cô Fusako biết. Tôi không gặp giáo sư Watanabe ở 374 Hai Bà Trưng.

☆ **Ô Điều Quân 96A Phan Ngũ, Dakao, Saigon**

● Sex-appeal = có duyên dáng rất khéo gợi, rất quyến rũ. Cô Đào « Văm » là do chữ *Vamp* (viết tắt của chữ *Vampire*) người đàn bà chuyên môn quyến rũ đàn ông về tình dục.

● Tiếng Anh hiện nay thông dụng nhất.

● Quyền *Initiation à la vie conjugale* của Pierre Ségur.

Ông có thể nhờ nhà sách Xuân Thu gửi mua bên Pháp.

☆ **Bạn Thiện Phúc — Huế**

Rouget de Lisle, là người đã đặt ra bài quốc ca Pháp, La Marseillaise năm 1792. Đại Úy công binh, đóng ở Strasbourg, (1760-1836).

☆ **Một nhóm học sinh đệ IV, Tăng Bạt Hổ, Bồng Sơn**

Chữ « mây ngài » là do chữ *nga-mi* = râu con ngài, là con tằm hóa ra bướm có râu nhỏ và dài như tơ. Lông mây con gái đẹp như râu con ngài.

Nói « ngài-mi » là sai, không có nghĩa. *Ngai*, chữ Hán chỉ có nghĩa là ngu-dần, đần-dốn, vụng-về.

☆ **Ô Phạm-H-Chương, đường Trương vĩnh Ký — Bình Dương**

● Ông bị nám phổi « *Lésions* », đang chạy chữa, không nên nằm với đàn bà theo cách thức như ông nói, rất có hại, cứ tự nhiên, nhưng phải hạn chế.

● Thuốc B.C.G. nên đề Bác-sĩ chích cho các em.

● Ông có thể gửi P.T. đến tòa Báo, chúng tôi nhờ thợ chuyên môn đóng cho ông. Mỗi bộ 45\$ bì da, tên bằng chữ vàng in ở gáy.

☆ **Ô Trần nguyên K.H. 27 Lê văn Duyệt, Quảng Trị**

Tổng Thống đầu tiên của Hiệp chúng quốc Mỹ là George Washington, (1732-1799). Sẽ có bài nói đầy đủ, trong một số khác.

☆ **Cô P.T.L.H. Trần Hưng Đạo — Huế**

— Thành thực cảm ơn bức thư hôm 5-10. Rất cảm động, không thể phúc đáp bằng thư riêng, vì còn bận quá. Rất tiếc không có ảnh. Đã gửi bảo dĩa N.T.H.K. « có chữ ký », chắc lần này không thể bị thất lạc được nữa.

● **Ô. Lê - Nghĩa, giáo sư, Dalat**

Ông coi hết chuyện M.H.N.M. sẽ hiểu « tại sao ông giáo sư Ngọc-Minh yêu Anh ». Bây giờ trả lời cho ông, sớm quá.

● **Ô. Kiều thế Long, — Paris.**

Xin thành thật cảm ơn bài của ông : « Sao gọi là Học giả ? » nhưng không tiện đăng, vì chúng tôi không muốn mấy kẻ mệnh danh là « Học giả » đó có thể hiểu lầm thái độ của P.T. tạp chí. Xin ông và các bạn gửi cho những bài khác. Chúng tôi rất hoan nghênh.

\* **Ông Nguyễn-Xuân.Thu, 24 Nguyễn-bính-Khiêm Huế.**

Danh từ Việt-nam : « *Bác-sĩ* » chỉ về thầy thuốc, đáng lẽ phải nói *Y-Khoa Bác-sĩ* mới đúng (Docteur en Médecine). Còn chữ *Bác-sĩ* có thể là nhà Bác-học, cho nên có thể nói *Bác-sĩ Von Braun*, *Bác-sĩ Stempfeld*, và các chức *Bác-sĩ danh-dự* (Docteur Honoris causa) như Nehru, Syman Rhee, v.v...

\* **Bạn Anh Thi, Đệ tam B<sup>1</sup> Bán Công-Huế**

VIBVJOR = Violet, Indigo, Blue, Vert, Jaune, Orangé, Rouge.

● **Ông Trần - trọng - Hồng — nhà may Hà-nội? — Long-Khánh**

Chúng tôi có gửi báo đến ông nhưng bị sở Bưu-điện Long-khánh hoàn lại. Vậy xin ông cho chúng tôi biết địa chỉ rõ ràng hơn. Đường gì ? số nhà mấy ?

● **Ông Huỳnh kỳ Tử—đại lộ Trần hưng Đạo, Saigon**

Ông muốn chép những toa thuốc di-truyền của ông thì chép bằng mực gì lại không được, như các thứ mực bút máy chẳng hạn, không làm sao phai được và viết trên giấy gì cũng được. Nhà in nào trong Chợ-lớn cũng có chữ Tàu.

● **Đại Úy Nguyễn Phu — Thành Nội, Huế**

Chúng tôi rất tiếc không biết gì về các kỳ xổ số Tombola.

**ĐÍNH CHÍNH**

Trong *Phò - Thông số 44*, bài « góp ý kiến về chuyện Tháp Chàm Po Klong-Garai », trang 78, dòng 7 cột 1, đoạn: xây cất từ thế kỷ thứ IX, xin đổi lại là: thế kỷ XI. Dòng 29, năm Kỷ Dậu (1966), xin đổi là năm Kỷ Dậu (1069).

P.T. tạp chí

## TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM DƯƠNG LỊCH

### ★ **Bạn V.B.T. — Saigon**

Ngày 10-10 âm lịch năm Canh Thìn nhằm ngày Chúa nhật 10-11-1940 D.L.

### ★ **Bạn Lê hữu Nhụy — khu nam Công Chánh — Cần thơ.**

— Ngày 25-4-1923 là ngày 10 tháng 3 âm lịch năm Quý Hợi, tháng Bính Thìn, ngày Mậu Thìn.

— Ngày 25-4-1925 là ngày 3 tháng 4 âm lịch năm Ất Sửu, tháng Tân Tỵ, ngày Kỵ Mẹo.

### ★ **Bạn Nguyễn khắc Mẫn — Trường Q.G.S.P. — Cholon**

Ngày 17-7-1938 nhằm ngày 20 tháng 6 âm lịch năm mậu Dần, tháng Kỵ Vị, ngày Canh Tuất.

### ★ **Cô Nguyễn thị Dung — đường Nguyễn-Du — Bình-Dương.**

— Ngày 6-5 âm lịch năm Giáp Tuất = Dimanche 17-6-1934 12 giờ khuya là giờ Sửu.

— 20-12-1938 D.L là ngày 29 tháng 10 năm mậu Dần, tháng Quý Hợi, ngày Bính Tuất — 1 giờ trưa là cuối Ngọ Sang Mùi

— 3-10-1941 D.L là ngày 13 tháng 8 âm lịch năm Tân Tị — 8 giờ tối là giờ Tuất.

— 6-6 âm lịch năm Ất Dậu = Samedi 14-7-1945 — 5 giờ sáng là cuối giờ Dần.

— Ngày 19-2 âm lịch năm Quý tị = Jeudi 2-4-1953

### ★ **Ông Nguyễn văn Ân — Pleiku**

— Ngày 10-1-1936 D.L. là ngày 16 tháng chạp năm Ất Hợi, tháng Kỵ Sửu, ngày Tân Mão — 8 giờ sáng là giờ Thìn, 8 giờ tối là giờ Tuất.

### ★ **Bạn Nguyễn mạnh Đôn — Quốc học — Huế**

— Ngày 1-3 âm lịch năm Đinh Hợi = Lundi 21-4-1947

— 28-10 âm lịch năm Kỵ Mão = Vendredi 8-12-1939

— 29-9 âm lịch năm Kỵ Vị = Dimanche 24-10-1943

### ★ **Ông Dương-Yến — Đà nẵng**

— Ngày 5-4 âm lịch năm Mậu Dần = Mercredi 4-5-1938

— Ngày 3-7 âm lịch năm Đinh Dậu = Lundi 20-7-1957

### ★ **Ông La-Canh-Khang — đường Đặng Dung - Saigon**

— Ngày 9-9 âm lịch 1937 = Mardi 12-10-1937

— Ngày 27-9 âm lịch năm Quý Hợi = Lundi 5-11-1923

NGUYỄN - TRIỆU



- Những Phật-tử muốn học tập đúng lời Phật dạy, muốn góp phần chấn hưng nền văn-hóa Phật-giáo nước nhà
- Những nhà nghiên-cứu muốn tìm hiểu chân-lý cao thâm của Đạo-Phật
- Những văn-nghệ-sĩ muốn bảo tồn quốc-hồn, quốc-túy trong công trình sáng tạo của mình
- Những ai đang khao-khát tìm một chỗ nương tựa tinh thần, một lý tưởng cho cuộc đời
- Những ai muốn biết tin tức Phật-giáo nước nhà và thế giới

HÃY XEM : **LIÊN-HOÀ NGUYỆT-SAN**

- Có phát hành tại chùa Xá-Lợi, Ấn-Quang Saigon, và các chùa Phật-giáo cùng các nhà sách Phật trong nước.

Thư từ liên lạc xin đề :

Thầy THÍCH ĐỨC TÂM

Tổng Thư-Ký Liên-Hoa Nguyệt-San

66 đường Chi-Lãng

Hộp thư 24

HUẾ

KỶ NIỆM ĐỆ NHỊ CHU NIÊN  
của tạp chí **PHỔ-THÔNG**

★ **NGUYỄN-ANG-CA**

**M**ỘT buổi gặp gỡ rất thân-  
mật và hào-húng gồm đủ  
mặt anh chị em biên-tập-viên và  
một số thân-hữu của *Phổ-Thông*  
*Tạp-chí*, trên 50 người!

Về phía phụ-nữ, có những bạn  
duyên - dáng của *Phổ - Thông*,  
Cựu hoa-hậu **THU - TRANG**,  
và nữ ca-sĩ Cổ-nhạc **LÊ - LIẾU**,  
Nữ ca-sĩ **LÊ - THANH**, có làn  
hơi thiên phú cũng vui-vẻ đến  
chúc mừng *Phổ-Thông*, và các cô  
giáo **THIÊN - KIM**, **PHẠM-  
THỊ-HIỆP**, **THU - LANG**,  
**NGÔ-T-CÚC**, **BÍCH-NGỌC**,  
**THANH - TÂN**, **NGUYỄN-  
THỊ-ÚT**, **NGUYỄN - THỊ-  
VÂN**, Nữ-sĩ **THƯỜNG-LẠC**,  
Nữ-sĩ **TRÚC-LIÊN**, tất cả đều

vui tươi, và đều đã sốt sắng góp  
phần-văn nghệ trong *Tạp-chí Phổ-  
Thông* Cô **PHẠM BẠCH-YẾN**  
Thư ký Văn phòng, duyên dáng  
và lanh-lợi, niềm-nở đón tiếp các  
bạn và sắp đặt chỗ ngồi.

● Vừa thấy chiếc áo màu vàng  
chói rực của **THU - TRANG**,  
Việt-Nhân suýt xoa :

— Anh hai Sáng (chủ nhà hàng  
Thanh-Thế) như cho thấp thêm  
35 ngọn đèn 100 nến!

Đại-huynh **VƯƠNG-HỒNG-  
SẼN** lấy nĩa gõ vào thành ly, ư ư  
ngâm :

— Gái một con trông mồn con  
mắt!

Bác-sĩ **HOÀNG - MỘNG-  
LƯƠNG** thì cười he - hé, nhìn  
chiếc áo vàng của cô **Thu-Trang**

mà muốn ngâm lên câu thơ  
của anh **Nguyễn-Vỹ**, (sửa lại một  
chữ) :

Thu ơi, ai nhuộm áo Thu vàng?

Thi-sĩ **ĐÔNG-XUYÊN**, và  
nhà Văn **VI - HUYỀN - ĐẮC**  
ngồi bên cạnh, cười đỏ mặt... đỏ  
mũi (Martell hể !)

● Nữ ca sĩ **LÊ - LIẾU** chủ  
phòng trà **Lệ-Liêu** ở giải trí trường  
**Thị Nghè**, có một lúc đầu nặng  
phải nằm nhà thương **Grall**. Khi  
nhà văn **Bình-nguyên-Lộc** cùng  
thi-sĩ **Hà liên Tử** vào thăm **Lệ-  
Liêu** thì nghe Bác-sĩ căn dặn  
**Lệ-Liêu** phu tướng rằng :

— « Défense de baiser aux  
becs ».

Tối hôm 1-11, gặp chúng tôi,  
**Lệ-Liêu** cười :

— Lúc này em mạnh rồi!

— Anh nhà còn « đẽ-phăng »  
không chị ?

— Chúng em hết « couvre-feu »  
từ lâu rồi mà!

● Từ lâu, chúng tôi được nghe  
anh bạn **VŨ-VĂN-TĨNH**, một  
viên chức cao cấp ở Bộ Thông  
Tin, vốn là một tay cự phách  
trong nghệ - thuật ca nhạc. Mà  
quả thật, đối diện với người đẹp  
**Lệ - Thanh**, khi trình bày nhạc  
phẩm xư **Phù Tang** : **HONANO  
PEKINO**, anh **VĂN TĨNH** đã  
làm ngạc nhiên cử-tọa, với một

giọng ca trầm buồn riêng biệt,  
như « *Thương cho đời hoa, tiếc  
cho đời hoa, hoa ơi sao không thêm  
sắc, ngát hương ? Hoa ơi hoa,  
sao nữ chóng tàn...* » Cựu hoa-  
hậu **Thu-Trang** khi nghe anh **Tĩnh**  
ca, đã mơ màng đôi mắt phượng  
và chép miệng khen :

— Anh ấy là ai mà ca hay quá?

● Thi-phẩm « *Tiền em...* » của  
**Cung-Trầm-Trưởng** đã được bạn  
**Minh-Tâm** ngâm lên với một giọng  
đặc-sắc và tiếp theo, nữ ca sĩ **LÊ-  
THANH** trình bày nhạc phẩm  
« *Tiền em chưa bao giờ buồn thế* ».

Nếu giọng ngâm thi của **Minh-  
Tâm** buồn bao nhiêu thì giọng của  
**LÊ-THANH** áo nảo bấy nhiêu,  
như đi sâu vào tận lòng người  
thính giả khiến cho thanh âm đã  
dứt, mà người nghe vẫn bồi hồi.

**TRỌNG - TẤU** dơ tay lên  
trời như muốn nói :

— Thấy người đẹp, đẹp như  
vây, về nhà tôi muốn kêu lính  
bắt...

● Tiếp đến, bạn **NGUYỄN-  
HỮU-HẸN**, trình bày thi phẩm  
« *Đêm Liên Hoan* » của **Hoàng-  
Cầm** với giọng ngâm vô cùng linh  
hào húng.

**NGUYỄN - QUANG** tuy  
ngồi gần **Thu-Trang**, nhưng không  
dám ngó mỹ-nhân, người ta thấy  
anh cứ chốc chốc lại liếc ngó anh

Nguyễn-Vỹ, và lấy ngón tay chỉ trên màn tang, có ý mét : " ai chơi ác, đổ martell vào ly bia, say quá anh ạ ".

● Chàng VIỆT-NHÂN chủ biên tuần-báo Tân - Dân, thì cứ mãi mê nhìn Thu Trang để nhắm rượu. Việt - Nhân than nhỏ nhỏ như muốn vô 6 câu vọng cổ :

— Nguyệt-Nga nàng đây mà Lục-Vân-Tiên đâu ?

Rồi như bị điện giật vì nguồn cảm hứng lai-láng dồi-dào, VIỆT NHÂN bật đứng dậy để trình bày một lớp Lục-Vân-Tiên với đủ điệu bộ của một gã... si tình. Anh chàng " Lục Vân Tiên " này đã hiến cho anh chị em " Phở-Thông " một trận cười vô cùng lý thú.

● Lão tướng quân NGUYỄN TRIỆU tuy già nhưng còn dẻo, chạy tới chạy lui đi xin chữ ký các bạn nhà văn cùng thân hữu của Phở-Thông.

Khi đến gần LÊ LIỄU, Lê-Liễu than với Nguyễn-Triệu :

— Em đau bụng, em phải về.

— Ủy trời đất !

— Đề em ngâm bài thi tặng anh Vỹ rồi em về !

— Hay là cô ăn cà-rem

cây trong Chợ - lớn hôm nọ nên đau bụng ? Trước lời pha trò của ông Nguyễn-Triệu, ai ai cũng bật cười.

● Ít nói nhất trong bữa tiệc mừng Phở Thông 2 tuổi, là kịch gia VI-HUYỀN-ĐẮC. Theo lời anh Vỹ giới thiệu lúc ban đầu, các vở kịch của VI-HUYỀN-ĐẮC sắp được trình diễn ở Paris, phải chăng vì vậy mà kịch-gia của Phở-Thông còn triền-miên trong một sự lạc quan, toại ý ?

Nhưng theo Thi-sĩ ĐÔNG-XUYÊN ngồi cạnh, thì VI-QUÂN phiến đại - ca THÁI VĂN - KIỂM. Vì anh bạn họ Thái từ trước vẫn ngồi tít ở bàn đảng kia, gọi là " Bàn Lệ Liễu ", cạnh anh THIẾU SƠN để thảo luận vấn đề " Một Đời Người ", lại bỗng dưng chạy sang bên này, ngồi cạnh Thu-Trang, để " mặc-kê " THẦM THỆ HÀ, đừng cho giáo sư kính trắng này " đầu láo " câu chuyện " vó ngựa cầu thu " !

● Ngồi cạnh nữ sĩ TRÚC-LIÊN đang mơ tưởng bài thơ *Con Ốc con*, " Clark Gable " MẶC THU có dịp trở tài ngâm

" *Màu Tím Hoa Sim* ". Khi ngâm dứt, giữa tràng pháo tay nổ ròn không biết Mặc Thu nghĩ thế nào, vừa ngồi xuống ghế, Mặc-Thu vừa nhắc lại 2 câu thi của KIÊN-GIANG HÀ-HUY-HÀ:

— *Họa tím thồi cài trên mái tóc,  
Ôi còn đâu nữa tấm băng  
trình.*

Nhưng " Clark Gable " Mặc Thu quên rằng trước mặt anh có ĐẶNG-NHÂM. Chàng giáo sư kiêm họa-sĩ này lòn tay xuống bàn, phác họa được 1 bức hình đặc biệt về Mặc Thu mà Đặng văn Nhâm sẽ để dành dành vào PHỒ-THÔNG XUÂN TÂN-SỬ !

● Trong khi anh Nguyễn-Vỹ luôn luôn mỉm cười vì buổi họp mặt mừng Đệ nhị chu niên Phở-Thông sao mà vui quá, vui vui quá, thì không biết có điều chi toại ý hải lòng, anh ĐẶNG-VĂN-CHÀ, giám đốc nhà xuất bản Nam-Cường cũng luôn luôn cười mỉm, chẳng biết cười chi.

Nhà Văn CỬU-LANG là chồng cô VĂN-NGA, tác giả

KIÊN TRINH, ngồi cạnh bác-sĩ HOÀNG - MỘNG - LUƠNG, lấy giấy ra biên chép : X, Z, \$ v.v.. Bác - sĩ họ Hoàng ngạc nhiên :

— Bộ anh định mượn khung cảnh này để viết chuyện gián điệp sao chứ ?

Cửu-Lang cười :

— Dạ không, tôi đang tìm một giải pháp giùm cho Nam-Cường.

— ?

— Chừng nào ảnh được phát đạt như xưa.

— À, cái đó anh phải nhờ Huỳnh-Liên tương số..

Trước khi giải tán, 10 giờ hơn, với mấy lời thân ái cảm ơn của anh Nguyễn - Vỹ, bạn VŨ-VĂN TÍNH hát bài Sayonara (tạm biệt) bằng tiếng Anh, hay tuyệt. Anh chị em vui-vẻ ra về, với một kỷ niệm hào hứng vô cùng.

\* Trong nhiều bài thi ca rất hay, được các giai-nhân ngâm hôm ấy, tôi còn ghi được năm ba bài xin đăng vào Phở Thông để giữ làm kỷ-niệm :

✧ của anh NGUYỄN-VỸ :

Tạp chí PHỔ-THÔNG hai tuổi rồi,  
 Mỗi người mỗi chút góp công nuôi.  
 Đông tây kim cổ chung lời đẹp,  
 Bạn hữu xa gần giúp chuyện vui.  
 Một bóng một đèn, ham viết... viết...  
 Chuôi ngày chuôi tháng, mặc trời... trời...  
 Dâng tờ dệt mộng, mơ hồn bướm,  
 Cái kiếp con tầm phải thế thôi!

N. V.

✧ của Thái văn Kiểm, chủ bút . Văn Hóa nguyệt san » Bộ Giáo Dục :

Phổ.Thông tạp chí mới ra đời,  
 Thấm thoát hai đông đã tới rồi.  
 Văn hóa nêu cao ba cõi đất,  
 Thanh danh truyền khắp bốn phương trời.  
 Non sông gấm vóc mong thêu dệt  
 Dòng dõi rồng tiên khéo vẽ vời.  
 Mặc-khách tao-nhân vui hợp mặt  
 Tô tình đoàn kết góp đôi lời.

Sài thành, 1-11-1960

Bao-La cư sĩ (1)

✧ của VIỆT-NHÂN :

« Thu ơi ai nhuộm lá thu vàng »  
 Hai tuổi cùng tròn với thế gian  
 Những muốn Phổ Thông cùng tuệ Nguyệt!

(1) biệt hiệu của Thái-Việt-Điền (Thái-văn-Kiểm) quê quán làng Bao-La, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Mặc dầu lao khổ lẫn huy hoàng  
 Diệu-Huyền vẫn dệt đường tơ mộng  
 Nguyễn Vỹ chi sồn nổi tác gang.  
 Còn sống thì còn cơ hội ngộ  
 DẤN-TA mấy độ tiếng liêng vang!

✧ của nhà văn Nguyễn Triệu, Sử gia :  
 MƯỠU

Chén vui nhớ bữa hôm nay,  
 Chén mừng lại đợi đến rày năm sau ;  
 Một phen tri-kỷ cùng nhau,  
 Khi thân chẳng lọ là cầu mới thân.

« Phổ-Thông tạp-chí

Thoạt nghe tên, ngỡ cũ-kỹ, nhưng không.  
 Ra chào đời kể mới ba đông,  
 Mà danh tiếng ngoài trong đều mức cả.  
 昔酒嘉肴忻召我  
 Chỉ từu gia hào hân triệu ngã,  
 經天緯地愧無文  
 Kinh thiên vĩ địa quý vô văn,  
 Cát chén mừng đời chữ nhật tân  
 Câu thơ mượn bút thần tô điểm;  
 Nhờ khiếu thông-minh, nhờ tài kinh-nghiệm,  
 Trên trường văn, trên trường văn, ai chiếm ngôi cao.  
 Non sông đương đợi thi-hào !

(1-11-1960)

✧ của nữ sĩ THƯỜNG-LẠC :

Năm vận thi mừng báo Phổ Thông  
 Lo tròn nhiệm vụ chầu hai đông  
 Vỡ ãi chung sức vang tâm tiếng

Văn hóa chen vai giúp giống dòng  
Nghệ thuật tài bồi xinh tô vẽ  
Diễn đàn vun đắp vững như tròng  
Mỗi năm mỗi tiến ngày thêm tiến  
Tiền để miên trường rạng núi sông.

(1-11-60)



★ của Thi-sĩ **ĐÔNG XUYÊN** :

Từ ra đời đến nay  
Tờ báo « Phổ-Thông » này,  
Tuổi tính hai năm chẵn,  
Công ghi một số dày.  
Văn chương vun Đất Nước,  
Trí-tư tưởng góp Đông Tây.  
Ước Báo lâu năm Sống.  
Đưa đường, được một cây!

Sài Gòn ngày 1-11-1960



Câu hò của cô **LỆ-LIỄU** :

Hò ơ ơ... Hôm nay là ngày mừng Phổ-Thông Tạp chí, mừng  
anh Nguyễn Vỹ với chị Diệu...ơ...Huyền. Hò ơ...ơ...!

Mừng Phổ Thông Đệ nhị chu niên... ờ... ơ...! dám hỏi anh  
Nguyễn Vỹ, ờ... ơ... ờ... vậy chứ chị Diệu-Huyền ở đâu ? ơ...!

Tiếng cười vang dậy cả gác lầu của nhà hàng Thanh-Thế. Anh  
Nguyễn Vỹ tùm tùm cười, không nói gì hết.

NGUYỄN-ANG-CA

Sắp xuất bản :

# ĐỜI THỨC GIA THƠ

của cụ **UNG BÌNH** Thức gia thị



Sưu tập và trình bày :  
CÔ TÔN-NỮ HỖ-KHƯƠNG (Huế)

Ấn loát và xuất bản :  
**THƯ LÂM AN THƯ QUÁN**  
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon

## THƯ LÂM AN THƯ QUÁN

231 - 233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon  
Điện thoại : 20.447

Sở thương mại : Saigon số 640 A  
Trương mục kho bạc Saigon số 9657  
Số Quốc - Gia Danh - Bộ

25	129	54	001
----	-----	----	-----

- ★ In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ, văn phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hoa ngữ.
- ★ In lịch treo — lịch bỏ túi — nhân hiệu, bao hộp — đóng sách đẹp.
- ★ Cung cấp dài hạn ấn phẩm, dụng cụ văn phòng cho công sở, tư sở tại Saigon và các tỉnh.
- ★ Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ, cho các hiệu đoàn, nhân cỡ áo (étiquettes) lớn, nhỏ, đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền, không phai.

Thư từ, ngân phiếu xin đề :

**THƯ LÂM AN THƯ QUÁN**

# Asphélyne



Đặc biệt trị:  
• **SUYỀN**

*Không thua gì  
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE  
**KIM-QUAN**  
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH  
SAIGON

# Asphélyne



Đặc biệt trị:  
• **SUYỀN**

*Không thua gì  
thuốc ngoại quốc*

PHARMACIE  
**KIM-QUAN**  
SỐ 1 CHỢ BẾN THÀNH  
SAIGON

K. D. số 577/HĐKD — Saigon, ngày 9-11-1960  
In tại nhà in TẤN-PHÁT — 283 Gia-Long — Saigon  
Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ